ISSN 1859-4212
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN

Khoa học và Công nghệ

SỐ 2
2020

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị. Điện thoại: 0233. 2211643
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 30/GP-XBĐS ngày 06/12/2019 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 100 cuốn, khổ 20x28cm tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2020

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư về việc "Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" 3
Trần Ngọc Lân

Đổi mới truyền thông khoa học và công nghệ góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học vào cuộc sống 12
Nguyễn Hữu Thắng

Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Gạo và Chuối ở huyện Hải Lăng và huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị 17
Lê Dinh

Hướng đi nào cho phát triển nguồn dược liệu bền vững ở Quảng Trị 22
Đào Ngọc Hoàng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 28
Nguyễn Hữu Thánh

Lựa chọn điều kiện lên men các chủng Probiotic ứng dụng sản xuất chế phẩm bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản 35
Lê Mậu Bình

Tổng quan về tuabin điện gió và tiềm năng phát triển điện gió của tỉnh Quảng Trị 41
Nguyễn Văn Đoài

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

Khoa học công nghệ trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững 51
Nguyễn Hồng Phương

Vĩnh Linh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tạo bước đột phá trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống 59
Phương Nga

Xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn cho bò 65
Trần Quang Phú

Tuổi trẻ Quảng trị với phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 69
Trần Thị Như Quỳnh

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

Vai trò của dòng họ trong việc bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống Quảng Trị 74
Cái Thị Vượng

Những quy ước truyền nghề và thực hành lễ nhạc của "làng nhạc" Điếu Ngao ở Đông Hà (Quảng Trị) 82
Nguyễn Thị Tâm Hạnh, Hoàng Ái Mỹ

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 89
Nguyễn Trí Ánh

15 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 50-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ VỀ VIỆC "ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC"

TRẦN NGỌC LÂN
TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học (CNSH) là nhiệm vụ quan trọng được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, ngày 04/3/2005, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW về việc "Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH đất nước" (Chỉ thị số 50-CT/TW). Để cụ thể hóa Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Trị đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-TU ngày 01/8/2006 về việc "Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH". Qua 15 năm thực hiện, việc nghiên cứu và ứng dụng CNSH trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Chỉ thị số 50-CT/TW nêu rõ "CNSH có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH - HĐH; là một yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm an ninh lương thực, chuyển đổi cơ cấu và phát triển bền vững kinh tế công nghiệp, nông thôn; cung cấp những sản phẩm cơ bản và thiết yếu cho chăm sóc sức khỏe cộng đồng; bảo vệ môi trường sống và phục vụ phát triển công nghiệp sinh học". Từ ý nghĩa đó, tỉnh Quảng Trị đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường,... việc ứng dụng CNSH và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, ngày càng đi vào chiều sâu.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng nghiên cứu ứng dụng CNSH để phát triển "6 cây, 2 con" chủ lực và một số cây trồng, con nuôi khác có giá trị và triển vọng nhằm phát triển theo hướng bền vững, an toàn sinh học. Trong đó, đặc biết chú trọng về công tác giống như khảo nghiệm, tuyển chọn, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới để chọn lọc và phục tráng các giống cây trồng có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh. Cụ thể, đã tiến hành khảo nghiệm và chọn lọc được một số giống lúa thuần mới chất lương cao như Bồ Đề 88 X2, N26, ĐT 100; phục tráng giống lúa thơm HC95 đạt cấp giống siêu nguyên chủng;

Quan tâm các nhiệm vụ mang tính nghiên cứu ứng dụng cao, tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng công nghệ tế bào để bảo tồn, lưu

giữ, phát triển và sản xuất các loại cây lâm nghiệp, cây dược liệu, cây hoa có giá trị kinh tế cao như: Ứng dụng công nghệ nhân giống vô tính (invitro) sản xuất thành công các dòng keo lai mới BV 33, BV73, BV75 phục vụ phát triển rừng nguyên liệu, rừng đạt chứng chỉ FSC cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao; các nhiệm vụ sản xuất cây dược liệu như Sâm Bố Chính, Ngưu tất, Lan Kim Tuyến, Lan Giả Hạc; sản xuất thương phẩm cây hoa Lan Hồ Điệp, hoa Lily, hoa Chuông, hoa Đồng tiền lùn…

phẩm làm đệm lót sinh học đã được hỗ trợ nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, chú trọng ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất giống, phục vụ công tác bảo tồn và phát triển một số giống con nuôi bản địa như: Lợn Vân Pa; gà Cùa, vịt Cỏ…

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, đã triển khai mô hình nuôi tôm siêu thâm canh với việc ứng dụng đồng thời nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào quy trình nuôi. Nhờ vậy, đã tăng được mật độ nuôi, tăng năng suất (60- 90 tấn/ha),

Thứ trưởng Bộ KH&CN Phạm Công Tạc (thứ nhất bên phải sang) thăm Hệ thống lên men tự động BIOCANVAS 300 lít tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

Tập trung triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHKT để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh như: mô hình chăn nuôi gà thịt trang trại tiêu chuẩn VietGAHP theo chuỗi giá trị tại vùng cát tỉnh Quảng Trị; các mô hình ứng dụng quy trình công nghệ an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn, gà, vịt như dùng chế phẩm trộn thức ăn chăn nuôi, chế

hạn chế được dịch bệnh; Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm Probiotic có các chủng vi sinh vật hữu ích bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản nói chung, phát triển nghề nuôi tôm nói riêng phù hợp tại tỉnh Quảng Trị... Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi mang lại nhiều lợi ích như: Vật nuôi khỏe mạnh, ít bệnh tật, tăng trọng nhanh, chất lượng thịt thơm ngon,

đặc biệt là xử lý chất thải và khử mùi hôi chuồng trại tạo môi trường sống tốt cho vật nuôi, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động và góp phần thay đổi thói quen, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân, tạo ra nguồn phân hữu cơ tốt cho cây trồng. Đặc biệt, Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN (Sở Khoa học và Công nghệ) đã nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thành công 06 loại chế phẩm vi sinh phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống.

thống hồ sinh học để xử lý nước thải chế biến cà phê; Ứng dụng công nghệ vi sinh vật bám để xử lý nước thải các bệnh viện, nước thải chế biến gỗ, nước thải chế biến cà phê; triển khai công nghệ khí sinh học bằng các mô hình hầm khí Biogas cho hiệu quả tốt về xử lý môi trường đồng thời sử dụng năng lượng tái tạo là khí đốt từ Biogas phục vụ vùng nông thôn và ven đô thị.

Trong lĩnh vực Y tế, đã tiến hành chọn lọc và triển khai áp dụng các tiến bộ KH&CN vào công tác bảo vệ, chăm sóc

Cán bộ Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN hướng dẫn bà con sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường tại xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh. Ảnh: Hải Yến

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, việc áp dụng CNSH vào sản xuất, chế biến tại cơ sở sản xuất và xử lý nước thải đã giảm thiểu ô nhiễm môi trường đạt kết quả tích cực. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW trên địa bàn tỉnh, chủ yếu ứng dụng công nghệ kỵ khí, biogas và chế phẩm E.M để xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất ở các làng nghề, nhà máy; Ứng dụng công nghệ Biogas kết hợp với hệ

sức khoẻ cộng đồng; Trồng và chế biến dược liệu; Tiếp tục sử dụng hiệu quả 17 loại vaccine trong đó có 9 loại vaccine sử dụng trong chương trình tiêm chủng mở rộng phòng chống bệnh trẻ em như: bệnh bại liệt, uốn ván trẻ sơ sinh, bạch hầu, ho gà, sởi, thuỷ đậu, rubella, quai bị, viêm gan siêu vi… Tiếp cận chuyển đổi một số loại vaccine thế hệ mới: viêm não nhật bản, viêm gan siêu vi B, bệnh dại. Sử dụng các men vi khuẩn sống

Pha môi trường nuôi cấy vi sinh vật tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị. Ảnh: Thùy Trang

trong điều trị loạn khuẩn đường ruột. Ứng dụng phản ứng gắn kết men trong chẩn đoán một số bệnh virut: viêm gan siêu vi B, HIV. Ứng dụng các KIT chẩn đoán và thiết bị sinh hóa máu phục vụ chẩn đoán bệnh kịp thời.

Trong hợp tác quốc tế trên lĩnh vực CNSH, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, Ngành liên quan chủ động hợp tác về KH&CN với Trường Đại học, Trung tâm Nghiên cứu khoa học khu vực và quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực KH&CN với những hình thức khác nhau, trong đó ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo các cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực CNSH như, công nghệ vi sinh để sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, bảo vệ sức khoẻ con người và môi trường sinh thái; Công nghệ chẩn đoán nhanh các loại bệnh hại cây trồng, vật nuôi; Công nghệ nhân giống cây và trình diễn các hệ thống canh tác ứng dụng công nghệ cao về sản xuất rau, hoa kiểng, dược liệu..., công nghệ sau thu hoạch.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, thông qua Chương trình *"Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi"*, tỉnh đã đào tạo 58 lượt kỹ sư và kỹ thuật viên thuộc các lĩnh vực nuôi cấy mô tế bào thực vật; phân lập và nhân giống các loại nấm ăn và nấm dược liệu; sản xuất chế phẩm sinh học... Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã tập trung đào tạo các cán bộ chuyên sâu về CNSH các lĩnh vực gồm: Công nghệ nuôi cấy mô *(In Vitro)*, công nghệ vi sinh vật, công nghệ sản xuất các loại nấm (đặc biệt là Đông trùng hạ thảo), công nghệ lên men sinh khối, công nghệ sơ chế và bảo quản nông sản, công nghệ chiết suất chế biến và công nghệ PCR (Polymerase Chain Reaction)… Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài

nguyên và Môi trường, Hội Nông dân tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực nông nghiệp cho cán bộ và hội viên Hội Nông dân trên địa bàn tỉnh; cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống do các bộ, ngành liên quan và các tổ chức phi Chính phủ tổ chức. Nhờ vậy, đã nâng cao chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực CNSH cho đội ngũ cán bộ làm công tác triển khai và ứng dụng CNSH.

Trong điều kiện của tỉnh còn khó về nguồn lực, nhưng những năm qua thông qua các nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và xã hội hóa đã từng bước đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất để từng bước phát triển CNSH trên địa bàn. Thông qua Chương trình *"Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi",* tỉnh đã đầu tư 5 dự án trang bị thiết bị, máy móc và cơ sở hạ tầng tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Năm 2010, tỉnh đã đầu tư một số trang thiết bị phục vụ cho nuôi cấy mô tế bào; Nghiên cứu, sản xuất chế phẩm vi sinh tại Trung tâm phát triển Công nghệ sinh học. Trong 2 năm 2016 và 2017, giao cho Sở Khoa học và Công nghệ triển khai 3 dự án thuộc Chương trình Nông thôn Miền núi… Các dự án tập trung giải quyết các vấn đề bức thiết do thực tiễn tại địa phương đặt ra. Trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ KH&CN liên quan đến phát triển sản xuất cho vùng bãi ngang phục vụ chuyển đổi sinh kế cho nhân dân vùng ven biển sau sự cố môi trường biển. Từ năm 2017, tỉnh đã đầu tư hệ thống nhà xưởng, máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ cao như: nhà kính, các trang thiết bị; hệ thống tưới tự động, nhỏ giọt; hệ thống cảm biến tự động; hệ thống làm mát, giữ nhiệt; hệ thống Camera theo dõi; hệ thống điều hành,

Sử dụng các chế phẩm sinh học trong nuôi tôm mang lại hiệu quả kinh tế cao tại Công ty TNHH MTV Việt Nam Thiên - Quảng Trị. Ảnh: Thùy Trang

vận hành từ xa qua Internet... tại Trạm Nghiên cứu Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa.

Qua 15 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, việc triển khai, ứng dụng CNSH trên địa bàn tỉnh đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa nền kinh tế của tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng khá; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng; Từng bước nâng cao tính ổn định, giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp; Góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Từng bước thay đổi tập quán canh tác của nông dân từ lạc hậu, thủ công thay đổi dần bằng tập quán canh tác hiện đại, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNSH trong các ngành, lĩnh vực với những hiệu quả thiết thực mang tính đột phá trong nhiều năm qua đã giúp CNSH dần đi vào thực tiễn sản xuất và đời sống, song những nghiên cứu, ứng dụng CNSH trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thực sự rộng khắp, chưa tạo ra nhiều sản phẩm chủ lực có hàm lượng KH&CN cao cho nền kinh tế địa phương; Tiềm lực CNSH vẫn còn hạn chế; Sự kết nối giữa cơ quan nghiên cứu về CNSH ở Trung ương với các tổ chức, cơ sở sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh chưa bền vững; Một số sản phẩm CNSH được nghiên cứu, tạo ra nhưng chưa được ứng dụng rộng rãi. Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNSH còn thiếu đồng bộ. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng CNSH còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và đáp ứng nhu cầu

Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh Bắc Trung Bộ thăm quan mô hình lan Hồ điệp tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến

Phòng Nuôi Đông trùng hạ thảo tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến.

phục vụ sản xuất và đời sống.

Với mục tiêu, triển khai ứng dụng mạnh mẽ hơn nữa CNSH để tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ tốt cho nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản là thế mạnh của tỉnh; Phát triển CNSH phục vụ cho sản xuất hữu cơ đạt trình độ công nghệ khá trong khu vực; xây dựng nền CNSH phát triển, nhất là công nghệ nuôi cây mô tế bào (Invitro), phát triển sản xuất hàng hóa một số sản phẩm chủ lực như gạo hữu cơ, cây dược liệu, cây công nghiệp... đóng góp vào tăng trưởng kinh tế các địa phương; Tiếp tục đầu tư, tăng cường tiềm lực cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNSH, xây dựng các tổ chức KHCN đủ năng lực triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao về lĩnh vực CNSH và tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học công nghệ trong và ngoài nước trên lĩnh vực CNSH; phấn đấu đến năm 2025, CNSH đóng góp quan trọng vào nâng cao tốc độ tăng trưởng; chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, các sản phẩm mang thương hiệu đặc sắc của tỉnh. Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành tỉnh khá. Trong giai đoạn 2020-2025, chúng ta cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền để cấp ủy, chính quyền các cấp, nhà quản lý, cán bộ đảng viên và Nhân dân nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí quan trọng của CNSH đối với sự phát triển và nâng cao đời sống.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, ban hành và áp dụng chương trình thu hút, bồi dưỡng, đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong lĩnh vực CNSH; Xây dựng và áp dụng chính sách thu hút, đa dạng hoá các nguồn đầu tư trong nước và ngoài nước

cho nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học; có chính sách ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ. Tuyển chọn, khuyến khích đội ngũ nhân lực có chất lượng cao về lĩnh vực CNSH vào làm việc tại các trung tâm ứng dụng KHCN và doanh nghiệp; Phối hợp, liên kết với các trường Đại học trong và ngoài nước để tập huấn nghiệp vụ và tiếp nhận chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về CNSH; Đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ nhằm ứng dụng CNSH. Tập trung ưu tiên nguồn lực để phát huy hiệu quả các trung tâm dịch vụ khoa học, công nghệ, trạm trại, các đơn vị sự nghiệp dịch vụ khoa học, công nghệ. Tăng cường trang thiết bị để đảm bảo khả năng khai thác và ứng dụng CNSH. Nhất là tập trung đầu tư hoàn thiện tại Trạm nghiên cứu và thực nghiệm Bắc Hướng Hóa (Đèo Sa Mù) và khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thôn Hướng Phú xã Hướng Phùng.

Tăng cường triển khai và ứng dụng CNSH trên các lĩnh vực:

Đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Nâng cao số lượng và chất lượng sản xuất các giống lúa giống đầu dòng; Khảo nghiệm chọn lọc các giống cây hoa màu có năng suất chất lượng cao đưa vào sản xuất. Phục tráng các giống cây màu địa phương có giá trị cao như: khoai, môn, từ, tía,... Nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ tế bào, công nghệ vi nhân giống để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt. Đẩy mạnh công tác tải tạo giống bò đưa tỷ lệ đàn bò lai đạt 60 -

Mô hình sản xuất giống keo lai tại huyện Cam Lộ. Ảnh: Tư liệu

70% vào năm 2025; Tổ chức lại chăn nuôi gia cầm theo hướng tập trung và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khống chế và kiểm soát tốt về bệnh cúm gia cầm. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải trong chăn nuôi. Đối với nuôi trồng thủy sản, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất giống, đổi mới quy trình công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến để nâng cao chất lượng con giống sản xuất trên địa bàn và công nghệ xử lý môi trường nước ao nuôi phù hợp, phục vụ chiến lược nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn dịch bệnh, bền vững.

Đối với lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường và Y tế: Tiếp tục ứng dụng các giải pháp CNSH và chế phẩm sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường từ chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp để khắc phục suy thoái và ô nhiễm môi trường. Sử dụng các loại vacxin phòng chống bệnh cho người, trong đó có vacxin thế hệ mới. Sản xuất kháng sinh, chế phẩm y sinh từ thảo dược bảo vệ sức khỏe người dân, phục vụ hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng của công tác khám, chữa bệnh và phòng bệnh. Đẩy mạnh việc ứng dụng CNSH trong xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp; ứng dụng CNSH trong xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất. Chú trọng ứng dụng CNSH trong xử lý đất bị ô nhiễm, cải tạo những vùng đất bị thoái hóa, hoang hóa. Tổ chức điều tra, đánh giá tính hiệu quả của các CNSH đã và đang ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước: Tăng cường hợp tác với các địa phương trong cả nước trong vấn đề nghiên cứu và ứng dụng, để từng bước hình thành hoặc tiếp nhận và làm chủ được một số lĩnh vực công nghệ sinh học ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất, phù hợp với điều kiện địa phương; phối hợp phát triển các doanh nghiệp ứng dụng CNSH vào sản xuất và xử lý môi trường, sản xuất quy mô vừa và nhỏ. Tiếp tục triển khai thực hiện văn bản thỏa thuận với Trường Đại học, trung tâm nghiên cứu ngoài nước để gửi cán bộ sang học tập, đào tạo về CNSH.

Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa các nguồn vốn từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh, nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương và các tổ chức phi chính phủ để thực hiện có hiệu quả việc triển khai ứng dụng CNSH thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

Qua 15 năm thực Chỉ thị số 50-CT/TW về việc *"Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"*, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNSH trong các lĩnh vực đời sống, xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, ngày càng đi vào chiều sâu, khẳng định được tính ưu việt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Thời gian tới với sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, sự quyết tâm của cấp chính quyền, đặc biệt sự hưởng ứng, mạnh dạn áp dụng CNSH vào sản xuất đời sống của bà con nhân dân, việc triển khai ứng dụng CNSH trên địa bàn tỉnh hứa hẹn sẽ đạt được nhiều kết quả tốt hơn nữa, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp chung của Ngành./.

T.N.L

ĐỔI MỚI TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GÓP PHẦN ĐƯA NHANH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN HỮU THẮNG
Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Hoạt động truyền thông đóng vai trò quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN). Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã xác định hoạt động tuyên truyền, phổ biến KH&CN là một trong sáu giải pháp chủ yếu để phát triển KH&CN. Tại Quảng Trị, thời gian qua công tác truyền thông KH&CN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trước yêu cầu và nhiệm vụ trong thời gian tới, công tác truyền thông KH&CN cần nhiều cố gắng hơn nữa, từng bước đổi mới nội dung, phương thức, góp phần đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn cuộc sống.

Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự phối hợp của các ban ngành, các địa phương, hoạt động truyền thông KH&CN trên địa bàn tỉnh đã gặt hái được những kết quả đáng ghi nhận. Nội dung tuyên truyền ngày càng đi vào chiều sâu, bài bản hơn, đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ làm truyền thông với các nhà khoa học, nhà quản lý, cán bộ kỹ thuật… từ đó thông tin đến với người dân nhanh hơn, cụ thể hơn, người dân vì thế cũng dễ dàng tiếp cận và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống. Hình thức tuyên truyền cũng được chú trọng thông qua nhiều kênh tuyên truyền khác nhau phù hợp với tình hình mới.

Từ năm 2017 đến nay, Sở Khoa học công nghệ đã thực hiện xuất bản được 9.710 ấn phẩm các loại; xây dựng 67 chuyên mục KH&CN trên Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị; 132 bài trên Báo Quảng Trị và 92 tin, bài, phóng sự trên các Đài, Báo Trung Ương. Đã phối hợp với 16 cơ quan Báo, Đài TW; Sản xuất 3 chương trình cho 5 sản phẩm trên kênh Nông nghiệp sạch của VTV; Thành lập Website sanphamquangtri.com; Fanpage, Website giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tạo các sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống...

Các ấn phẩm chuyên ngành ngày càng được chú trọng nâng cao về nội dung và hình thức, không chỉ xuất bản dưới dạng bản in truyền thống mà bổ sung hình thức bản điện tử tích hợp

Tọa đàm "Cách mạng công nghiệp 4.0 - cơ hội và thách thức" được phát sóng trên Đài PT-TH tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Sỹ Tiến.

trên Cổng Thông tin điện tử KH&CN của ngành. Năm 2020, ấn phẩm Bản tin Thông tin KH&CN được xuất bản bản điện tử, đăng tải tại địa chỉ: http://dostquangtri.gov.vn/Home/Anpham vừa tiết kiệm chi phí, vừa đáp ứng kịp thời thông tin đến độc giả. Chuyên mục Khoa học và Công nghệ trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh ngày càng thiết thực, ngoài việc cung cấp thông tin, nhiều số phát sóng đã tập trung đi sâu vào phổ biến các quy trình kỹ thuật để người dân có thể áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Chuyên trang Khoa học và Công nghệ trên Báo Quảng Trị (gồm cả báo điện tử và báo in) được duy trì 01 số/tuần và đón nhận sự theo dõi của nhiều độc giả. Cổng Thông tin điện tử KH&CN của Sở được duy trì, nâng cấp, tin tức được cập nhật đầy đủ, kịp thời nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, phản ánh kịp thời thông tin KH&CN của thế giới, trong nước và thông tin KH&CN của địa phương. Ngoài cập nhật phần tin tức về hoạt động KH&CN, Cổng Thông tin điện tử KH&CN đã chú trọng chuyển tải kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp quy khác về lĩnh vực KH&CN để người dân tiện theo dõi, áp dụng.

Đặc biệt trong những năm gần đây đã có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa công tác truyền thông địa phương và các kênh Đài, Báo khu vực, Trung ương. Vì thế, kết quả hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh được các cơ quan Báo, Đài khu vực và Trung ương tuyên truyền, phát sóng rộng rãi. Năm 2019, để đáp ứng nhu cầu thông tin trong tình hình mới, công tác truyền thông KH&CN mở rộng kênh truyên truyền thông qua mạng xã hội thông qua Fanpage Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã nhận được lượng người theo dõi rất đông đảo.

Với những cố gắng, nỗ lực trên, hoạt động truyền thông KH&CN trên địa bàn tỉnh đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng đối với KH&CN. Kịp thời chuyển tải các văn bản luật pháp mới ban hành như: Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật chuyển giao công nghệ, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Công nghệ cao, các Nghị định, Thông tư mới liên quan đến lĩnh vực KH&CN… Các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi triển khai thực hiện có hiệu quả được tuyên truyền, phổ biến kịp thời để người dân, doanh nghiệp tham khảo, áp dụng. Thông qua công tác tuyên truyền về hoạt động KH&CN đã tạo sự lan tỏa, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, ứng

Kết quả hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh được các cơ quan Báo, Đài khu vực và Trung ương tuyên truyền, phát sóng rộng rãi. Ảnh: Sỹ Tiến

dụng tiến bộ kỹ thuật trong nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng thẳng thắn nhìn nhận rằng công tác truyền thông về KH&CN vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như: Hoạt động thông tin KH&CN trên địa bàn tỉnh chưa đồng bộ, rộng khắp; Đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế; Đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông KH&CN còn mỏng, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác truyền thông thiếu; Thông tin về KH&CN khó hấp dẫn, thu hút người đọc.

Để từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên, cần thực hiện nhiều giải pháp, nhất là về cơ chế, chính sách cho hoạt động truyền thông KH&CN. Đầu tư đồng bộ, đầy đủ trang thiết bị, xây dựng nguồn lực con người... Đối với nhiệm vụ của ngành, cần chú trọng thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng, nội dung tuyên truyền. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của trung ương và địa phương…cần tuyên truyền kịp thời, đầy đủ, sinh động để người dân dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Đối với các nhiệm vụ KH&CN, tập trung đi sâu xuyên suốt giới thiệu hoặc phổ biến đối với từng nhiệm vụ KH&CN kể cả nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đến các đề tài/dự án cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp bộ và cấp quốc gia từ khi bắt đầu triển khai đến khi kết thúc nhiệm vụ. Đối với các nhiệm vụ KH&CN, sau khi kết thúc có khả năng nhân rộng, ngoài công tác tuyên truyền giới thiệu cần tập trung đi sâu vào phổ biến các quy trình kỹ thuật để bà con, doanh nghiệp dễ dàng áp dụng. Cần bố trí một phần kinh

Chương trình Nông nghiệp sạch của Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình về sản phẩm Tiêu tại HTX Tiêu Cùa, Cam Lộ. Ảnh: Sỹ Tiến

phí nhất định cho công tác tuyên truyền để các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài/dự án, các chủ nhiệm các nhiệm vụ có điều kiện thuận lợi trong việc tuyên truyền kết quả thực hiện.

Chú trọng công tác truyền thông về nêu gương, biểu dương, tôn vinh những cá nhân, tập thể có đóng góp trong công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thiết thực vào đời sống nhằm cổ vũ các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các lĩnh vực KH&CN và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và tác dụng của KH&CN.

Thứ hai, làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ chuyên trách truyền thông KH&CN thuộc Sở KH&CN và cán bộ có liên quan ở các ngành như khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư… các cấp, đặc biệt ở cấp xã phường, cán bộ đoàn thể… Đồng thời có hình thức thích hợp để bồi dưỡng kiến thức KH&CN có liên quan cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan truyền thông tham gia truyền thông về KH&CN. Tiếp tục tổ chức cho các cán bộ làm công tác truyền thông KH&CN tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ như kỹ thuật biên tập tin/bài, viết tin, kỹ thuật quay, dựng phim...

Thứ ba, đa dạng hóa các hình thức truyền thông như tổ chức hội chợ, trưng bày giới thiệu sản phẩm tại các hội nghị, hội thảo. Chú trọng kênh truyền thông qua mạng xã hội (Fanpage Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị) tạo điều kiện cho mọi người dân có thể khai thác sử dụng mọi lúc, mọi nơi. Mở rộng mạng lưới cộng tác viên từ cơ sở, phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn cấp huyện để cập nhật thông tin. Mặt khác, để đạt hiệu quả cao, cần huy động và phát huy vai trò của các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp KH&CN, lãnh đạo địa phương vào công tác này. Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành đoàn thể ở các địa phương nhất là cấp cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia các mô hình, dự án ứng dụng KHCN. Đặc biệt thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ nhiệm của các nhiệm vụ KH&CN với cán bộ làm công tác truyền thông KH&CN để đưa kết quả nghiên cứu vào cuộc sống một cách nhanh nhất, đầy đủ nhất.

Hoạt động truyền thông KHCN có vai trò hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển KH&CN, góp phần thúc đẩy thị trường công nghệ, là một trong những nhiệm vụ quan trọng để gắn kết cộng đồng và đội ngũ cán bộ khoa học. Nhiệm vụ quan trọng của công tác truyền thông KH&CN đã được khẳng định trong các văn kiện quan trọng như: Nghị quyết Trung ương 6 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020; Luật KH&CN sửa đổi... Hy vọng, với những quyết sách và chủ trương lớn về phát triển KH&CN, sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh, lãnh đạo ngành, sự nỗ lực, năng động hơn nữa của đội ngũ cán bộ làm truyền thông KH&CN của tỉnh, công tác truyền thông sẽ đưa KH&CN thấm vào xã hội một cách tự nhiên, đưa KH&CN gần gũi với người dân hơn nữa, để từ đó các tiến bộ KH&CN sẽ được ứng dụng rộng rãi, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của quê hương, đất nước./.

N.H.T

Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Gạo và Chuối ở huyện Hải Lăng và huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Lê Dinh
Chánh Thanh tra Sở KH&CN

Ngành nghề truyền thống nói chung và nghề sản xuất các sản phẩm gắn liền với tên địa danh đang thu hút một lượng lớn lao động dư thừa trong khu vực nông thôn; Khôi phục và phát triển khu vực sản xuất các sản phẩm gắn liền với tên địa danh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo, giảm tỉ lệ thất nghiệp trong khu vực nông thôn là thực tế và cần thiết. Trên cơ sở khảo sát thực tế kết hợp với việc phân tích đánh giá xu hướng, tầm ảnh hưởng của nhu cầu thị trường, yếu tố đặc trưng về chất lượng, công tác quản lý nâng cao giá trị và phát triển của sản phẩm, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện chương trình quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể sản phẩm gạo và chuối của các huyện Hải Lăng và Hướng Hóa nhằm nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm mang thương hiệu tập thể; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các sản phẩm mang yếu tố địa danh trên địa bàn tỉnh trong việc sử dụng nhãn hiệu tập thể, góp phần nâng cao hiệu quả, thu nhập cho người sản xuất và giữ gìn, phát huy giá trị sản phẩm.

Theo số liệu điều tra, toàn tỉnh hiện có 35 sản phẩm thế mạnh, thuộc 6 nhóm sản phẩm. Trong đó, nhóm Thực phẩm có 21 sản phẩm; nhóm đồ uống có 03 sản phẩm; nhóm Thảo dược có 06 sản phẩm; nhóm Vải và may mặc có 01 sản phẩm; nhóm Lưu niệm - nội thất - trang trí có 03 sản phẩm; nhóm Dịch vụ du lịch nông thôn có 01 sản phẩm. Ngoài ra, Quảng Trị hiện có gần 100 sản phẩm, vật phẩm tiềm năng có thể phát triển, tham gia chương trình OCOP. Trong đó có 05 sản phẩm có doanh thu trên 20 tỷ đồng/năm, có thị trường tiêu thụ ổn định ở khu vực Trung bộ và xuất khẩu đi các nước: Lào, Trung Quốc... với tổng số lao động tham gia là 3582 người.

Để các sản phẩm đặc sản ở Quảng Trị ngày càng cũng cố về chất lượng, nâng cao giá trị và phát triển của sản phẩm, đồng hành với việc xây dựng chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm đặc sản trên địa bàn của tỉnh; Chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Chuối và Gạo ở các huyện Hướng Hóa và Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị với mục tiêu đề ra là:

Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể nhằm nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể; mặt khác đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các sản phẩm mang yếu tố địa danh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong việc sử dụng nhãn hiệu tập thể; Xây dựng các nội dung kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu tập thể theo quy chế quản lý thống nhất về phương thức sử dụng nhãn hiệu tập thể "Chuối Hướng Hóa" và "Gạo Hải Lăng".

Hội đồng nghiệm thu kết quả Chương trình: "Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Chuối và Gạo ở các huyện Hướng Hóa và Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị".
Ảnh: Sỹ Tiến

Chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Chuối và Gạo triển khai dựa trên cơ sở các văn bản Pháp lý của Trung ương và địa phương (Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 Ban hành Quy định danh mục, định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 4565/KH-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh về việc Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2020 (Chương trình OCOP) và Quyết định số 112/QĐ-SKHCN ngày 20/6/2019 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt và giao nhiệm vụ thực hiện nội dung Chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Chuối và Gạo ở các huyện Hướng Hóa và Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;…).

Nhằm triển khai mục tiêu của chương trình trên cơ sở mục tiêu đặt ra, nhóm nghiên cứu tiến hành triển khai các hợp phần theo tuần tự hợp lý và khoa học bảo đảm về nội dung và tiến độ thời gian như sau:

Tập huấn triên khai quy trình và quy chế quản lý nhãn hiệu tập thể sản phẩm Chuối ở Hướng Hóa và Gạo ở Hải Lăng. Ảnh: Thiện Phúc

1. Khảo sát tiến hành thu thập thông tin về tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm Gạo với chủ thể quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo Hải Lăng, phòng Nông nghiệp huyện Hải Lăng và tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm Chuối với chủ thể quản lý nhãn hiệu tập thể Chuối Hướng Hóa, phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Hướng Hóa; nhằm thu thập thông tin, tài liệu và diễn biến cũng như kết quả của quá trình hoạt động xây dựng thương hiệu của các Chủ thể quản lý sản phẩm "Chuối" ở huyện Hướng Hóa và sản phẩm "Gạo" ở huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị trong thời gian kể từ khi các sản phẩm Gạo và Chuối được Cục Sở hữu trí cấp văn bằng nhãn hiệu tập thể "Chuối Hướng Hóa" (Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 08/05/2018 với Số Bằng 4-0299267-000) và nhãn hiệu tập thể "Gạo Hải Lăng" (Cục Sở hữu trí tuệ cấp ngày 08/9/2017 với Số Bằng 4-0287649-000).

2. Tiến hành xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể "Gạo" và "Chuối", gồm: Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung các Quy chế sửa đổi, bổ sung quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể; Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể; Quy chế cấp, sử dụng, quản lý tem nhãn sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể; Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể; Quy trình Kỹ thuật canh tác các sản phẩm Gạo Hải Lăng và Chuối Hướng Hóa.

Phương án xây dựng các Quy trình, Quy chế quản lý nhãn hiệu tập thể được thực hiện theo phương án: Nhóm nghiên cứu xây dựng dự thảo dựa trên thông tin thu thập từ thực tế sản xuất và kinh doanh sản phẩm ở địa phương, tham vấn các văn bản về quản lý nhãn hiệu tập thể ở Việt Nam và hoàn thiện dự thảo, gửi văn bản Dự thảo lấy ý kiến thảo luận, đóng góp về các Quy trình,

Quy chế của các tổ chức, cá nhân liên quan ở huyện Hướng Hóa và huyện Hải Lăng. Hoàn thiện lại Dự thảo gửi Ban chấp hành Hội Nông dân huyện Hướng Hóa và Hội đồng quản trị Liên hiệp Hợp tác xã Nông sản an toàn Hải Lăng để thống nhất các Quy trình, Quy chế quản lý nhãn hiệu tập thể.

3. Tổ chức tập huấn theo từng chuyên đề ở địa phương: Quy trình và Quy chế sau khi thống nhất về nội dung, tiến hành triển khai tập huấn đến từng chủ thể sản xuất và kinh doanh

sản phẩm ở địa phương. Công tác tập huấn ở địa phương được triển khai trên cơ sở thực hiện Quyết định số 295/QĐ-SKHCN ngày 01/11/2019 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các Chuyên gia tham gia tập huấn đều là cán bộ giàu kinh nghiệm về chuyên ngành. Huyện Hải Lăng gồm 05 chuyên đề, mỗi chuyên đề tham gia hơn 40 học viên là cán bộ quản lý và xã viên của 10 Hợp tác xã và huyện Hướng Hóa 05 chuyên đề, mỗi chuyên đề tham gia gần 50 học viên là cán bộ quản lý hội Nông dân và Hội viên của 07 xã trên địa bàn huyện Hướng Hóa.

4. Phối hợp với tổ chức, cá nhân có chuyên môn để triển khai thực hiện các nội dung về thiết kế, lựa chọn mẫu tem, nhãn, bao bì sản phẩm để phục vụ cho việc thương mại hóa sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể Gạo Hải Lăng và chuối Hướng Hóa.

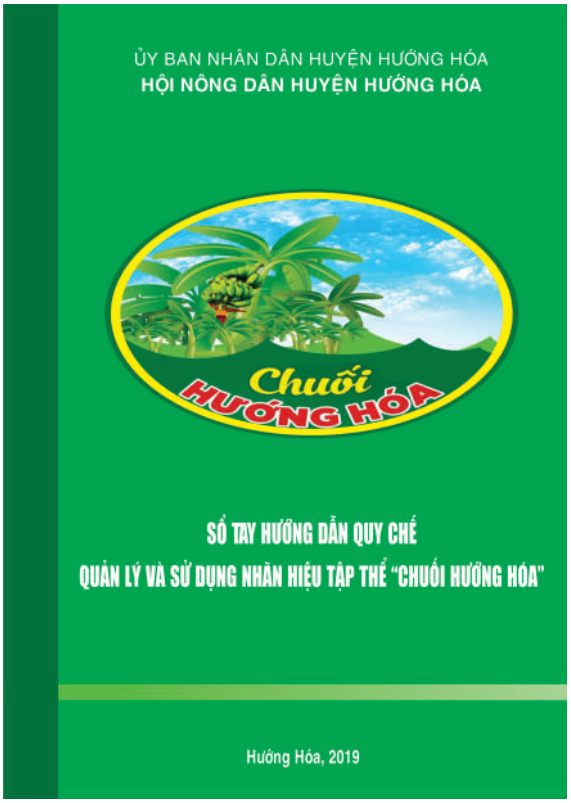

Triển khai thiết kế và in ấn tem, bao bì sản phẩm Gạo và Chuối, mỗi loại 03 mẫu sản phẩm, lấy ý kiến lựa chọn của các chuyên gia và các tổ chức quản lý ở 02 địa phương là Hướng Hóa và Hải Lăng, thống nhất chọn 01 mẫu để phục vụ cho việc thương mại hóa sản phẩm trong thời gian đến. Tem sản phẩm bao

gồm Biểu tượng Logo sản phẩm và Mã QR Code sản phẩm, thông tin về sản phẩm.

5. Xây dựng Hồ sơ về tiêu chuẩn chất lượng Cơ sở sản phẩm Gạo và Chuối bao gồm: Bản công bố về Tiêu chuẩn chất lượng Cơ sở: Quyết định Công bố; Nội dung về bản Tiêu chuẩn chất lượng Cơ sở.

6. Xây dựng nội dung, thiết kế và in ấn Sổ tay quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo và Chuối: Thiết kế và in Sổ tay quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo Hải Lăng và Sổ tay quản lý nhãn hiệu tập thể Chuối Hướng Hóa đến từng chủ thể sản xuất sản phẩm.

Chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Gạo và Chuối ở các huyện Hướng Hóa và Hải Lăng của tỉnh Quảng Trị bảo đảm tiến độ, nội dung và kết quả theo thuyết minh Chương trình đã đề ra, sản phẩm là các Quy trình, Quy chế quản lý nhãn hiệu tập thể; Tem, nhãn sản phẩm; Tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm, Sổ tay quản lý nhãn hiệu tập thể sản phẩm "Gạo Hải Lăng" và "Chuối Hướng Hóa"; Kết quả Chương trình bước đầu đã tạo dựng được nhận thức về sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu tập thể nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Mặt khác là nhờ sự đồng tình và ủng hộ của các cấp chính quyền từ Sở Khoa học và Công nghệ, các Phòng chuyên môn liên quan của thuộc Sở, UBND các huyện, thành phố, các phòng Kinh tế và Kinh tế-Hạ tầng ở các huyện Hải Lăng và Hướng Hóa, thành phố và các tập thể, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm Gạo Hải Lăng và Chuối Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, cũng như kinh nghiệm của các cá nhân và tổ chức triển khai và thực hiện Chương trình.

Kết thúc Chương trình các tổ chức quản lý nhãn hiệu tập thể Gạo Hải Lăng và Chuối Hướng Hóa có cơ sở để quản lý, triển khai và áp dụng các giải pháp quản lý nhằm ổn định chất lượng và gia tăng sản lượng Gạo Hải Lăng và Chuối Hướng Hóa đối với thị trường trong và ngoài tỉnh; Chất lượng sản phẩm ngày càng ổn định, làm tăng giá trị của sản phẩm, gia tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao thu nhập, góp phần xoá đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết công ăn việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp trong khu vực nông thôn.

Chương trình Quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể các sản phẩm Gạo và Chuối ở các huyện Hướng Hóa và Hải Lăng của tỉnh Quảng Trị với thời gian thực hiện ngắn, nguồn kinh phí còn hạn hẹp…, nên có nhiều nội dung liên quan chưa triển khai được. Vì vậy, trong thời gian đến nhóm nghiên cứu đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, UBND các huyện Hải Lăng và Hướng Hóa chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện về cơ chế hỗ trợ và nguồn kinh phí để triển khai tiếp Chương trình trong giai đoạn tiếp theo với các nội dung như sau:

(1). Hỗ trợ về phương tiện và thiết bị nhằm tăng thời gian và hiệu quả quá trình bảo quản sản phẩm của Chương trình trong thời gian đến, nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm, phục vụ tốt cho công tác thương mại hóa sản phẩm.

(2). Hỗ trợ các điều kiện về thông tin thị trường và tham gia các dịp trưng bày, triển lãm, ngày hội, sự kiện…

(3). Xây dựng mô hình phát triển hệ thống phân phối và đại lý để giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trong thời gian đến./.

L.D

HƯỚNG ĐI NÀO CHO PHÁT TRIỂN NGUỒN DƯỢC LIỆU BỀN VỮNG Ở QUẢNG TRỊ

Đào Ngọc Hoàng
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu,
Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Nguồn dược liệu ở Quảng Trị dồi dào, phong phú và chất lượng cao hơn nhiều các địa phương khác nhờ những lợi thế đặc thù về địa chất, địa hình và nhờ cái nắng, cái gió, cái khắc nghiệt của khí hậu. Với nhu cầu của xã hội ngày càng cao và hướng đến sử dụng các sản phẩm dược liệu có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với môi trường và có lợi cho sức khỏe thì các sản phẩm làm từ thảo dược được ưu tiên hàng đầu, trong khi đó thực trạng khai thác và chế biến sản phẩm từ dược liệu ở địa phương còn nhiều bất cập. Vì thế, để phát triển an toàn, bền vững nguồn dược liệu địa phương, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng, thời gian tới cần có những hướng đi, giải pháp thích hợp hơn.

Việt Nam là nước có nền y học cổ truyền phát triển, có vốn tri thức y học bản địa phong phú và có nguồn tài nguyên dược liệu rất đa dạng và dồi dào. Bao đời nay, cộng đồng dân tộc Việt Nam đã tích lũy được những kinh nghiệm và truyền thống lâu đời trong sử dụng các loại cây, con làm thuốc góp phần hình thành nên một kho tàng tri thức khổng lồ mang bản sắc riêng của từng dân tộc, từng vùng miền. Ngành Y tế đã tổng hợp được danh mục các loài cây thuốc từ cộng đồng các dân tộc và thu thập, sưu tầm được gần 1.300 bài thuốc dân gian trên cả nước. Những tri thức bản địa này là cơ sở quan trọng nhằm hỗ trợ cho việc sàng lọc, nghiên cứu phát triển sản phẩm phục vụ công tác phòng và chữa bệnh của nhân dân. Đây chính là kho tàng quý báu để nước ta xây dựng chiến lược phát triển các nguồn dược liệu và tạo ra các sản phẩm từ dược liệu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe và phát triển kinh tế. Hiện nay, thế giới đang có xu hướng định hình lại phương pháp nghiên cứu tìm ra các thuốc mới thay vì chú trọng đến việc tổng hợp hóa học trong phòng thí nghiệm với nhiều khó khăn, nhiều độc tính cùng chi phí lớn. Các nhà khoa học dược, các tập đoàn dược phẩm lớn hiện đang chú trọng vào sàng lọc từ thiên nhiên để tìm ra các hoạt chất sinh học mới có dược tính mạnh hơn, ít độc hơn và với chi phí cho nghiên cứu phát triển thấp hơn so với tổng hợp hóa học. Hiện trên thế

giới, những hoạt chất từ dược liệu đã và đang đem lại doanh thu hàng chục tỷ USD mỗi năm như: Taxon chữa ung thư từ Thông đỏ; acid shikimic chữa cúm từ Hồi; vinblastin và vincristin chữa ung thư từ Dừa cạn… Vì vậy, những đặc sắc về nguồn gen và tri thức của nước ta chính là những lợi thế quan trọng để tiếp cận thị trường, giúp hỗ trợ mạnh cho quá trình sàng lọc ban đầu.

Đoàn công tác khảo sát mô hình trồng cây Hương Nhu tại xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông. Ảnh: Sỹ Tiến

Theo kết quả điều tra gần đây, Việt Nam đã ghi nhận được trên 5.000 loài thực vật được sử dụng làm thuốc; trong đó có gần 200 loài có tiềm năng khai thác và phát triển trồng để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và hướng tới xuất khẩu. Việc nuôi trồng dược liệu cũng làm tăng hiệu quả kinh tế cho các hộ nông dân, đặc biệt là có hiệu quả kinh tế cao hơn từ 3 - 5 lần so với trồng một số loại cây nông nghiệp khác. Đến nay, ngành Y tế đã duy trì mạng lưới bảo tồn nguồn gen tại 7 vùng sinh thái gồm: Vùng đồng bằng Sông Hồng, (Hà Nội), vùng trung du phía Bắc (Tam Đảo), vùng núi cao phía Bắc (Lào Cai), vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa), vùng Tây Nguyên (Đà Lạt), vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Phú Yên) và vùng Đông Nam bộ (Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời, ngành đã lưu giữ và bảo tồn 1.531 nguồn gen thuộc 884 loài cây thuốc tại 7 vườn cây thuốc thuộc các đơn vị; 100% các nguồn gen bảo tồn được đánh giá ban đầu; hơn 30% nguồn gen được đánh giá chi tiết về các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển. Nước ta có diện tích đất đai rộng lớn và trù phú với lượng nhân công dồi dào, rất phù hợp cho công tác nuôi trồng, thu hái dược liệu. Đặc biệt, giá trị kinh tế mang lại từ việc trồng dược liệu cao hơn hẳn so với các loại cây lương

thực khác cho nên phát triển dược liệu đang và sẽ là một hướng bền vững, ổn định góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhiều vùng trong cả nước. Đồng thời, công tác phát triển dược liệu luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Đặc biệt, Luật Dược năm 2016 đã đưa ra rất nhiều chính sách lớn, tạo tiền đề quan trọng cho công tác phát triển dược liệu trong giai đoạn hiện nay.

Sản phẩm Dây Thìa canh hòa tan và dạng sấy khô do Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN nghiên cứu thử nghiệm. Ảnh: Sỹ Tiến

Thị trường tiêu thụ dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu của Việt Nam là rất lớn. Hệ thống khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hiện có 63 bệnh viện y học cổ truyền công lập; 92,7% bệnh viện đa khoa tỉnh có bộ phận y học cổ truyền; khoảng 80% trạm y tế xã có hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và gần 7.000 cơ sở hành nghề y học cổ truyền tư nhân sử dụng dược liệu trong khám chữa bệnh, riêng khối bệnh viện y học cổ truyền công lập sử dụng khoảng 300 loại dược liệu khác nhau ở mức khoảng 3.000 tấn mỗi năm. Ngoài ra cả nước có khoảng gần 300 cơ sở sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và gần 2.000 cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng sử dụng khoảng 25.000 tấn và khối lượng dược liệu xuất khẩu cũng đạt khoảng 20.000 tấn mỗi năm.

Hiện tại chưa có thống kê đầy đủ hay đề tài nghiên cứu về số lượng và chủng loại về cây dược liệu ở Quảng Trị nhưng căn cứ vào sự phân bố cây dược liệu ở rừng nhiệt đới và đặc biệt là rừng phân bố như ở địa bàn Quảng Trị thì ước tính Quảng Trị có khoảng 1.000 loại cây dược liệu khác nhau gồm các loại cây: Quế, Sa nhân, Trẩu, Bời lời, Chè vằng, Cà gai leo, Hương nhu, Diệp hạ châu, Nghệ, Gừng… Những loại dược liệu

này được phân bố tại tất cả các huyện, trong đó tập trung ở vùng núi Hướng Hóa và Đa Krông chiếm ưu thế. Cùng với địa bàn phân bổ rộng, lợi thế về khai thác sản phẩm cao, thị trường tiêu thụ nên hiện nay nhiều địa phương, cơ sở đang thu mua, chế biến và lưu thông sản phẩm trên thị trường mang tính đặc sản của Quảng Trị. Tuy nhiên, việc quản lý và phát triển các loại dược liệu chưa được kiểm soát; việc khai thác, chế biến phương pháp nấu cao thủ công hoặc bán sản phẩm thô nên không kiểm soát được chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm và làm giảm giá trị hoạt chất của dược liệu. Việc bao gói sản phẩm cũng như đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu và công bố chất lượng, tiêu chuẩn của các cơ sở chưa đầy đủ nên việc thương mại sản phẩm là hết sức khó khăn, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Sản phẩm được hình thành từ đề tài cấp tỉnh "Nghiên cứu quy trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Trà thảo dược hòa tan Giáo Cổ Lam từ nguồn nguyên liệu tự nhiên trên đảo Cồn Cỏ". Ảnh: Sỹ Tiến

và thương mại các sản phẩm dược liệu đều do người dân thực hiện một cách tự phát nên còn tồn tại một số vấn đề sau:

Khai thác dược liệu tự nhiên, thiếu quy hoạch, kế hoạch, bảo tồn và kiểm soát; đặc biệt là khai thác tất cả từ ngọn đến tận gốc và đào cả rễ, củ hơn nữa nhiều hộ dân đã tận thu từ già đến non và khai thác ngày càng nhiều nên đã làm cạn kiệt nguồn dược liệu, chưa chú trọng đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu nên sản phẩm thiếu ổn định về số lượng lẫn chất lượng.

Chế biến dược liệu chủ yếu bằng

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm quy định *"Chất có nguồn gốc tự nhiên bao gồm động vật, khoáng vật và thực vật dưới dạng chiết xuất, phân lập, cô đặc và chuyển hóa"* thì được xếp vào thực phẩm bảo vệ sức khỏe và muốn sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe thì cơ sở phải đạt yêu cầu về điều kiện thực hành sản xuất tốt (GMP) nhưng hiện tại toàn tỉnh chưa có một cơ sở sản xuất

Vùng nguyên liệu Cà gai leo ở Cam Lộ, Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

nào đạt được.

Công tác tiếp cận, giới thiệu, quảng bá và kết nối với thị trường để đưa các sản phẩm từ dược liệu ra thị trường còn thủ công, tự phát, chưa có chiến lược cụ thể, chưa ứng dụng đầy đủ công nghệ thông tin vào quảng bá và thương mại sản phẩm nên mức tiêu thụ còn thấp, giá trị sản phẩm chưa tương xứng.

Nhiều Startup muốn khởi nghiệp từ dược liệu nhưng thiếu thông tin đầy đủ, thiếu định hướng chiến lược, thiếu quy trình công nghệ mới, thiếu mô hình kinh nghiệm, thiếu phương pháp tiếp cận… nên còn chưa dám thực hiện.

Trong bối cảnh môi trường rừng nhiệt đới ngày càng có xu hướng thu hẹp; khả năng khai thác dược liệu tự nhiên giảm sút; tri thức bản địa, đặc biệt là tri thức đối với thu hoạch, sơ chế, sử dụng nguồn dược liệu chưa được chú trọng; khi diện tích đất sản xuất của nông hộ càng thu hẹp và với những tiềm năng, lợi thế và đặc thù của Quảng Trị thì việc xây dựng chiến lược và giải pháp nhằm phát triển cây dược liệu thành hàng hoá; nâng cao chất lượng, giá trị và ngày càng phát triển ổn định có ý nghĩa cao về khoa học và thực tiễn, nhằm bảo tồn phát triển nguồn dược liệu ở địa phương; đa dạng hóa ngành nghề, sản phẩm; tạo công ăn, việc làm và tăng khả năng thu nhập cho nông hộ là điều hết sức cần thiết. Trong khuôn khổ bài viết này tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Trên cơ sở đã xác định dược liệu là cây chủ lực trong sản xuất nông nghiệp (6 cây, 2 con chủ lực) tỉnh cần có định hướng, quy hoạch, chiến lược và có chính sách phát triển một cách bền vững, đặc biệt là các loại dược liệu quý, hiếm như: chính sách về đất đai, tín dụng, cơ sở vật chất, quy trình công

nghệ, giống… cho người sản xuất và doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng và chế biến dược liệu.

Tổ chức sản xuất, tạo liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu; phối hợp với người dân, chính quyền địa phương xây dựng, phát triển vùng sản xuất nguyên liệu theo quy hoạch, đặc biệt đối với những loại dược liệu đang có nhu cầu lớn, phù hợp với điều kiện sinh thái và địa lý của từng địa phương.

Tăng cường công tác khuyến nông cho cây dược liệu theo hướng chuyển giao kỹ thuật cho hộ nông dân. Tổ chức tập huấn, xây dựng các mô hình chuyển giao kỹ thuật; xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Khuyến khích các hộ nông dân dồn điền, đổi thửa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để phát triển thành vùng sản xuất cây dược liệu tập trung, chuyên canh, thuận lợi cho áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong vùng quy hoạch.

Nghiên cứu các giải pháp chế biến sâu các loại dược liệu theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong trồng và chế biến dược liệu; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; hoàn thiện bao bì, mẫu mã và đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu và thương mại sản phẩm.

Trên cơ sở mô hình sản xuất, chế biến dược liệu tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị (Sở Khoa học và Công nghệ) tỉnh tiếp tục đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật nâng cấp cơ sở chế biến của Trung tâm thành cơ sở sản xuất các sản phẩm từ dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP, đây vừa là cơ sở sản xuất, gia công cho các cơ sở chế biến dược liệu vừa là mô hình tiêu biểu của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm hàng hóa. Hướng dẫn, hỗ trợ công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu. Hỗ trợ xây dựng Cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, phát triển dược liệu và áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Có thể nói rằng thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất Quảng Trị những lợi thế đặc thù riêng để phát triển dược liệu vừa phong phú, đa dạng và giá trị đó cũng chính là sự kết tinh của một miền quê đầy nắng và gió… Hy vọng rằng, về lâu dài với những bước đi thích hợp, người nông dân Quảng Trị có thể làm giàu trên mảnh đất mình đang cày xới, cho ra đời những sản phẩm có giá trị, góp phần trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người./.

Đ.N.H

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI NGŨ NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, THÔN, BẢN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Hữu Thánh
Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn

Đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) có vai trò quan trọng, là người trực tiếp đem các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; là người trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, tuyên truyền, vận động người dân xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh… ở địa phương, góp phần xây dựng và hoàn thiện bộ máy chính quyền cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn", đặc biệt là từ khi có Luật Cán bộ, công chức cùng với sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Quảng Trị đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Việc bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm cán bộ, công chức đã được thực hiện đúng quy định; bố trí các chức danh phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo; việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức đã dần đi vào nền nếp và được thực hiện công khai, minh bạch đã góp phần động viên đội ngũ cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP *về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã,* Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 và được UBND tỉnh Quảng Trị cụ thể hoá tại Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 *về quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn*

và thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Từ đó, tỉnh Quảng Trị đã xây dựng được đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố có bản lĩnh vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, góp phần giúp cho các hoạt động quản lý của hệ thống chính trị cấp xã có hiệu lực và hiệu quả hơn.

Theo số liệu của Sở Nội vụ, tính đến đầu năm 2018, ở 141 xã, phường, thị trấn của tỉnh Quảng Trị có 3.165 cán bộ, công chức và 2.635 người hoạt động không chuyên trách; ngoài ra ở 1.082 thôn, bản, khu phố toàn tỉnh hiện có 3.383 người hoạt động không chuyên trách (*không tính số lượng những người hoạt động không chuyên trách khác của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội hưởng chế độ khoán quỹ phụ cấp*). Tính chung toàn tỉnh có 9.183 cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố đang hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước.

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26 của HĐND và Quyết định số 08 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, chế độ chính sách, mức phụ cấp, hỗ trợ đối với các chức danh không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố được điều chỉnh phù hợp hơn với tình hình thực tế của tỉnh, thu hút được nhiều người có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ tham gia đảm nhiệm công việc, thực sự là cầu nối giữa nhân dân với cấp uỷ, chính quyền, góp phần ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mặt khác, đây cũng là đội ngũ cán bộ dự nguồn để các địa phương xây dựng và quy hoạch đội ngũ cán bộ trong tương lai.

Hội đồng KH&CN nghiệm thu đề tài cấp tỉnh: "Nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Sỹ Tiến

Tuy nhiên, do số lượng những người hoạt động không chuyên trách

hiện nay nhiều do ít địa phương bố trí chế độ kiêm nhiệm; kinh phí chi trả lớn, hiệu quả hoạt động một số nơi còn thấp. Trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ không chuyên trách chưa cao, đội ngũ này lại được hình thành từ nhiều nguồn nên chưa đảm bảo chuẩn hoá về trình độ, năng lực và chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn nhất là ở thôn, bản, khu phố. Qua khảo sát cho thấy, người hoạt động không chuyên trách có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ 1%; 46% đại học; cao đẳng 8%, trung cấp 20%, sơ cấp 4% và chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ 21%. Số không chuyên trách cấp xã chưa qua đào tạo ở tỉnh Quảng Trị chiếm một tỷ lệ còn khá cao (21%), ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả trong công tác. Việc trang bị kiến thức lý luận chính trị cho những người không chuyên trách cấp xã đạt trình độ trung cấp là 28,68%, sơ cấp chiếm 35,65%, còn 35,46% chưa được đào tạo, bồi dưỡng; tỷ lệ đã qua bồi dưỡng quản lý nhà nước còn thấp (chỉ 14,91%).

Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố của tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Quyết định 08/QĐ-UBND tỉnh hiện có 3.437 người. Trong đó, tỷ lệ đảng viên trong số những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chiếm tỷ lệ khá cao 65,49%. Điều đó cho thấy, các địa phương, các tổ chức cơ sở đảng rất quan tâm về công tác đảng, chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong của đảng viên ở thôn, tổ dân phố. Tuy nhiên, chất lượng học vấn đang còn thấp: về văn hoá, tốt nghiệp THPT 58,57%; THCS 38,70% và còn 2,70% tiểu học. Hiện tại, 68,80% những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chưa qua đào tạo chuyên môn; sơ cấp 7,16%, trung cấp 13,10%, cao đẳng 1,75%, đại học 9,11% và sau đại học chỉ có 3 người. Về lý luận chính trị, 72,94% chưa qua đào tạo, sơ cấp 13,15%, trung cấp 13,10% và cử nhân, cao cấp chỉ có 0,80%. Về bồi dưỡng quản lý nhà nước, có 92,67% chưa qua bồi dưỡng. Như vậy, số cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chưa qua đào tạo ở tỉnh Quảng Trị còn chiếm một tỷ lệ cao, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động; hiệu quả xử lý công việc, tiếp nhận, truyền đạt thông tin đến người dân, tuyên truyền vận động, triển khai thực hiện nhiệm vụ ở địa phương.

Mặt khác, dù đã được quy định trong các văn bản quản lý nhà nước, nhưng để xác định rõ thế nào là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố vẫn chưa thống nhất. Điều đó dẫn đến việc xác định địa vị pháp lý, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, thời gian làm việc, cơ sở đánh giá hiệu quả công tác, chế độ, chính sách… của nhóm đối tượng này cũng chưa cụ thể, rõ ràng. Cộng với thu nhập thấp nên một số có tư tưởng dao động, chưa thực sự tâm huyết với công việc đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả và hiệu lực của chính quyền cấp xã. Đây là vấn đề cần sớm được xử lý thoả đáng để góp phần hoàn thiện hệ thống chính trị ở cơ sở.

Trên cơ sở thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương 6 khoá XII *"Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế. Quy định và*

thực hiện nghiêm, thống nhất việc khoán chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, tổ dân phố", trong khi chờ có những sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã nói chung, người hoạt động không chuyên trách nói riêng thì mỗi địa phương cần chủ động trong việc tổng kết thực tiễn. Bằng những thí điểm có tính đột phá về tinh giản biên chế; quy định số lượng, chức danh; mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm và một số chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là một việc làm cần thiết phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 6.

Trao giấy chứng nhận cho học viên đã hoàn thành chương trình lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng. Ảnh: Baoquangtri.vn

Xuất phát từ thực tiễn ở tỉnh Quảng Trị, trong thời gian tới việc tinh giản, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách là cấp thiết. Số người không chuyên trách sẽ giảm đáng kể và được xác định cụ thể; thực hiện kiêm nhiệm bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn; khẩn trương, cương quyết sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước; đề xuất thống nhất mức phụ cấp kiêm nhiệm chỉ một mức và không hạn chế chức danh kiêm nhiệm; các chế độ hỗ trợ khác được quy định cụ thể, rõ ràng hơn… Việc tinh giản cụ thể vị trí nào, người nào tiếp tục làm, người nào nghỉ… sẽ được phân quyền và tạo điều kiện linh hoạt cho cơ sở tự bàn bạc và quyết định. Cụ thể bằng các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, về tinh giản số lượng. Đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở; sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã và thôn, bản, khu phố trên cả nước nói chung, địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng là giải pháp cơ bản nhằm xác định lại số lượng, cơ cấu đội ngũ cán

bộ, công chức cấp xã trong toàn tỉnh. Đồng thời, là cơ sở để sắp xếp, bố trí lại đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố theo hướng đảm bảo chất lượng, hiệu quả hoạt động, từ đó làm cơ sở để thực hiện các chính sách, chế độ, giảm ngân sách chi trả lương, phụ cấp cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách, tiết kiệm được nguồn kinh phí cho đầu tư phát triển. Về vấn đề này, đề xuất đối với cấp có thẩm quyền về việc quy định thống nhất tên gọi chung, tên gọi từng chức danh và số lượng tối đa để HĐND các tỉnh có căn cứ ban hành phù hợp với tình hình địa phương. Đối với số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố tỉnh Quảng Trị cần tiến hành tinh giản bằng việc quy định các chức danh phù hợp với phân loại cấp xã, trên cơ sở đó định biên số lượng theo phân loại. Mặt khác, cũng cần tính đến tình hình kinh tế, văn hoá, địa lý, dân cư và đặc biệt là đặc thù của cấp xã ở Quảng Trị, vừa có miền núi, vừa có miền biển, vừa có đồng bằng, có xã giáp biên, nhiều xã khó khăn, địa bàn rộng việc xác định số lượng đội ngũ không chuyên trách cần phải tính toán phù hợp.

Thứ hai, về tuyển dụng, bố trí và sử dụng những người không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố. Hiện nay, về mặt văn bản nhà nước chưa có quy định nào của cấp có thẩm quyền xác định tiêu chuẩn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố. Do đó cần đưa ra một số tiêu chí để xác định các tiêu chuẩn trong công tác nhân sự (*những người không chuyên trách có thể là dự nguồn cho cán bộ công chức nên có thể sử dụng các tiêu chuẩn chung của cán bộ công chức*), các tiêu chí để tuyển dụng: Tiêu chí đảm bảo các điều kiện chung theo quy định chung của pháp luật khi tuyển dụng, giới thiệu (sức khoẻ, độ tuổi, quốc tịch…); tiêu chí về quan điểm lập trường; tiêu chí về có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên cơ sở các tiêu chí được nêu, đề xuất các tiêu chuẩn cụ thể để tuyển dụng từng chức danh như tiêu chuẩn chung đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (trừ Phó Công an xã và Phó Chỉ huy trưởng Quân sự xã); tiêu chuẩn cụ thể đối với người không chuyên trách cấp xã thuộc khối Đảng, đoàn thể; tiêu chuẩn cụ thể đối với người không chuyên trách cấp xã giữ các chức danh chuyên môn; tiêu chuẩn cụ thể đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Cùng với đó, bố trí và sử dụng cần xác định một số công việc thuộc về trách nhiệm của tổ chức Đảng hoặc đoàn thể cho nên yêu cầu chức danh phải phụ trách thêm công việc mà không đưa công việc đó thành chức danh cụ thể. Ví dụ công tác kiểm tra của Đảng, công tác tổ chức của Đảng (về cơ bản cũng tương đồng với công tác tổ chức, kiểm tra ở các đoàn thể) không nhất thiết phải bố trí thành chức danh mà yêu cầu một số chức danh khác có liên quan phụ trách thêm công việc. Cách này cũng được một số tỉnh, thành áp dụng và quy định "cứng" cho một số chức danh như Bí thư Đảng uỷ phụ trách công tác tổ chức Đảng, Phó bí thư Đảng uỷ phụ trách công tác kiểm tra Đảng. Còn các chức danh Dân vận, tuyên giáo có thể gộp chung với Văn phòng Đảng uỷ, gọi chung là chức danh: Văn phòng Đảng uỷ - Dân vận - Tuyên giáo. Thực hiện kiêm nhiệm đối với những người không

chuyên trách ở thôn, bản, khu phố; khuyến khích bí thư - trưởng thôn ở những huyện có điều kiện.

Ngoài ra, không nên quy định thêm các chức danh Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ Thập đỏ vào chức danh không chuyên trách ở cấp xã. Đây là các tổ chức xã hội tự quản, cần để họ phát huy tính chủ động, tự quản, bình đẳng của tổ chức xã hội nói chung, không quy định ngoại lệ cho các hội này. Chỉ khi nào họ thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao mới cấp kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ đó, đây cũng là tinh thần Nghị quyết 18 Hội nghị Trung ương 6 khoá XII.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố phải có quan điểm, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học. Việc đào tạo, bồi dưỡng không chỉ giúp họ nâng cao nhận thức, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình thực thi nhiệm vụ mà còn là cơ sở để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (nhất là qua đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị), giúp họ nắm chắc được các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước để triển khai vào thực tế cuộc sống.

Thứ tư, về chế độ, chính sách. Về chế độ chính sách hiện nay đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản khu phố trên địa bàn Quảng Trị được Nghị quyết 26/2013/NQ-HĐND quy định khá chi tiết, cụ thể. Bao gồm: chế độ phụ cấp chức danh, chế độ phụ cấp kiêm nhiệm, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng. Tuy vậy, còn một số chế độ chưa được Nghị quyết 26/2013/NQ-HĐND đề cập như chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi, nghỉ việc, hưu trí, chế độ bảo hiểm xã hội. Do đó cần quy định thời gian làm việc, theo hướng như sau: đối với nhóm không chuyên trách thuộc khối chính quyền thực hiện chế độ làm việc từ 04 giờ/ngày đến 08 giờ/ngày trong giờ hành chính (tối thiểu 04 giờ/ngày); đối với các chức danh thuộc khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tuỳ theo nhiệm vụ công việc mà làm việc tối thiểu 04 giờ/ngày nhưng phải đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, có trách nhiệm giống cán bộ, công chức đối với cơ quan trong chế độ trực cơ quan, như thực hiện chế độ trực tại trụ sở xã trong các ngày lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định của nhà nước và các chế độ khác do cấp uỷ, UBND cấp xã phân công. Đồng thời, được hưởng các chế độ về thời gian làm việc, làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

Về chế độ phụ cấp chức danh, đây là yếu tố đảm bảo cuộc sống, lợi ích của họ khi tham gia công tác trong hệ thống chính trị ở cơ sở, cũng là yếu tố động viên họ nhiệt tình với công việc. Chúng tôi tiến hành khảo sát với 246 phiếu (dành cho các chức danh Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ ở 82 xã, phường, thị trấn) với tiêu chí chế độ phụ cấp hiện tại thì 191/246 (77,64%) phiếu cho là chưa phù hợp và có 152/246 phiếu (61,79%) đề nghị tăng mức phụ cấp. Đối với người hoạt động không chuyên trách

ở cấp xã và thôn, tổ dân phố khi tham gia hoạt động thì nguồn thu nhập chính của họ là phụ cấp. Do đó, ngoài những quy định chung, cần quy định thêm, đó là chế độ nâng lương cho những người hoạt động không chuyên trách có thâm niên công tác. Ví dụ, người hoạt động không chuyên trách cấp xã cống hiến tròn 05 năm trở lên có thể nâng phụ cấp thêm 0,1 đến 0,2 (lương cơ sở) và chỉ nâng 01 lần. Đồng thời, nâng cao mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, công chức cấp xã khi kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách, từ mức 30% lên 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm cao nhất. Về BHXH, những người hoạt động không chuyên trách thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành. Tuy vậy, hiện nay Quyết định 08/2014/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị mới chỉ quy định 3% mức đóng bảo hiểm y tế, chưa quy định mức đóng BHXH. Điểm I, Khoản 1, Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc và theo quy định này thì người lao động đóng 8% mức lương, phụ cấp và người sử dụng lao động đóng 18% mức lương, phụ cấp. Chính vì vậy, cần được bổ sung để hoàn thiện chính sách về người không chuyên trách.

Thực hiện chủ trương tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW khoá XII là một chủ trương lớn. Chính vì vậy, cần phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả. Lãnh đạo tập trung, thống nhất; thực hiện thường xuyên, liên tục, tích cực, mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài. Đến nay (tháng 4 năm 2020) đã sắp xếp lại cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh từ 141 xã, phường, thị trấn còn 125 đơn vị cấp xã. Sau sáp nhập, nhìn chung tư tưởng của đội ngũ cán bộ cơ sở ổn định, mọi hoạt động đã dần đi vào nền nếp trở lại. Đặc biệt, việc sắp xếp, tinh giản và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm vì nó liên quan đến tâm tư, tình cảm của con người; liên quan đến phong tục, tập quán; chế độ, chính sách và không thể không tính đến những vấn đề của lịch sử để lại.

Tuy nhiên, từ cơ sở khoa học và bằng quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân, của người trong cuộc chắc chắn đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sau khi sắp xếp, bố trí lại trên cơ sở tinh giản, kiêm nhiệm sẽ phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế./.

N.H.T

LỰA CHỌN ĐIỀU KIỆN LÊN MEN CÁC CHỦNG PROBIOTIC ỨNG DỤNG SẢN XUẤT CHẾ PHẨM BỔ SUNG THỨC ĂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Lê Mậu Bình
Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

TÓM TẮT

Các chủng thuộc chi *Bacillus sp.*, *Lactobacillus sp.*, *Saccharomyces sp.* được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất chế phẩm probiotic. Probiotic sản xuất các enzyme hỗ trợ tiêu hóa thức ăn, ức chế các loại vi khuẩn gây bệnh, giảm việc sử dụng kháng sinh. Nghiên cứu này nhằm lựa chọn một số điều kiện tối ưu lên men sinh khối của *B. subtilis*-NBRC14140; *L.acidophillus* - NBRC13951; *L.fermentum*-TC10 và *S. cerevisiae* - NBRC104019 ứng dụng trong sản xuất probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản. Mật độ tế bào trong dịch nuôi cấy (CFU/mL) là thông số được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của các điều kiện lên men. Nghiên cứu được thực hiện trên môi trường đặc hiệu cho các chủng vi sinh vật (VSV). Mật độ tế bào *B. subtilis* - NBRC14140 đạt 9,990 lg CFU/mL; *Lactobacillus sp. (L.acidophillus* - NBRC13951 và *L.fermentum* TC10) đạt 10,665 lg CFU/mL; *S. cerevisiae* - NBRC104019 đạt 10,512 lg CFU/mL trong điều kiện lên men được chọn cho từng chủng lần lượt là: thời gian lên men sinh khối là: 28 giờ, 24 giờ, 20 giờ, tương ứng với nhiệt độ lên men sinh khối: 32^{o}C, 35^{o}C, 37^{o}C; giá trị pH môi trường lên men: 7,0; 6,5; 7,0; tốc độ cánh khuấy: 150 vòng/phút, 170 vòng/phút; 150 vòng/ phút.

1. MỞ ĐẦU

Probiotics là "các sinh vật sống mà khi được đưa vào cơ thể với lượng đủ sẽ tạo ra lợi ích về sức khỏe cho vật chủ (FAO/WHO, 2002), ngoài các tiêu chí không gây bệnh, chịu được pH thấp của dạ dày, khả năng bám dính và tăng sinh trên biểu mô thành ruột, khả năng đối kháng và làm giảm số lượng vi khuẩn có hại với vật chủ, khả năng tiết các enzyme thủy phân thức ăn, các vitamin hay các hợp chất thứ cấp có lợi khác cho vật chủ (Fuller, 1989). Các chủng VSV sử dụng làm chế phẩm probiotic chủ yếu là các chủng thuộc các chi *Bacillus* (Abdelqader et al., 2013), *Lactobacillus* (Mookiah et al., 2014) và *Saccharomyces* (Bekatorou et al., 2006). Khả năng sinh bào tử và tổng hợp protease, amylase, chất kháng nấm

là ưu thế vượt trội của các loài *Bacillus*, bào tử chịu nhiệt trong quá trình sấy khô của probiotic. Chi *Lactobacillus* có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của hệ VSV trong cơ thể, tạo ra những lợi ích sức khỏe cho vật chủ và ức chế một số VSV gây bệnh khác. Chi *Saccharomyces* rất giàu protein, vitamin nhóm B và khoáng chất nên thường được bổ sung vào chế phẩm probiotic để làm giàu sinh khối tế bào, giúp các vi khuẩn có lợi phát triển, hạn chế sự phát triển của các vi khuẩn gây hại. Việc lựa chọn các yếu tố về điều kiện lên men bao gồm thời gian, nhiệt độ, pH, tốc độ cánh khuấy trong phòng thí nghiệm trước khi áp dụng vào sản xuất trên quy mô công nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí, mang lại sản phẩm probiotic chất lượng tốt, có lợi cho cả người sản xuất và tiêu dùng (Bajagai et al., 2016).

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Chủng Vi sinh vật

Chủng *Bacillus subtilis*-NBRC14140, *Lactobacillus acidophillus*-NBRC13951, *Saccharomyces cerevisiae*-NBRC104019 sử dụng được lấy từ Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị; chủng *Lactobacillus fermentum*-TC10 được lấy từ Phòng thí nghiệm vi sinh Khoa Cơ khí - Công nghệ, Trường đại học Nông Lâm Huế, Đại học Huế.

2.2. Môi trường nuôi cấy

a. Môi trường MRS

Pepton: 10,0g/l; Beef extract: 10,0g/l; Yeast extract: 4,0g/l; Glucose: 20,0g/l; Tween 80: 1,0ml/l; Di-potassiumhydrogen orthophosphate: 2,0g/l; $MgSO_4.7H_2O$: 0,2g/l; $MnSO_4.4H_2O$: 0,05; Ammonium citrate: 2,0g/l; Sodium acetate-$3H_2O$: 5,0g/l.

b. Môi trường King B

Peptone: 10g/l; Glycerol: 10ml/l; $MgSO_4.7H_2O$: 1,5g/l; $K_2HPO_4.3H_2O$: 1,5g/l

c. Môi trường Hansen

Glucose: 50g/l; Peptone: 10g/l; K_2HPO_4: 3,0g/l; $MgSO_4$.7H2O: 3,0g/l

Các môi trường nghiên cứu được điều chỉnh pH bằng hai dung dịch NaOH 1M và HCl 1M, vô trùng ở 121^0C, 1atm, 15 phút.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

a. Phương pháp xác định mật độ vi khuẩn

Mật độ vi khuẩn CFU/mL dịch nuôi trong các bình khảo sát là căn cứ dùng để lựa chọn các thông số lên men trong mỗi thí nghiệm và được xác định theo phương pháp Koch.

b. Lựa chọn các thông số lên men

Ảnh hưởng của các thông số lên men tới sự sinh trưởng của chủng *B. Subtilis*-NBRC14140; *Lactobacillus sp. (L.acidophillus*- NBRC13951 và *L.fermentum*-TC10) và *S.Cerevisiae*-NBRC104019 được nghiên cứu độc lập với nhau bằng cách thay đổi yếu tố khảo sát trong môi trường lên men. Kết quả lựa chọn phù hợp của thí nghiệm trước sẽ được áp dụng cho các thí nghiệm tiếp theo. Các thông số lựa chọn bao gồm:

- Thời gian lên men: 8 - 32 giờ.
- Nhiệt độ: 30 - 40^0C
- Giá trị pH: 6,0 - 7,5
- Tốc độ cánh khuấy: 100 - 200v/p

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lựa chọn thời gian lên men

Thời gian lên men là một trong những thông số được các nhà sản xuất quan tâm hàng đầu vì nó liên quan trực tiếp tới quá trình vận hành máy móc, thiết bị và nhân công. Trong hầu hết các nghiên cứu lựa chọn thời gian lên men sinh khối *B. subtilis* trong khoảng thời

gian từ 20 - 24h (Sreekumar, Krishman, 2010); *L.acidophillus* và *L.fermentum* từ 28 - 30h (Axelsson L., 2004); *S. cerevisiae* trong khoảng 18 - 24h (Garlapati et al., 2013; Hamouda et al., 2015). Để đảm bảo cho sinh khối thu được với tỷ lệ cao là các tế bào sinh dưỡng trẻ, khỏe. Hình 1 cho thấy mật độ tế bào các chủng *B. subtilis*-NBRC14140; *Lactobacillus sp.* (*L.acidophillus*-NBRC13951 và *L.fermentum*-TC10) và *S. Cerevisiae*-NBRC104019 đạt cao nhất lần lượt là sau 28; 24 và 20 giờ tương ứng với mật độ tế bào đạt được là 9,421 lg CFU/ml; 10,450 lg CFU/ml và 9,535 lg CFU/ml.

3.2. Lựa chọn nhiệt độ lên men

Mỗi chủng VSV có một ngưỡng nhiệt độ phát triển tối ưu. Vì thế, việc nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến lên men sinh khối của các chủng là rất cần thiết. Khi nhiệt độ tăng lên, tốc độ phản ứng của các enzyme trong tế bào VSV cũng tăng lên làm cho các hoạt động trao đổi chất trong tế bảo VSV diễn ra nhanh hơn. Tuy nhiên, khi nhiệt độ quá cao sẽ làm biến tính màng sinh chất trong tế bào vi khuẩn làm ức chế quá trình sinh trưởng. Khi nhiệt độ thấp thì màng sinh chất của tế bào vi khuẩn bị kết đông lại và enzyme cũng ngừng hoạt động. Vì vậy, nếu nhiệt độ môi trường nuôi cấy, lên men của vi khuẩn vượt ra khỏi ngưỡng nhiệt độ cho phép của chúng thì quá trình sinh trưởng của chúng sẽ bị ức chế và thậm chí ngừng hẳn.

Kết quả Hình 2. cho thấy, *B. subtilis*-NBRC14140 sinh trưởng tốt nhất ở nhiệt độ 32^0C; *L.acidophillus*-NBRC13951 và *L.fermentum*-TC10 là 35^0C; *S. cerevisiae*-NBRC104019 là 37^0C. Mật độ tế bào đạt được lần lượt là 9,506lg CFU/mL; 10,456lg CFU/mL và 9,554lg CFU/mL.

3.3. Lựa chọn giá trị pH

Phản ứng pH môi trường tác động trực tiếp lên VSV. Ion hydro nằm trong thành phần môi trường làm thay đổi trạng thái diện tích của thành tế bào. Tuỳ theo nồng độ của chúng mà làm tăng hoặc giảm khả năng thẩm thấu của tế bào đối với những ion nhất định. Mặt khác, chúng cũng làm ức chế phần nào các enzyme có mặt trên thành tế bào. Nếu nồng độ hydro trong dung dịch vượt quá mức độ bình thường đối với VSV nào đó thì sự sống bị ức chế.

Với pH môi trường lên men sinh khối = 6,5, chủng *L.actobacillus* -NBRC13951 và *L.fermentum* TC10 *đạt mật độ tế bào cao nhất là 10,456*lg CFU/mL; với pH môi trường lên men = 7, 02 chủng *B. subtilis* - NBRC14140 và *S. cerevisiae*-NBRC104019 *đạt mật độ tế bào cao nhất lần lượt là 9,900*lg CFU/mL *và 10,423*lg CFU/mL.

3.4. Lựa chọn của tốc độ cánh khuấy

Để thu được tối đa sinh khối và gửi được hoạt lực của các chủng VSV, chế độ cánh khuấy cũng là một trong những nhân tố quan trọng, cần được tối ưu hóa. Nếu tốc độ cánh khuấy được tối ưu, môi trường có thể cung cấp đầy đủ nồng độ oxy hòa tan cho VSV phát triển, duy trì được nồng độ gradient nội bào và ngoại bào.

Trong trường hợp, tốc độ cánh khuấy quá mạnh có thể ảnh hưởng đến hoạt lực và sinh khối VSV. Tốc độ cánh khuấy tối ưu cần đảm bảo cân bằng giữa nồng độ oxy được hòa tan trong môi trường và mức độ dịch chuyển của VSV trong môi trường lên men.

Chủng *L.actobacillus*-NBRC13951 và *L.fermentum* -TC10 *đạt* mật độ tế bào cao nhất (10,665lg CFU/mL) ở tốc độ cánh khuấy là 170v/p. Trong khi đó,

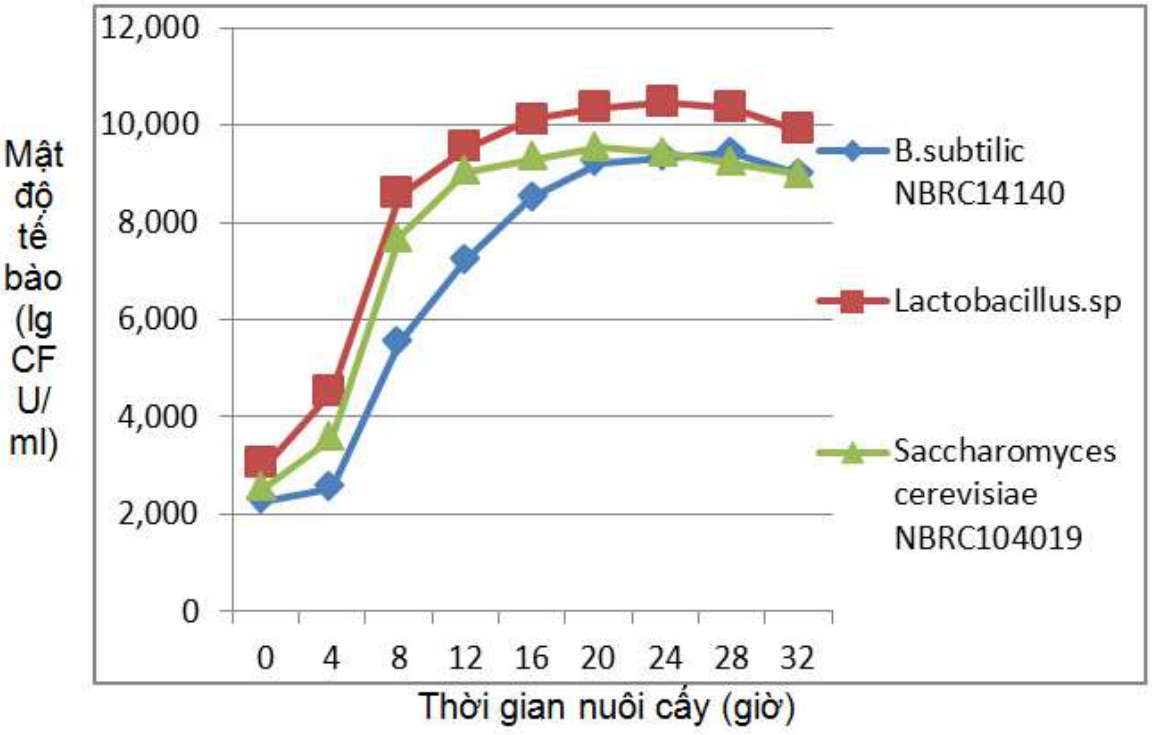

Hình 1. Đường cong sinh trưởng của các chủng VSV (Duncan test (p<0,05))

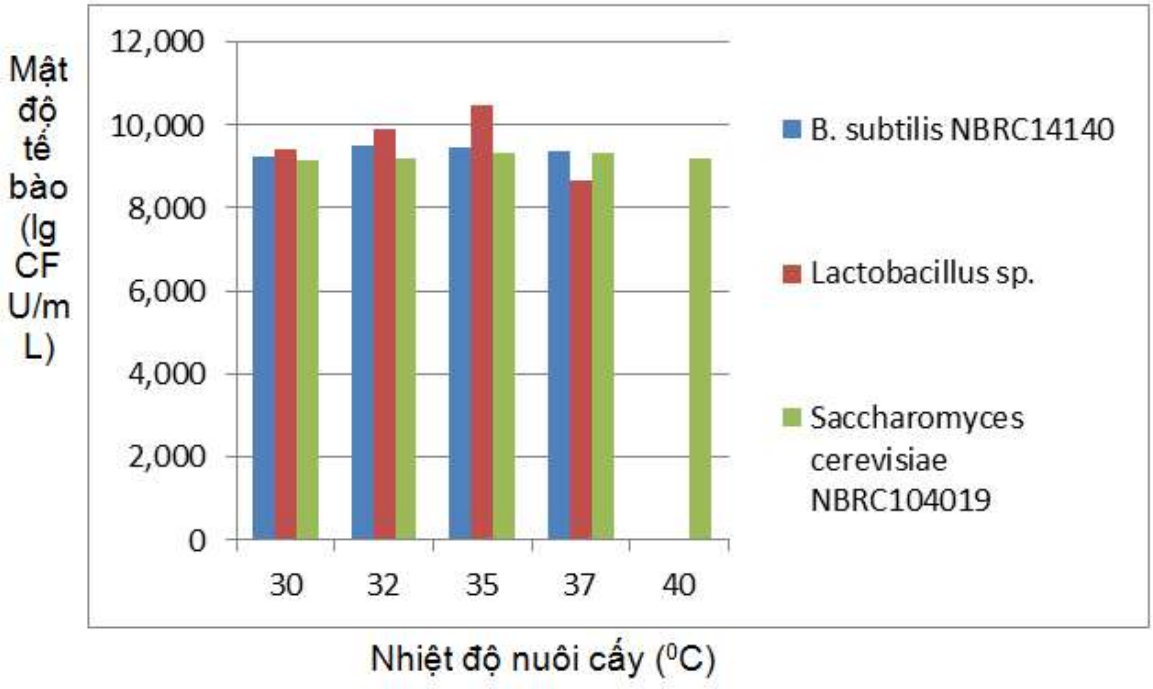

Hình 2. Ảnh hưởng của nhiệt độ lên sự phát triển sinh khối của các chủng VSV (Duncan test (p<0,05))

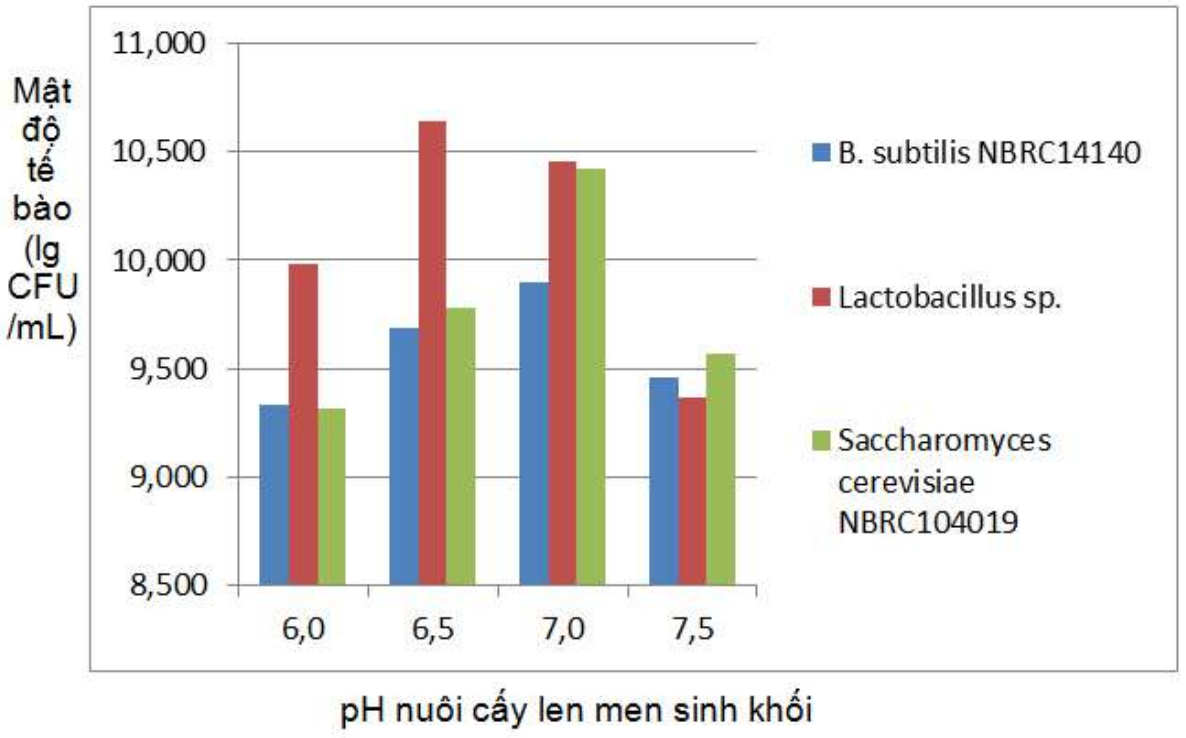

Hình 3. Ảnh hưởng của pH lên sự phát triển sinh khối của các chủng VSV (Duncan test (p<0,05))

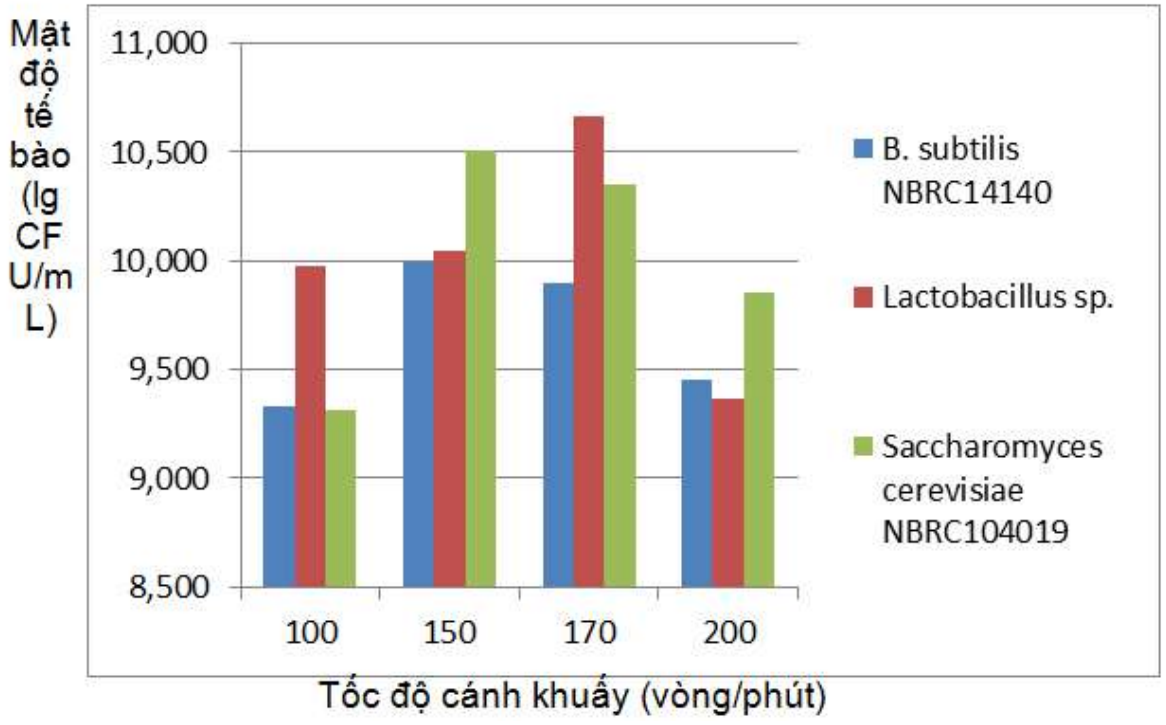

Hình 4. Ảnh hưởng của tốc độ cánh khuấy đến lên mem sinh khối các chủng VSV (Duncan test (p<0,05))

Thông số kỹ thuật	Chủng VSV		
	B. subtilis NBRC14140	*L actobacillus* – NBRC13951 và *L. fermentum* TC10	*S. cerevisiae* NBRC104019
Thời gian lên men sinh khối (giờ)	28	24	20
Nhiệt độ lên men sinh khối (^{0}C)	32	35	37
pH môi trường lên men	7,0	6,5	7,0
Tốc độ cánh khuấy lên men sinh khối (v/p)	150	170	150
Mật độ tế bào (lg CFU/ mL)	9,990	10,665	10,512

Bảng 1. Kết quả lựa chọn thời gian, nhiệt độ, pH, tốc độ cánh khuấy tới sự lên men sinh khối các chủng VSV

chủng *B. subtilis*-NBRC14140 và *S. Cerevisiae*-NBRC104019 thích hợp ở tốc độ cánh khuấy là 150v/p, mật độ tế bào đạt được lần lượt là 9,990lg CFU/ mL và 10,512lg CFU/mL.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện lên men sinh khối các chủng *B. subtilis*-NBRC14140; *Lactobacillus sp. (L. actobacillus*-NBRC13951 và *L. fermentum*-TC10); *S. Cerevisiae*-NBRC104019 với thời gian lên men sinh khối lần lượt là: 28 giờ, 24 giờ, 20 giờ, tương ứng với nhiệt độ lên men sinh khối: 32^{o}C, 35^{o}C, 37^{o}C; giá trị pH môi trường lên men: 7,0; 6,5; 7,0; tốc độ cánh khuấy: 150 vòng/phút, 170 vòng/phút, 150 vòng/ phút. Mật độ sau lên men của 03 chủng đạt được lần lượt là 9,990 lg CFU/mL, 10,665 lg CFU/mL, 10,512 lg CFU/mL.

L.M.B

TỔNG QUAN VỀ TUABIN ĐIỆN GIÓ VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Văn Đoài
Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Tua-bin tại Điện gió Hướng Linh đang hoạt động. Ảnh: https://laodong.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu tư vào phát triển năng lượng tái tạo, trong đó có năng lượng gió để kịp thời tạo nguồn bổ sung điện năng đang là hướng đi đầy tiềm năng và nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ. Vì vậy, việc xem xét khai thác nguồn năng lượng tái tạo trong giai đoạn tới sẽ có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về kinh tế, xã hội, an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng phát triển năng lượng gió. Theo báo cáo của Viện Năng lượng thì tiềm năng năng lượng gió của Việt Nam tập trung nhiều nhất tại vùng duyên hải miền Trung, miền Nam, Tây Nguyên và các đảo[7]. Đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) cũng cho thấy khoảng 8% lãnh thổ của Việt Nam có tiền năng về năng lượng gió, cao hơn hẳn so với các nước trong khu vực[8].

Với xu thế phát triển những nguồn năng lượng "xanh" vì một tương lai "xanh" của Việt Nam và của toàn nhân loại, việc nghiên cứu tiềm năng của các khu vực để xây dựng Nhà máy Điện gió tại các vùng có tiềm năng gió là rất cần thiết.

Bài báo, trình bày một cách tổng quan về thiết bị Tuabin gió và tiềm năng phát triển điện gió của tỉnh Quảng Trị để các nhà quản lý cũng như nhà đầu tư xem xét thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng gió trở thành thế mạnh của địa phương nhằm bổ sung nguồn điện cho tỉnh Quảng Trị nói riêng và cho Việt Nam nói chung.

2. TỔNG QUAN VỀ TUABIN ĐIỆN GIÓ

2.1. Cấu tạo và nguyên lý phát điện của Tuabin gió

Thiết bị tua bin gió bao gồm các phần chính sau: [3]&[11]

- *Anemometer:* Bộ đo lường tốc độ gió và truyền dữ liệu tốc độ gió tới bộ điều khiển.

- *Cánh quạt (Blades):* Gió thổi qua các cánh quạt và là nguyên nhân làm cho các cánh quạt chuyển động và quay.

- *Bộ hãm (Brakes):* Dùng để dừng rotor trong tình trạng khẩn.

- *Bộ điều khiển (Controller):* Bộ điều khiển sẽ khởi động động cơ ở tốc độ gió khoảng 2m/s đến 3m/s và tắt động cơ khoảng 25m/s.

- *Hộp số (Gear box):* Bánh răng được nối với trục có tốc độ thấp với trục có tốc độ cao và tăng tốc độ quay từ 30 đến 60 vòng/ phút lên 1200 đến 1500 vòng/ phút, tốc độ quay là yêu cầu của hầu hết các máy phát điện sản xuất ra điện. Bộ bánh răng này rất đắt tiền, nó là một phần của bộ động cơ và tuabin gió.

- *Máy phát (Generator):* Máy phát làm nhiệm vụ biến đổi năng lượng cơ học của rotor thành năng lượng điện. Ở các tua bin thường sử dụng các máy phát không đồng bộ. Đối với các tua bin cỡ công suất từ vài trăm kW tới vài MW thông thường phát dòng điện 3 pha AC với điện áp từ 400V đến 1000V.

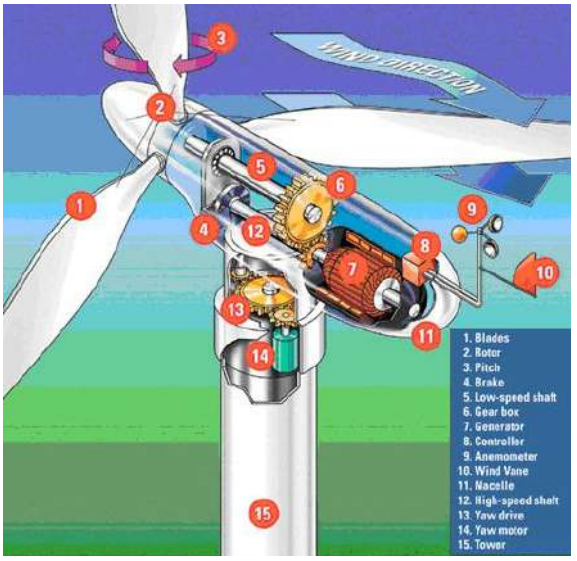

Hình 1: *Mô phỏng các bộ phận của tuabin gió [11]*

- *Vỏ (Nacelle):* Bao gồm rotor và vỏ bọc ngoài, toàn bộ được đặt trên đỉnh trụ và bao gồm các phần: hộp số, trục truyền động tốc độ cao và thấp, máy phát, bộ điều khiển và bộ hãm. Vỏ bọc ngoài dùng bảo vệ các thành phần bên trong vỏ. Một số vỏ phải đủ rộng để một kỹ thuật viên có thể đứng bên trong khi làm việc.

- *Bước răng (Pitch):* Cánh được xoay hoặc làm nghiêng một ít để giữ cho rotor quay trong gió không quá cao hay quá thấp để tạo ra điện.

- *Rotor:* Bao gồm các cánh quạt và trục. Hiện nay rotor 3 cánh quạt được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

- *Trụ đỡ (Tower):* Được làm bằng thép hình trụ hoặc thanh dằn bằng thép.

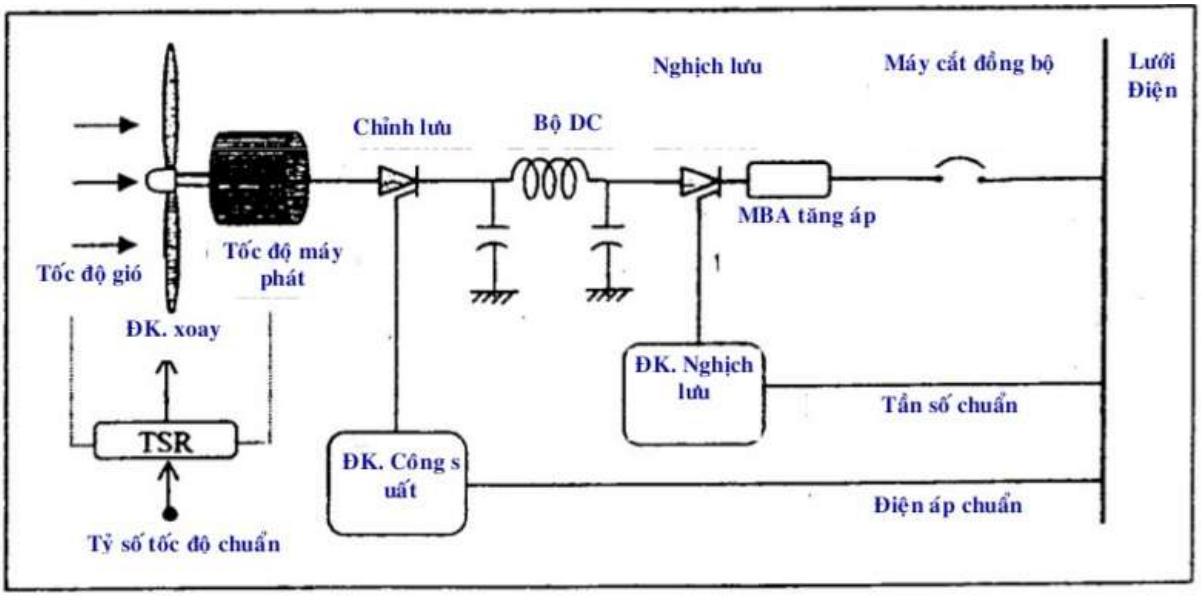

Hình 2: *Sơ đồ nguyên lý phát điện của tuabin gió [3]*

Bởi vì tốc độ gió tăng lên nếu trụ càng cao, trụ đỡ cao hơn để thu được năng lượng gió nhiều hơn và phát ra điện nhiều hơn.

- *Wind vane:* Để xử lý hướng gió và liên lạc với "yaw drive" để định hướng tua-bin gió.

- *Yaw drive:* Dùng để giữ cho rotor luôn luôn hướng về hướng gió chính khi có sự thay đổi hướng gió.

- *Yaw motor:* Động cơ cung cấp cho "yaw drive" định được hướng gió.

Các tua-bin gió tạo ra điện như thế nào? Một cách đơn giản là một tua-bin gió làm việc trái ngược với một máy quạt điện, thay vì sử dụng điện để tạo ra gió như quạt điện thì ngược lại tua-bin gió lại sử dụng gió để tạo ra điện.

Áp lực gió làm quay cánh quạt và trục Rotor máy phát. Máy phát điện không đồng bộ 3 pha sẽ biến đổi năng lượng cơ năng thành nguồn điện năng 3 pha với dãy tần số nhất định. Bộ chỉnh lưu 3 pha sẽ đống vai trò chỉnh lưu nguồn điện 3 pha tần số không ổn đình thành nguồn 1 chiều. Sau đó bộ nghịch lưu sẽ đóng vai trò băm xung nguồn điện 1 chiều thành nguồn điện 3 pha xoay chiều có tần số ổn định phù hợp với tần số lưới điện (f=50Hz). Máy biến áp tăng áp sẽ biến đổi giá trị điện áp do tuabin gió phát ra lên giá trị điện áp lưới để hòa đồng bộ vào lưới điện hiện tại của lưới điện quốc gia.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng điện của tuabin gió

2.2.1. Cách xác định sản lượng điện của một tuabin gió

Năng lượng gió là một hàm của tốc độ và khối lượng không khí. Khi tốc độ gió cao thì năng lượng gió lớn. Mối quan hệ giữa khối lượng, tốc độ không khí và năng lượng gió được thể hiện bởi phương trình động năng[1]:

$$E_g = \frac{1}{2}mV^2 \quad (1)$$

Khối lượng của không khí được xác định bằng công thức:

$$m = \rho.F.V.t \quad (2)$$

Diện tích cản gió của cánh quạt được xác định bằng công thức:

$$F = \pi R^2 \quad (3)$$

Thay (2) và (3) vào (1) ta có:

$$E_g = \frac{1}{2}\rho.\pi.R^2.V^3.t \quad (4)$$

Trong đó:

E_g - Năng lượng gió (J)

m - Khối lượng của không khí (kg)

V - Vận tốc của không khí (m/s)

ρ - Mật độ không khí (kg/m3)

F - Diện tích không khí đi qua (Diện tích cản gió của cánh quạt) (m2)

R - Bán kính cánh quạt của Tuabin(m)

t - Thời gian tính toán (s)

Vậy công suất gió của một tuabin được tính theo công thức[1]:

$$P_g = \frac{1}{2}\rho.\pi.R^2.V^3 \quad (5)$$

Ta thấy, năng lượng tỷ lệ bậc 3 với tốc độ gió nên cần phải đặc biệt quan tâm đến vị trí đặt Tuabin để thu được tốc độ gió lớn[12].

$$V(Z) = V(Z_r)\left(\frac{Z}{Z_r}\right)^{\alpha} \quad (6)$$

V(z): Vận tốc gió ở độ cao z (m/s)

$V(z_r)$: Vận tốc gió ở độ cao z_r tham khảo (m/s)

α: hệ số mũ, thay đổi theo độ mấp mô bề mặt (là một đại lượng đo của lực ma sát bởi gió thổi ngang qua mặt đất) [10].

Qua đó, ta thấy việc lựa chọn vị trí và cao độ lắp đặt của tuabin gió ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng điện thu được.

Ngoài ra, công suất điện thu được của một tuabin gió còn phụ thuộc vào công nghệ của tuabin, hay hệ số công suất (hiệu suất) của tuabin. Do đó công suất điện thực tế của tuabin được xác định theo công thức:

$$P_R = P_g.C_F(\gamma.\beta) \quad (7)$$

Trong đó, P_R - Công suất thực tế

$C_F(\gamma.\beta)$ $C_F(\gamma,\beta)$ - Hệ số công suất (Hiệu suất) của tuabin là một hàm của tỷ số tốc độ γ và góc điều chỉnh cánh quạt β.

Tỷ số tốc độ γ được định nghĩa bởi:

$$\lambda = \frac{\omega}{V}R \quad \gamma = \frac{\omega}{V}.R \quad (8)$$

Trong đó: ω - Vận tốc gốc của cánh quạt.

Hiệu suất tổng cộng của một Tuabin = hiệu suất Rotor x hiệu xuất truyền động x hiệu suất máy phát x điều kiện về gió.....[2]

Vì vậy, một Tuabin gió được thiết kế hoàn chỉnh tương đối tốt thì cũng chỉ nhận được khoảng 30% đến 40% Tổng năng lượng của tiềm năng gió.

Từ những phân tích trên ta có thể xác định được sản lượng điện trung bình trong năm:

$$AE = P_R.T = P_g.C_F(\gamma,\beta).T \quad (9)$$

Trong đó:

AE (MWh/tuabin) - Sản lượng điện thực tế hằng năm trên 1 tuabin

C_F: Hệ số công suất

T (h/năm): Số giờ vận hành trong năm

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng điện:

- Từ công thức xác định sản lượng điện của tuabin gió, ta thấy rằng Sản lượng điện của dự án điện gió phụ thuộc vào các yếu tố sau:

+ Tỷ lệ bậc 3 với tốc độ gió

+ Phụ thuộc vào độ mấp mô bề mặt, hay lực ma sát của gió thổi qua mặt đất nơi lắp đặt tuabin gió

+ Phụ thuộc vào hệ số công suất của tuabin hay phụ thuộc vào chủng loại của tuabin (Hãng sản xuất).

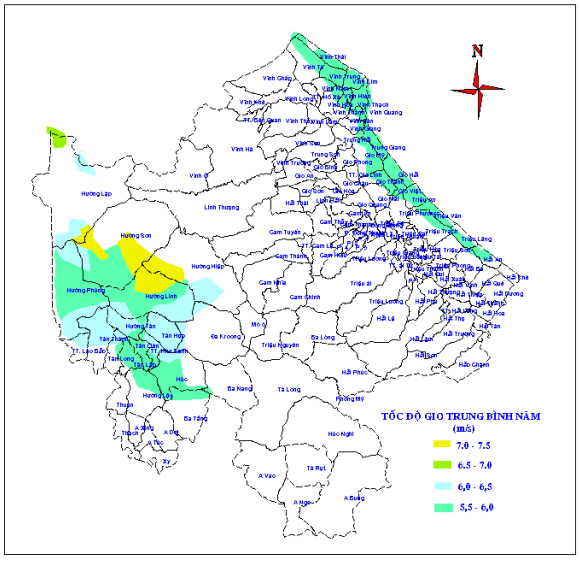

***Hình 3**: Bản đồ tiềm năng gió tỉnh Quảng Trị ở 60m [5]*

+ Phụ thuộc vào độ cao của trụ tuabin và diện tích cản gió của cánh quạt (hay còn gọi là thông số kỹ thuật của tuabin).

3. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN GIÓ CỦA QUẢNG TRỊ

Lựa chọn địa điểm xây dựng NMĐG cần quan tâm đến 2 yếu tố chính sau:

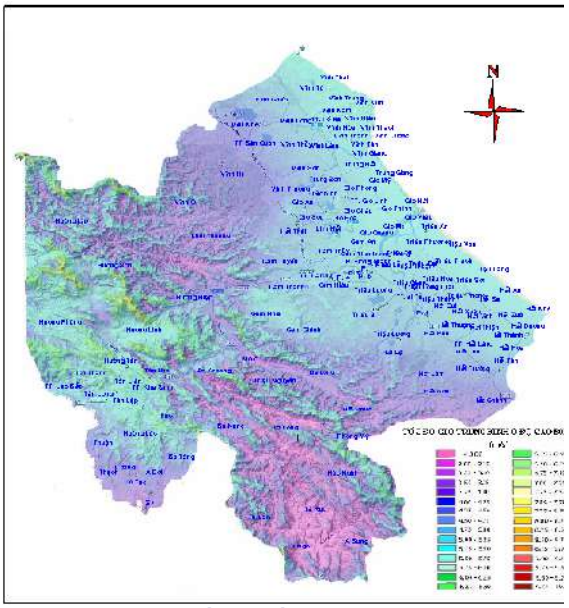

***Hình 4**: Bản đồ nguồn gió tỉnh quảng Trị ở độ cao 80m [8]*

+ Tiềm năng gió khu vực.

+ Khả năng đấu nối vào hệ thống điện Quốc Gia

3.1. Tiềm năng gió của Quảng Trị

3.1.1. Theo quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị [5]

Căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 6185/QĐ-BCT ngày 19/6/2015 thì tỉnh Quảng Trị được đánh giá là một trong những tỉnh có tiềm năng gió rất tốt. Đặc biệt là khu vực miền núi phía Tây và vùng ven biển phía Đông. Các khu vực này có vận tốc gió bình quân ở độ cao 60m khoảng 5,5 đến 7,5m/s.

3.1.2. Theo Bản đồ nguồn gió của Việt Nam (Ngân hàng WB báo cáo năm 2010)

Theo Ngân hàng WB báo cáo năm 2010 Khu vực miền núi phía Tây và vùng ven biển phía Đông Tỉnh Quảng Trị cũng được đánh giá có tiềm năng gió rất tốt. Tốc độ gió khu vực ở độ cao 80m khoảng 6,0 - 8,5m/s. [8]

***Hình 7**: Cột đo gió tại Hướng Linh [9]*

Tháng	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	TB Năm
60m	6,41	5,06	5,30	6,13	4,70	11,26	9,85	8,50	7,15	5,55	7,41	6,63	6,93
50m	6,35	5	5,2	6,04	4,68	11,29	9,93	8,2	6,93	5,3	6,12	6,55	6,88

Bảng 1: Tốc độ gió trung bình hàng tháng[9]. Đơn vị: m/s

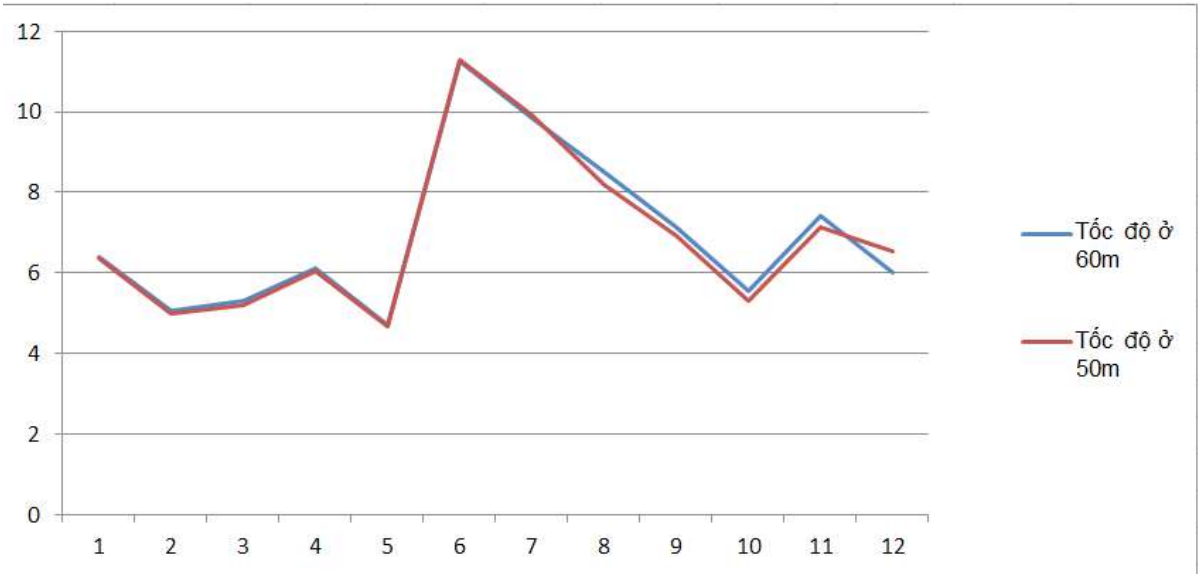

***Hình 8:** Đồ thị biến thiên tốc độ gió theo từng độ cao [9]*

Nhận xét sơ bộ: Quảng trị là tỉnh có tiềm năng gió rất tốt, đặc biệt là khu vực huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Hướng gió ổn định theo 2 hướng trong 2 mùa khác nhau.

Tuy nhiên, để có cơ sở lập dự án đầu tư các nhà máy điện gió các nhà đầu tư cần lắp đặt cột đo gió trong khu vực nhà máy để đo tối thiểu trong 12 tháng.

Cụ thể, Tại dự án Nhà máy điện gió Hướng Linh 2 Chủ đầu tư đã lắp đặt Trạm đo gió tại xã Hướng Linh 2, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Toạ độ địa lý hệ VN2000 múi 3 là 554296, 1848856 (Vĩ độ 16080' Bắc; Kinh độ 106044' Đông). Cao độ địa hình khu vực đặt trạm so với mặt biển là 475m. Thời gian đo: từ tháng 9/2010 đến 8/2011 [9]

Chiều cao cột: 60m

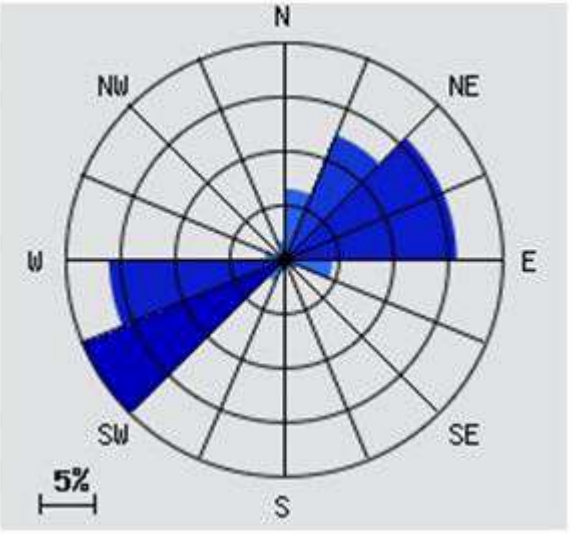

***Hình 9:** Hoa gió theo 16 hướng chính trong 1 năm đo đạc ở độ cao 60m [9]*

Các thiết bị đo đạc tự động các yếu

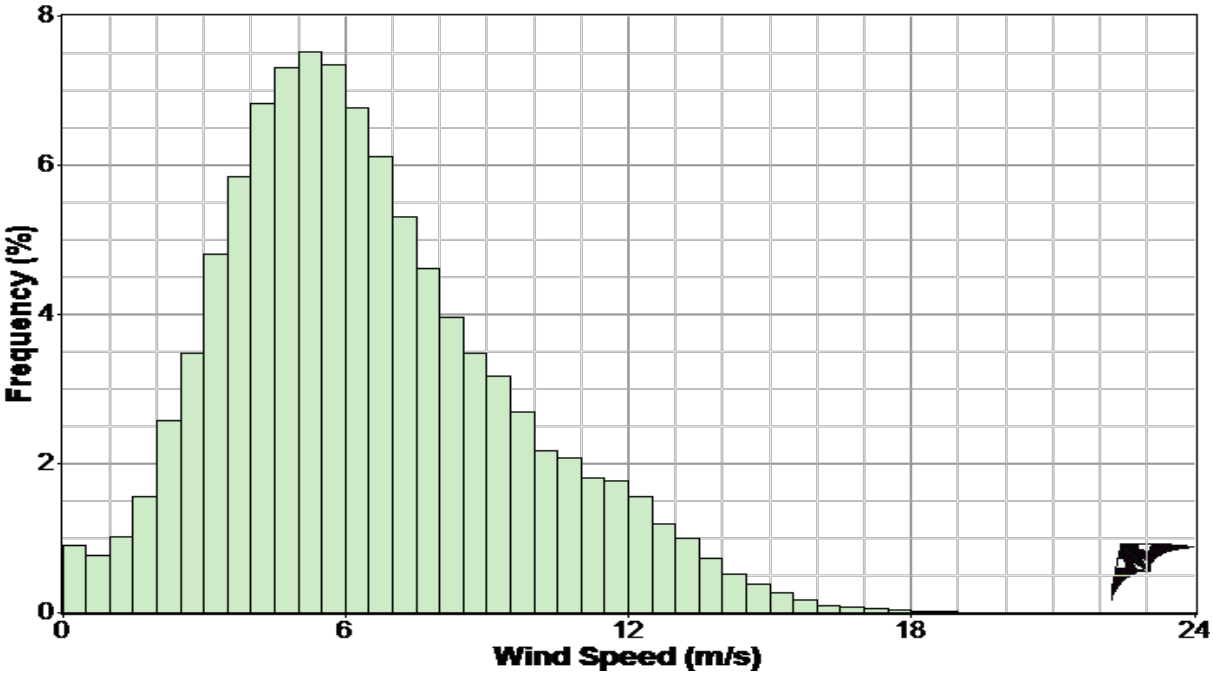

Hình 10: Biểu đồ phân bố tốc độ gió thực đo ở độ cao 60m[9]

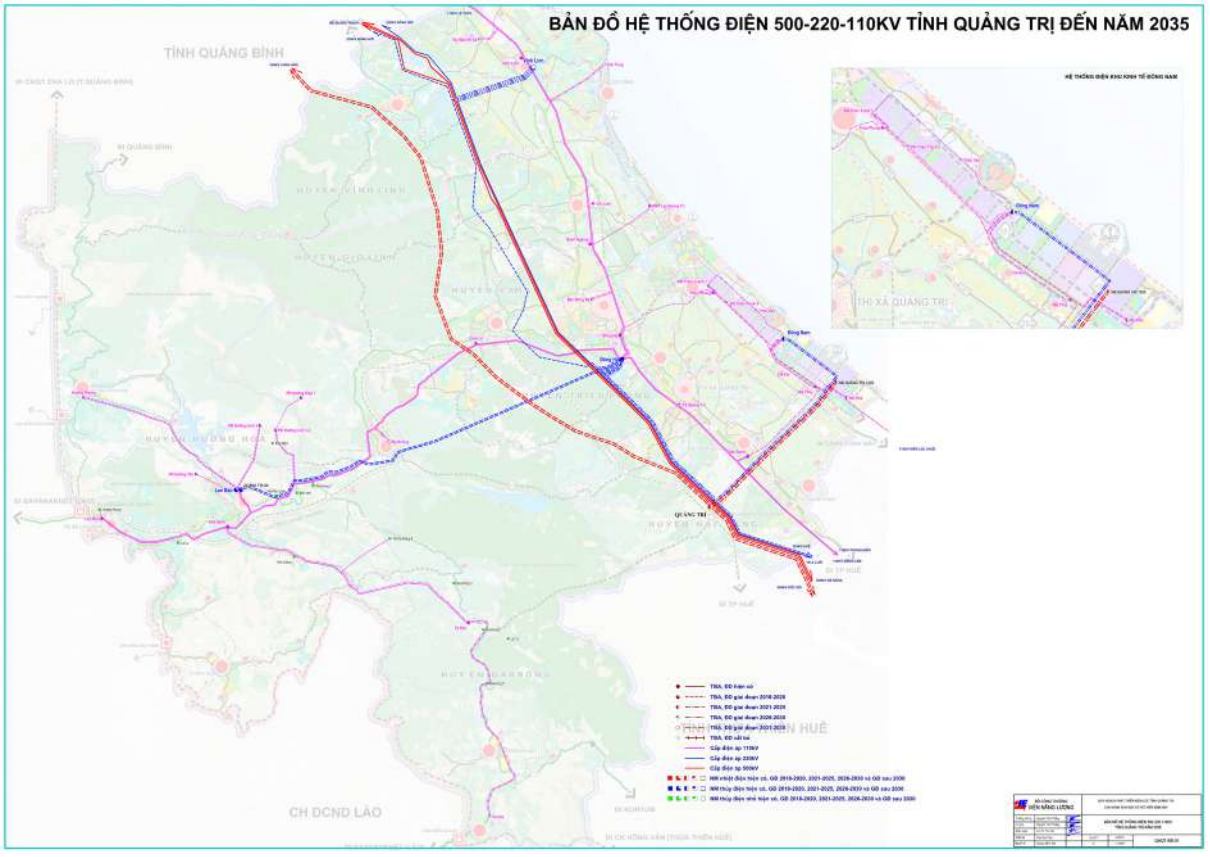

Hình 11: Sơ đồ lưới cao thế tỉnh Quảng Trị[6]

STT	Tên công trình	Tiết diện	Quy mô			Thời điểm v.hành
			Số mạch		km	
Lưới điện 500kV						
1	Đấu nối TBA 500kV Quảng Trị	ACSR 4x330	4	x	1	2022
2	TBA 500kV Quảng Trị - NĐ Quảng Trị	ACSR 4x400	2	x	18,8	2023
Lưới điện 220kV						
1	Mạch 2 Đồng Hới - Đông Hà	ACSR 400	1	x	51,6	2017
2	Mạch 2 Đông Hà - Huế	ACSR 400	1	x	33,6	2018
3	Đông Hà - Lao Bảo	ACSR 400	2	x	46,4	2019
4	Đấu nối 220kV TBA 500kV Quảng Trị	ACSR 400	4	x	1	2022
5	NĐ Quảng Trị - Đông Nam	ACSR 2x330	2	x	8	2023
6	TBA 500kV Quảng Trị - NĐ Quảng Trị	ACSR 2x400	2	x	17	2023
Lưới điện 110kV						
1	Đấu nối 110kV Cam Lộ	ACSR 185	2	x	1	2016
2	TBA 220kV Đông Hà - Triệu Phong	ACSR 240	2	x	15,2	2017
3	Đấu nối phong điện Hướng Linh	ACSR 185	2	x	12	2018
4	Diên Sanh - Mỹ Thủy	ACSR 185	2	x	10,9	2018
5	Triệu Phong -VLXD	ACSR 185	2	x	1	2019
6	MT Triệu Trạch 1 - Triệu Phong	ACSR240	2	x	3	2019
7	Đấu nối 220kV Lao Bảo	ACSR 185	2	x	7,7	2019
8	Đấu nối 220kV Lao Bảo	ACSR 185	2	x	0,5	2019
9	Lao Bảo - Hướng Phùng	ACSR 185	2	x	13,3	2020
10	Đấu nối 110kV Gio Linh	ACSR 185	2	x	7,7	2020
11	220kV Đông Nam - Triệu Lăng	ACSR 240	2	x	4,3	2023
12	Triệu Lăng - Mỹ Thủy	ACSR 185	2	x	3,4	2023
13	220kV Đông Nam- Triệu Trạch	ACSR 240	2	x	8	2023
14	Triệu Trạch -VLXD	ACSR 185	2	x	2,7	2023
15	MT Triệu Trạch 2 - MT Triệu Trạch 1	ACSR 185	2	x	3	2024
16	220kV Đông Nam - Triệu Sơn	ACSR 240	2	x	4,3	2025
Cải tạo lưới điện 110kV						
1	Nâng tiết diện Đông Hà 220kV - Đông Hà	ACSR 300	2	x	2	2021

Bảng 2: Danh mục các công trình lưới điện cao thế tỉnh Quảng Trị đầu tư xây dựng đến năm 2025 [6]

tố gồm: tốc độ gió, hướng gió, nhiệt độ, áp suất không khí và được lập trình ghi lại số liệu với tần suất 10 phút/lần vào bộ lưu trữ số liệu (Datalogger). Số liệu thu được ở dạng file *.RWD. Vận tốc gió trung bình khu vực dự án

Kết quả cho thấy tháng có vận tốc gió trung bình lớn nhất là tháng 6, 7, 8, 11; tháng có vận tốc gió trung bình thấp nhất là tháng 4.

Đường biến trình tốc độ gió trung bình tháng trong năm ở các độ cao khác nhau của trạm đo có hình dạng tương tự nhau. Vì vậy, có thể kết luận rằng số liệu của trạm đo này có tính tương quan với nhau và có độ tin cậy cao để tính toán sản lượng điện hằng năm.

Hướng gió chủ đạo ở khu vực dự án là hướng gió Đông Bắc (NE) và Tây Nam (SW)

Tần suất tốc độ gió để tuabin bắt đầu phát điện $\bar{v} \geq 3$ m/s ở độ cao 60m chiếm 98% thời gian đo đạc trong 01 năm.

Với các đặc điểm gió như trên, khu vực dự án được xem như khu vực có tiềm năng gió rất tốt, có thể khai thác hiệu quả.

3.2. Khả năng đấu nối vào lưới điện quốc gia, giải tỏa công suất các nhà máy điện gió

Theo quy hoạch phát triển điện lực Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035. Quảng Trị sẽ có hệ thống các biến áp và đường dây từ cấp điện áp 110kV, 220kV đến 500kV đi ngang qua. Do đó việc đấu nối nhà máy điện gió trong khu vực Quảng Trị vào hệ thống điện quốc gia rất thuận lợi [6].

Ngoài 2 yếu tố chính là tiềm năng gió và khả năng đấu nối vào hệ thống điện Quốc gia. Để một dự án điện gió đầu tư thuận lợi và hiệu quả cần xét đến các yếu tố sau:

+ Điều kiện địa hình, địa chất khu vực.

+ Điều kiện giao thông khu vực.

+ Không ảnh hưởng đến khu dân cư.

+ Thỏa mãn các yêu cầu về bảo vệ an ninh, quốc phòng.

+ Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch xây dựng và quy hoạch 3 loại rừng.

Tuy nhiên, với đặc điểm dự án điện gió việc bố trí tuabin sẽ nằm rãi rác trong khu vực khảo sát, khoảng cách tối thiểu giữa các tuabin là 450m và diện tích chiếm đất mỗi móng khoảng 400m^2. Vì vậy khi triển khai xây dựng dự án sẽ chỉ chiếm một phần đất nhỏ trong toàn bộ phần diện tích khảo sát. Diện tích đất còn lại trong vùng khảo sát vẫn được canh tác bình thường. Do đó việc đáp ứng các tiêu chí trên đối với tỉnh Quảng Trị là hoàn toàn khả thi.

4. KẾT LUẬN

Từ đặc điểm cấu tạo, nguyên lý hoạt động và công thức xác định sản lượng điện của Tuabin gió. Bài báo đã đánh giá được những yếu tố chính ảnh hưởng đến sản lượng điện. Để thấy rằng việc lựa chọn chủng loại và vị trí lắp Tuabin gió phù hợp với tiềm năng gió sẽ quyết định rất lớn đến hiệu quả của các dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió.

Việc đầu tư các nhà máy điện gió làm nguồn phát và liên kết với hệ thống điện lưới quốc gia là hợp lý nhằm cung cấp bổ sung nguồn điện cho tỉnh Quảng Trị nói riêng và cho Việt Nam nói chung.

Các nhà máy này sử dụng năng lượng tái tạo và sạch, không phát thải khí nhà kính, không gây ra ô nhiễm môi trường, được áp dụng tại khu vực có tiềm năng năng lượng gió lớn, có tính khả thi cao.

Giá thành điện gió ổn định và không chịu ảnh hưởng bởi tính bất ổn của nhiên liệu hóa thạch. Vì gió là nguồn vô tận, điện gió góp phần an ninh năng lượng, khác xa với nhiên liệu hóa thạch là loại nhiên liệu không tái sinh được.

Các nhà máy điện gió sau khi xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động thì nơi đây sẽ là một địa điểm du lịch nổi bật của địa phương, tạo thêm cảnh quan mới lạ, thu hút khách tham quan du lịch, góp phần vào chiến lược phát triển chung của tỉnh Quảng Trị.

Các nhà máy điện gió sẽ tạo ra thêm việc làm cho người lao động trong nhà máy với mức thu nhập ổn định, góp phần phát triển kinh tế xã hội khu vực, là động lực để kéo theo các ngành khác trong khu vực phát triển.

Các nhà máy điện gió tại Quảng Trị với qui mô đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc phát triển lưới điện của khu vực là cơ sở để tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục... Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc phát triển văn hoá xã hội, tăng thu nhập cho người lao động và tăng sản lượng hàng hoá sản xuất tại địa phương.

Đối với ngân sách nhà nước, dự án sẽ mang lại nguồn thu nhập từ các loại thuế, đồng thời dự án sẽ khuyến khích, thu hút các dự án khác vào khu vực này.

Qua phân tích đánh giá sơ bộ về tiềm năng gió của tỉnh Quảng Trị, khả năng đấu nối hòa lưới điện quốc gia. Cũng như đánh giá khái quát về những lợi ích mang lại của dự án điện gió... cho thấy việc xây dựng các dự án nhà máy điện gió tại tỉnh Quảng Trị là rất phù hợp và có tính khả thi cao.

N.V.Đ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] PGS. TS Nguyễn Thượng Bằng, KS Phạm Đức Cường, Bài báo khoa học, Xây dựng thuật toán và chương trình tính toán năng lượng gió ở Việt Nam và đánh giá hiệu quả, Tạp chí khoa học công nghệ xây dựng, Số 10 tháng 9/2011.

[2] ThS. Nguyễn Văn Đoài, Bài báo khoa học, "*Nghiên cứu lựa chọn phương án xây dựng để tuabin gió đạt sản lượng điện tối ưu*" Tạp chí KH&CN Đại học Đà Nẵng, Số 9(106).2016.

[3] ThS. Nguyễn Văn Đoài, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, "*Nghiên cứu, tính chọn thông số kỹ thuật của tuabin phù hợp với tốc độ gió tại khu vực trung trung bộ nhằm đạt sản lượng điện tối ưu"* Trường Đại Học Quảng Bình, năm 2016.

[4] Chiến lược phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1264/QĐ-TTg ngày 1/10/2019.

[5] Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được Bộ Công thương phê duyệt tại quyết định số 6185/QĐ-BCT ngày 19/6/2015.

[6] Quy hoạch phát triển điện lực Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035 đã được Bộ Công thương phê duyệt tại quyết định số 4965/QĐ-BCT ngày 27/12/2018.

[7] Báo cáo quy hoạch của viên Năng lượng về Tiềm năng năng lượng gió của Việt Nam

[8] Ngân hàng thế giới, Chiến lược phát triển ngành Điện - Quản lý tăng trưởng và cải cách, Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, 2010.

[9] Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án nhà máy điện gió Hướng Linh 2 .

[10] Tiêu chuẩn IEC 61400-12-1 "Power performance measurements of electricity producing wind tuabins".

[11]http://nangluongvietnam.vn/news/vn/khoa-hoc-va-cong-nghe/nguyen-ly-lam-viec-cua-tuabin-gio.html.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Hồng Phương
Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đối với tỉnh Quảng Trị, tính đến cuối năm 2015 vẫn là một tỉnh thuần nông, hơn 70% dân số sống ở nông thôn. Nông nghiệp đóng vai trò là ngành kinh tế chủ lực quan trọng, nhằm đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội và giải quyết việc làm ở nông thôn. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI đã khẳng định chủ trương "Xây dựng nền nông nghiệp phát triển hiện đại, bền vững". Vì vậy, ngay từ đầu nhiệm kỳ, ngành nông nghiệp đã xác định KH&CN là khâu đột phá giúp khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của từng vùng sinh thái để phát triển nông nghiệp bền vững.

Ngành Nông nghiệp cùng với ngành KH&CN đã tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích ứng dụng, nhân rộng các quy trình kỹ thuật mới, giống mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng giá trị nông sản, tiêu biểu như: Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ, ứng dụng nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2025; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030... Các chính sách trên đã thực sự đi vào cuộc sống cùng với các chương trình dự án như hỗ trợ nhân rộng thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các Đề án/ Dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận, ứng dụng nhiều giống cây trồng, con nuôi mới, quy trình sản xuất mới vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế trên diện rộng, điển hình như:

Trên lĩnh vực trồng trọt: Giống cây trồng được xác định là khâu đột phá

Nhiều giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và giống lúa HC95 cho năng suất cao trên địa bàn tỉnh. Ảnh: Sỹ Tiến

trong việc nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng trên địa bàn tỉnh. Những năm qua, thông qua nguồn vốn của các chương trình sự nghiệp nông nghiệp, sự nghiệp khoa học và các chương trình dự án khác trên địa bàn, ngành nông nghiệp và PTNT đã liên tục khảo nghiệm và tìm chọn được nhiều giống cây trồng mới để bổ sung vào sản xuất với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của người sản xuất. Nhiều giống cây trồng mới như: Giống lúa (Thiên ưu 8, HN6, Bắc thơm 7, Đài thơm 8, TBR279, Bắc Hương 9, Lộc Trời 1, 2; Sơn lâm 1…), giống ngô (*HN88, HN68, MX10, CP888, CP333);* Giống chuối Úc, giống dứa Queen, giống Chanh leo Đài Nông 1, giống Mắc ca, Sachainchi, giống Cam Vân du, Cam Valencia 2, Quýt PQ1, Bưởi da xanh, Bưởi diễn, Bưởi tiến vua, Giống ổi đài loan, Ổi không hạt, Ổi tím,... đã được khảo nghiệm và cơ cấu bổ sung vào bộ giống chủ lực của tỉnh, đã nâng cao năng suất và chất lượng, giá trị của nông sản lên gấp 1,5 - 2 lần so với trước đây. Tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo phẩm cấp, giống xác nhận năm 20119 đạt trên 90%, tăng 20% so với năm 2013. Nhiều giống cây trồng được nhập nội và khẳng định có hiệu quả trên vùng đất tỉnh Quảng Trị.

Bên cạnh giống mới, nhiều tiến bộ kỹ thuật mới cũng được chuyển giao ứng dụng trên diện rộng. Điển hình như: Quy trình sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu trên cây lúa, rau, màu, hồ tiêu được hoàn thiện và ứng dụng trên diện tích hơn 10.000 ha; quy trình quản lý dinh dưỡng tổng hợp (ICM); quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) được phổ biến rộng khắp; quy trình nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên được ứng dụng hàng năm trên 600 ha; các mô hình/dự án nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng công nghệ thủy canh, giá

thể trên các loại cây trồng mới như: dưa lưới, xà lách, cà chua, dâu tây… được thử nghiệm thành công và nhân rộng với quy mô ngày càng lớn. Những tiến bộ kỹ thuật này đã tác động đến sản xuất, giúp hạn chế phân hóa học và thuốc BVTV sử dụng trên đồng ruộng, đưa người nông dân đến gần hơn với phương thức canh tác thân thiện với môi trường, từ đó giúp nâng cao thu nhập, bảo vệ môi trường và sức khỏe của người nông dân.

Trên lĩnh vực chăn nuôi: Nhiều giống gia súc, gia cầm mới được nghiên cứu, khảo nghiệm và sử dụng vào sản xuất. Các giống lợn ngoại năng suất chất lượng cao như: Yorshire, Landrace, Duroc, Pietran, Pi-Du và tổ hợp lai 2 máu, 3 máu của các giống, đã góp phần nâng cao chất lượng đàn giống, mang lại năng suất, hiệu quả cao trong chăn nuôi lợn. Các giống lợn thịt năng suất, chất lượng cao như: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietran; Pi-Du, Du-Pi; Pi-Lan-Du, York-Land, Land-York; Du-Land và các tổ hợp lai nhiều máu ngoại được sử dụng ngày càng rộng rãi trong sản xuất chăn nuôi lợn thịt góp phần rút ngắn thời gian nuôi, nâng cao chất lượng thịt, tăng nhanh sản lượng thịt hơi xuất chuồng, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi lợn.

Chương trình cải tạo đàn bò vàng địa phương được tỉnh tiếp tục quan tâm chú trọng thông qua chính sách hỗ trợ thực hiện tốt công tác thụ tinh nhân tạo bò. Việc lựa chọn, sử dụng tinh của nhóm bò Zebu trong việc cải tạo đàn bò vàng địa phương là hết sức quan trọng, tạo nên sự thành công của chương trình; đến nay tỷ lệ đàn bò lai Zebu toàn tỉnh chiếm trên 54,8% tổng đàn. Một số địa phương đã mạnh dạn thí điểm nhập và phối giống bằng các loại tinh bò thịt chất lượng cao như: BBB, Charolais,

Lồng bắt côn trùng tại Mô hình Cam K4, Hải Lăng. Ảnh: Sỹ Tiến

Droughtmaster. Bên cạnh đó, nhận thức của người chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến tích cực; phương thức, tập quán chăn nuôi đã có sự thay đổi đáng kể, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng; các mô hình nuôi bò nhốt, vỗ béo và quy hoạch trồng cỏ nuôi bò thâm canh đã được nhân rộng tại các huyện như: Vĩnh Linh, Hải Lăng, Triệu Phong, Hướng Hóa... đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Chất lượng giống ngày càng được cải thiện, giống gà chủ yếu là gà ri địa phương; gà Lương Phượng hoặc Lương Phượng lai với gà địa phương. Một số nơi trong nông hộ có giống gà lai Kabir, Ai Cập lai… Những năm gần đây, người chăn nuôi còn nhập nuôi một số giống vịt thịt SuperM, Vịt biển. Giống ngan đang lưu hành chủ yếu là giống ngan địa phương (vịt xiêm), các giống ngan Pháp và con lai của chúng với giống địa phương.

Giai đoạn 2016-2019, bên cạnh nhập các giống gia cầm chất lượng từ các tỉnh phía Bắc (*Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Trung tâm giống vịt Đại Xuyên, Nam Định,...*) và một số tỉnh Nam Trung bộ (*Bình Định, Phú Yên*). Được sự hỗ trợ của USAID, FAO, Cục Chăn nuôi, các cơ sở ấp nở gia cầm trên địa bàn tỉnh đã được hỗ trợ nâng cao cơ sở hạ tầng, thiết bị, máy móc ấp nở, tập huấn kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng giống gia cầm sản xuất tại địa phương, đặc biệt là chất lượng giống vịt.

Cán bộ thú y hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng bệnh ở bò cho bà con nông dân. Ảnh: Sỹ Tiến

Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao được quan tâm, khuyến khích, thúc đẩy; các mô hình chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như: chuồng kín, tự động hóa các khâu thức ăn, nước uống, tiêu độc khử trùng… được áp dụng khá rộng rải. Các giải pháp áp dụng xử lý

chất thải chăn nuôi như: Biogas, đệm lót sinh học ngày càng được nhân rộng góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và đảm bảo vệ sinh, an toàn dịch bệnh.

Trên lĩnh vực thủy sản: Công tác quản lý nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh có những bước phát triển nhanh, năng suất được nâng cao, nghề nuôi tôm trở thành nghề sản xuất hàng hóa có giá trị cao góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, nhiều người đã làm giàu từ nghề nuôi tôm. Công tác chuyển giao khoa học và công nghệ cho nông dân luôn được quan tâm, đã triển khai xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả như: Du nhập các nghề khai thác năng suất cao, nâng cao hiệu quả sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch cho ngư dân, nuôi thủy sản ứng dụng chế phẩm sinh học và sạch bệnh; tiếp tục nhân rộng các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, nuôi hai giai đoạn nhằm giám sát bảo vệ môi trường và nâng cao năng suất sản lượng. Diện tích nuôi trồng cả năm 2019 đạt 3.450 ha, bằng 101,1% so với cùng kỳ năm trước và bằng 100,8% so với kế hoạch. Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản: Sản lượng năm 2019 đạt 8.667 tấn, tăng 8,01% so với cùng kỳ 2018, bằng 101,9% so với kế hoạch. Nuôi trồng thủy sản đang phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, bền vững, an toàn dịch bệnh đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế.

Ứng dụng kỹ thuật KH&CN trong nuôi tôm thẻ chân trắng đạt năng suất cao tại huyện Vĩnh Linh. Ảnh: Sỹ Tiến

Trên lĩnh vực Lâm nghiệp: Với mục tiêu phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm từ rừng sản xuất. Từ năm 2014 đến nay, được sự hỗ trợ của Tổng cục Lâm nghiệp, ngành Lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị đã xây dựng thành công 02 mô hình khuyến lâm trồng rừng thâm canh gỗ lớn và mô hình chuyển hóa rừng gỗ

nhỏ sang rừng gỗ lớn. Năng suất rừng tăng lên vượt bậc, từ mức 40 - 50m^3/ha/chu kỳ giai đoạn trước năm 2010, nay đã tăng lên 90 - 100m^3/ha/chu kỳ nhờ vào việc chú trọng đến nguồn gốc, chất lượng giống và áp dụng kỹ thuật canh tác tiến bộ. Với diện tích rừng trồng sản xuất hiện có và năng suất ngày một nâng cao sẽ cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ (sản lượng khai thác khoảng 800.000m^3/năm - 950.000m^3/năm) cho các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định.

Ngành Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo, khuyến khích các địa phương, chủ rừng chuyển đổi dần phương thức trồng rừng từ cung cấp nguyên liệu dăm gỗ sang kinh doanh gỗ lớn, với chu kỳ trên 10 năm, để nâng cao tỷ lệ gỗ xẻ có đường kính ≥ 15 cm, đạt 50 - 60%/ha, cung cấp nguyên liêu gỗ cho chế biến xuất khẩu, hạn chế trồng rừng kinh doanh nguyên liệu dăm và có quy hoạch quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến dăm gỗ trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh đã có hơn 23.400 ha đã được cấp chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Chuyển đổi sang mô hình kinh doanh gỗ xẻ có chứng chỉ FSC™ đã nâng cao giá trị thu nhập bình quân khoảng 15 - 20 triệu/ha/năm. Ngoài ra, thông qua áp dụng các nguyên tắc về quản lý rừng bền vững, các chủ rừng đã góp phần vào hạn chế những tác động môi trường như: xói mòn, rửa trôi đất, bảo vệ các loài động thực vật, tạo cơ hội việc làm cho lao động địa phương cũng như tăng cường trách nhiệm và an toàn trong lao động và sử dụng lao động.

Trên lĩnh vực thủy lợi: Nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, việc nâng cấp hệ thống đê được quan tâm đầu tư đúng mức đảm bảo ngăn mặn, giữ ngọt, ngăn lũ tiểu mãn, lũ sớm cho hơn 13.500 ha đất sản xuất, chống cát bay, cát lấp, tách cát, phân thủy bảo vệ 69.203 người dân sống vùng ven biển, vùng cửa sông và vùng

Đoàn công tác tỉnh Hà Tĩnh tìm hiểu mô hình trồng rừng chứng chỉ FSC tại HTX Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng. Ảnh: Baoquangtri.vn

ven sông. Đồng thời, cùng với việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ như trên thì các tuyến đê sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành đã hình thành các tuyến giao thông huyết mạch, liên thôn, liên xã, phục vụ nhu cầu dân sinh, phát triển sản xuất, ứng cứu trong mùa lụt bão, vì vậy đã góp phần cải thiện đáng kể diện mạo nông thôn các địa phương dọc các tuyến đê. Đặc biệt về mặt môi sinh, môi trường; phát triển văn hóa, giáo dục, mở rộng ngành nghề, cải tạo các vùng đất hoang hóa ven đê; tạo điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, qua đó góp phần ổn định đời sống dân cư, đảm bảo an ninh lương thực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác tưới tiêu, xây dựng được các mô hình tưới tiết kiệm, tưới thông minh, tưới cho cây trồng cạn. Các công trình thủy lợi được đầu tư sau khi hoàn thành đã góp phần nâng cao năng lực phục vụ sản xuất, tạo điều kiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, góp phần phát triển sản xuất, mở rộng nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, mặt khác góp cải thiện điều kiện vận chuyển giao lưu hàng hoá, hỗ trợ công tác cứu hộ cứu nạn trong phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai cũng như xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, ngành Nông nghiệp và PTNT xác định 4 trụ cột chính để tập trung đẩy mạnh phát triển đó là: Doanh nghiệp - Khoa học công nghệ - Nông dân - Thị trường. Trong đó, Doanh nghiệp đóng vai trò quyết định trong cả chuỗi giá trị từ sản xuất - công nghệ - thị trường. Vì vậy, ngành đã tích cực tìm kiếm, mời gọi các Nhà đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp vào liên kết với nông dân theo chuỗi giá trị. Giai đoạn 2016 - 2019, đã xây dựng thành công thương hiệu Gạo hữu cơ Quảng Trị (liên kết với Công ty TNHH Đại Nam, Công ty Cổ phần nông sản hữu cơ Quảng Trị), xây dựng thành công các Quy trình sản xuất dưa lưới theo công nghệ Nhật Bản (liên kết với Tập Đoàn sumitomo); thành công liên kết sản xuất hồ tiêu đạt chứng nhận hữu cơ ECC của Châu Âu (Liên kết với Công ty TNHH Organic More); xây dựng thành công các quy trình sản xuất cam hữu cơ... Các liên kết này đã giúp hoàn thiện và chuyển giao các quy trình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất nhanh và bền vững, giúp ổn định đầu ra nông sản, bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ứng dụng KHCN vào sản xuất vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế đó là: Việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (*cây ăn quả, dược liệu, lúa gạo, cà phê, hồ tiêu...*) còn rất hạn chế; trên địa bàn tỉnh chưa có Doanh nghiệp được công nhận Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; các kết quả của các Đề tài nghiên cứu khoa học trong nông nghiệp chậm được ứng dụng và nhân rộng vào thực tiễn sản xuất; Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp còn thấp, chưa huy động được nguồn lực của xã hội.

Để tiếp tục phát huy vai trò nồng cốt, đột phá của Khoa học công nghệ vào tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong thời gian tới cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần đổi mới cách tiếp cận đối với việc ứng dụng và chuyển giao thành tựu KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng lấy Doanh nghiệp

là nòng cốt, là trung tâm để giải quyết các vấn đề liên quan đến vốn, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ; Hợp tác xã/Tổ hợp tác là đóng vai trò tập hợp, khâu nối, hợp tác, liên kết tổ chức sản xuất trên quy mô lớn, người nông dân là chủ thể của sản xuất gắn với HTX và Doanh nghiệp. Tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng KHCN thông qua Doanh nghiệp là con đường ngắn nhất và nhanh nhất để đưa KHCN thực sự trở thành động lực cho sản xuất nông nghiệp, kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ.

Thứ hai, cần có chính sách khuyến khích nhân rộng các mô hình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN theo chuỗi giá trị. Đổi mới tư duy về các hoạt động KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn theo hướng từ sản xuất nông hộ nhỏ lẻ sang sản xuất, kinh doanh tập trung quy mô lớn gắn với tín hiệu thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường cơ chế chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao và tổ chức lại sản xuất theo hướng thị trường để tăng thu nhập cho nông dân.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, nhất là ưu tiên ứng dụng giống mới, giống lai, giống nuôi cấy mô vào sản xuất; chọn lọc bảo tồn nguồn gen dược liệu, cây trồng bản địa tại địa phương; ứng dụng chế phẩm sinh học, thảo dược, các loại phân bón hữu cơ, vi sinh vào sản xuất trên diện rộng.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện các quy trình sản xuất theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, các quy trình công nghệ, thiết bị kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế và an toàn với môi trường.

Thứ năm, tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong tưới, tiêu cho các loại cây trồng chủ lực; nghiên cứu phát triển hệ thống thủy lợi phù hợp với phát triển hạ tầng nông thôn, phục vụ mục tiêu xây dựng, phát triển nông thôn mới, các giải pháp cấp nước ngọt cho các vùng khan hiếm nước.

Thứ sáu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản hàng nông sản, thực phẩm chủ lực. Chú trọng các công nghệ, thiết bị chế biến sâu (*gỗ rừng trồng, gạo hữu cơ, cao su, cà phê*), công nghệ, thiết bị sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ thảo dược, nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho sản xuất nông nghiệp.

Có thể khẳng định, khoa học và công nghệ được ứng dụng trong nông nghiệp đã tạo ra hiệu quả lớn, góp phần đáng kể làm tăng năng suất và chất lượng nông sản trong những năm qua. Với quyết tâm cao từ Chính phủ, các Bộ ngành trung ương chúng ta tin tưởng rằng trong thời gian tới, việc cơ cấu lại ngành Khoa học và Công nghệ cùng với cơ cấu lại ngành Nông nghiệp sẽ tạo ra động lực mới cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn tiếp tục bứt phá, phát triển, vừa đảm bảo thực hiện tốt vai trò đảm bảo an ninh lương thực, an sinh xã hội, vừa trở thành khu vực trọng tâm thu hút đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và huy động nguồn lực xã hội để đưa Quảng Trị phát triển bền vững./.

N.H.P

Vĩnh Linh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tạo bước đột phá trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống

Phương Nga
Đài Truyền thanh Vĩnh Linh

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mình, huyện Vĩnh Linh xác định ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ (KH&CN) vào sản xuất và đời sống là một trong những định hướng, nhiệm vụ quan trọng tạo ra bước đột phá. Chính vì vậy trong thời gian qua, huyện đã đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng chuyển giao KH&CN vào các lĩnh vực của sản xuất và đời sống.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn huyện Vĩnh Linh từ lâu đã được các cấp chính quyền địa phương quan tâm, coi trọng. Đặc biệt, từ sau khi UBND tỉnh ban hành Nghị quyết 08/2014/NQ-HĐND về phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020 và Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND về "Ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị" thì huyện Vĩnh Linh đã triển khai sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên; nhanh chóng kiện toàn Hội đồng KH&CN cấp huyện, trở thành đơn vị đầu tiên trong tỉnh bố trí được cán bộ chuyên trách về KH&CN. Đồng thời bắt tay vào nghiên cứu, xây dựng các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN. Từ năm 2016 đến nay, huyện Vĩnh Linh đã có 13 mô hình ứng dụng KH&CN được cấp trên hỗ trợ với tổng ngân sách gần 3 tỷ đồng.

Nói đến bước đột phá nhờ ứng dụng tiến bộ KH&CN tại huyện Vĩnh Linh trước hết phải nói đến lĩnh vực nông nghiệp. Thông qua việc nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất đã có nhiều mô hình mới đem hiệu quả kinh tế cao, được người dân tiếp nhận và nhân rộng ngay trong quá trình thực hiện. Tiêu biểu như các mô hình CSA (nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu): Vụ Đông Xuân 2017-2018, HTX Thủy Ba Tây thực hiện mô hình CSA theo hướng cánh đồng mẫu lớn trên diện tích 23,6 ha với sự tham gia của 120 hộ dân. Trong mô hình tất cả các hộ đều sử dụng giống lúa mới ngắn và trung ngày, đồng thời áp dụng phương pháp sạ hàng giúp tiết kiệm được 15 - 20kg giống/ha so với trước đây; mặt khác việc phòng trừ sâu bệnh bằng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM nên giảm được số lần

phun thuốc, chi phí mua thuốc và hạn chế ô nhiễm môi trường. Ngay trong vụ đầu tiên, mô hình đã cho năng suất đạt trên 56 tạ/ha, cao hơn trước 2,5-3 tạ/ha. Từ kết quả trên, mô hình đã được nhân rộng ra tại HTX Đức Xá, trải qua 2 vụ với năng suất ổn định đem lại lợi nhuận cao hơn ruộng đại trà từ 8 -10 triệu đồng/ha/vụ. Song song với đó, đến nay huyện Vĩnh Linh cũng đã xây dựng được 1.400 ha cánh đồng mẫu lớn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa đồng bộ tại 25 đơn vị HTX; trong đó có 95 ha lúa hữu cơ.

Không chỉ trên cây lúa, mô hình nhân rộng CSA trên cây lạc cũng đã đem lại kết quả tích cực tại HTX Cổ mỹ, xã Vĩnh Giang. Trên 17 ha, 200 hộ nông dân tham gia đều áp dụng phương pháp gieo hạt bằng máy và phủ nilon bề mặt, kết quả cho năng suất đạt 25 tạ/ha, cao hơn những ruộng không sử dụng màng phủ 8 tạ/ha.

Các mô hình sản xuất công nghệ cao cũng là một trong những thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ở Vĩnh Linh. Từ năm 2018, địa phương đã xây dựng thành công 4 mô hình màng trồng rau, củ, quả sạch (gồm 3 mô hình thổ canh và 1 mô hình thủy canh) tại 2 xã Vĩnh Trung, Vĩnh Tú với tổng diện tích 5.500 m^2, 1 mô hình vườn tiêu mẫu áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến với quy mô 1 ha tại xã Vĩnh Kim… Đặc biệt, mô hình dưa lưới, dưa hấu nhà màng tại xã Vĩnh Tú qua 3 vụ sản xuất đem lại lợi nhuận ròng trên 103 triệu đồng. Hiện nay các mô hình vẫn đang được duy trì hiệu quả.

Bên cạnh đó, hoạt động ứng dụng KH&CN còn đóng vai trò lớn trong việc phát triển các loại giống cây, con mới tại địa phương. Cụ thể, nhiều loại cây trồng, con nuôi mới được thử nghiệm đã cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao như: thanh long ruột đỏ, bưởi da xanh

Cây Lạc được trồng theo mô hình CSA tại xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh.
Ảnh: http://vinhlinh.quangtri.gov.vn/

Ứng dụng kỹ thuật KH&CN vào nuôi Ốc hương thương phẩm tại huyện Vĩnh Linh đạt năng suất cao. Ảnh: Hải Yến

tại xã Vĩnh Thủy trung bình mỗi năm cho ra thị trường hơn 110 tấn sản phẩm, cây dừa xiêm lùn trên đất cát Vĩnh Thái cho năng suất trung bình từ 140 - 150 trái/cây/năm, hay các mô hình chuối dacca tại xã Vĩnh Hiền, chuối già lùn tại xã Vĩnh Sơn, Bơ sáp 034 tại xã Vĩnh Nam. Về con nuôi có các loại như cá leo, cá lóc thương phẩm, vịt biển, tôm 2 giai đoạn, lợn thịt ngoại quy mô hộ gia đình và trang trại... đem lại thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm cho bà con nông dân. Tiếp tục ứng dụng KH&CN để phát triển các loại cây con mới, hiện nay huyện Vĩnh Linh đang triển khai 9 mô hình sản xuất nông nghiệp mới để làm cơ sở ứng dụng nhân rộng gồm: thìa canh, sâm bố chính, chanh leo, hương bài, bơ ghép, ba ba...

Trong các đề tài, dự án nông nghiệp của huyện Vĩnh Linh, hiện có 8 mô hình đã được thẩm định hỗ trợ theo Nghị quyết 31 của HĐND tỉnh để phát triển thành hàng hóa và các sản phẩm có giá trị của địa phương. Có 4 sản phẩm được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN cấp bảo hộ nhãn hiệu tập thể gồm: Ném Vĩnh Linh, đậu xanh Vĩnh Giang, dưa hấu Vĩnh Tú và khoai môn Vĩnh Linh. Sản phẩm tiêu của các xã Vĩnh Nam, Hồ Xá, Vĩnh Hiền, Vĩnh Hòa được chỉ dẫn địa lý "Tiêu Quảng Trị". Với việc ứng dụng hiệu quả tiến bộ KH&CN vào sản xuất nông nghiệp, đến nay toàn huyện có trên 9.650 ha diện tích canh tác cho giá trị thu nhập cao từ 70 triệu đồng mỗi năm trở lên, trong đó có hơn 4.000 ha cho thu nhập trên 150 triệu đồng.

Trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN), một số công nghệ mới ở trong và ngoài nước được các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại địa phương ứng dụng vào sản xuất, chế biến sản phẩm như công nghệ sản xuất giấy bao bì và giấy vệ sinh của Trung Quốc, dây chuyền chế biến cao su mủ cốm của Việt Nam, sản xuất gạch bằng công nghệ không nung, sản xuất

nước bằng công nghệ thẩm thấu ngược R/O của Mỹ, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong xử lý môi trường ngày càng được quan tâm. Qua đó góp phần đưa giá trị sản xuất CN-TTCN toàn huyện tăng lên đáng kể; chỉ tính riêng trong tháng 2 năm 2020, **giá trị sản xuất CN-TTCN của huyện Vĩnh Linh thực hiện ước đạt gần 107 tỷ đồng, tăng 13,6% so với cùng kỳ.** Đặc biệt, việc ứng dụng KH&CN quá trình sản xuất các sản phẩm truyền thống như nước mắm, dầu lạc, dầu mè, tinh bột nghệ… đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các sản phẩm

Khiêm Trọng, Huỳnh kế, Miến gạo Loan Hảo được công nhận sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh...

Việc nghiên cứu, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ KH&CN trong lĩnh vực y tế và giáo dục cũng đã tạo được bước đột phá mạnh mẽ. Đối với ngành y tế, ứng dụng KH&CN được áp dụng từ Trung tâm y tế huyện đến các trạm y tế; nhiều máy móc thiết bị hiện đại liên tục được bổ sung về cơ sở để đáp ứng tiêu cuẩn quốc gia về y tế. Tại Trung tâm Y tế huyện nhiều phương pháp, kỹ thuật mới được ứng dụng như: phaco trong

Gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn, nông nghiệp sạch của Hội Phụ nữ huyện Vĩnh Linh. Ảnh: Sỹ Tiến

công nghiệp nông thôn. Nhiều thương hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn của Vĩnh Linh đã khẳng định được vị thế trên thị trường như: Tinh bột nghệ Hùng Dung được chứng nhận là thương hiệu vàng Việt Nam năm 2018, nước mắm

mỗ trĩ, mổ nội soi túi mật, sỏi niệu quản; sử dụng máy xét nghiệm nhiều thông số, siêu âm đa chiều; nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc kháng sinh sau mổ, nghiên cứu bệnh viêm khớp dạng thấp ở người cao tuổi, bệnh lao hay ứng dụng

phần mềm quản lý trong khám chữa bệnh, thuốc bảo hiểm y tế, điều tra và thống kê dịch bệnh… đã đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh của đông đảo người dân. Trong năm 2019, đã có trên 120.728 lượt bệnh nhân khám, chữa bệnh nội trú, ngoại trú tại Trung tâm y tế, với 80% đánh giá mức độ hài lòng theo bảng chấm điểm Mscore.

Đối với ngành giáo dục, nhiều phần mềm quản lý đã được sử dụng như quản lí nhân sự, quản lý học sinh, quản lí tài chính, quản lý phổ cập giáo dục, hỗ trợ soạn giảng… đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh. Nhờ đó Vĩnh Linh luôn là đơn vị nằm trong tốp đầu của tỉnh về chất lượng giáo dục. Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước cũng được huyện Vĩnh Linh tích cực đẩy mạnh các ứng dụng KH&CN. Thực hiện chương trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính, đến nay toàn huyện đã có 37 quy trình được áp dụng tại các phòng ban trên 27 lĩnh vực của đời sống xã hội; 100% các xã, thị trấn ứng dụng phần mềm một cử điện tử, một cửa liên thông để tạo tạo thuận lợi trong việc theo dõi công tác tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ hành chính trên địa bàn. Trong năm 2019, Vĩnh Linh xếp đầu khối huyện, thị, thành phố về Chỉ số cải cách hành chính với 86,15/100 điểm.

Ứng dụng KH&CN được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho người dân tại huyện Vĩnh Linh. Ảnh: http://vinhlinh.quangtri.gov.vn

Song song với những kết quả đã đạt được, hoạt động ứng dụng KH&CN trên địa bàn huyện Vĩnh Linh hiện tại vẫn còn gặp phải một số khó khăn như công tác phối kết hợp giữa các đơn vị còn hạn chế; lực lượng cán bộ kỹ thuật, cơ sở vật chất cho nghiên cứu dụng và phát

triển công nghệ còn mỏng; năng lực, trình độ của cán bộ nhất là cán bộ cơ sở có phần hạn chế nên việc tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung KH&CN trong một số lĩnh vực chưa đạt hiệu quả tối ưu nhất. Ở một số đơn vị việc chỉ đạo còn thiếu trọng tâm nên chưa tạo được phong trào ứng dụng rộng rãi trong nhân dân. Để từng bước khắc phục những tồn tại này và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động ứng dụng KH&CN, huyện Vĩnh Linh đã đưa ra nhiều giải pháp, định hướng cụ thể trong thời gian tới.

Đồng chí Nguyễn Thị Khởi - Phó Chủ tịch UBND huyện cho biết: "Huyện sẽ tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động KH&CN và có chế độ chính sách cụ thể để khuyến khích năng lực tư duy, nghiên cứu sáng tạo. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, đưa tiến bộ KH&CN vào xây dựng các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh để tạo điều kiện cho việc sản xuất chế biến nông sản, đáp ứng nhu cầu phát triển của sản xuất hàng hóa. Tăng cường hơn nữa công tác chuyển giao công nghệ, KHKT cho người dân một cách đồng bộ. Đồng thời phối hợp với Sở KH&CN triển khai hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm; tổ chức các hoạt động đánh giá tiêu chuẩn, do lường chống hàng giải hàng nhái nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất.

P.N

Xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn cho bò

Trần Quang Phú
Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Trong khuôn khổ dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị" từ năm 2017 đến nay Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị đã chuyển chuyển giao công nghệ và hỗ trợ chế phẩm vi sinh vật cho 56 hộ chăn nuôi tham gia mô hình (08 hộ chăn nuôi quy mô gia trại và 48 hộ chăn nuôi quy mô nông hộ) tại 08 xã vùng cát ven biển chịu sự cố môi trường biển xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn cho bò. Đây là hoạt động đơn giản, dễ thực hiện, chi phí rất thấp và có thể áp dụng ở tất cả các địa phương trên toàn tỉnh nhưng mang lại hiệu quả rất cao, mở ra một hướng đi mới trong chăn nuôi bò.

Các loại phế phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thường bị người dân vứt bỏ hoặc đốt vừa rất lãng phí vừa gây ô nhiễm môi trường và làm gia tăng lượng phát thải khí nhà kính. Đặc điểm của các loại phế phụ phẩm này là dễ hư hỏng (thối, mốc…), khó tiêu hóa (cấu trúc vách tế bào phức tạp với thành phần chủ yếu là cellulose, hemicellulose và lignin), tỷ lệ tiêu hóa và khả năng ăn vào thấp… Để giải quyết những vấn đề nêu trên, trong khuôn khổ dự án, Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị đã phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ (Trường Đại học Nông lâm Huế) thực hiện đào tạo và chuyển giao công nghệ về xử lý các loại phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò. Các loại phế phụ phẩm sau xử lý có ưu điểm:

(1) Thời gian bảo quản lâu dài (ít nhất là 3 tháng) giúp dự trữ được thức ăn cho mùa khan hiếm,

(2) Dễ tiêu hóa (do cấu tế bào bị vỡ một phần trong quá trình xử lý),

(3) Tăng khả năng ăn vào (do giảm kích thước và mùi vị thơm dễ chịu),

(4) Tăng giá trị dinh dưỡng (do quá trình lên men và các loại thức ăn bổ sung),

Người dân ủ ngọn lá sắn làm thức ăn dự trữ cho bò. Ảnh: Trần Quang Phú

(5) Nguyên liệu dễ kiếm, dễ thực hiện, chi phí thấp và hoàn toàn chủ động thức ăn trong chăn nuôi bò.

Sau mỗi vụ gặt (vụ hè thu) rơm rạ thường được thu gom và phơi khô để dự trữ, còn đối với vụ đông xuân hoặc khi thu hoạch các cây trồng cạn gặp trời mưa thì rơm rạ được để ráo rồi ủ với u rê, các loại phế phụ phẩm khác thì đem ủ xanh (ủ chua) có bổ sung thức ăn tinh và chế phẩm vi sinh vật. Phải nói rằng đây là nguồn thức ăn lý tưởng cho chăn nuôi bò. Để ứng dụng các công nghệ này vào xử lý thức ăn cho các hộ tham gia mô hình dự án đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cả lý thuyết và thực hành; để các hộ nông dân làm thử; kiểm tra, đánh giá chất lượng thức ăn sau ủ và sử dụng. Khi ứng dụng vào thực tế mô hình các hộ được sự hỗ trợ của cơ quan chuyển giao công nghệ, các cán bộ chỉ đạo kỹ thuật của dự án nên rất thành công và sử dụng hết sức hiệu quả.

Kết quả đến nay có 56 hộ nuôi tham gia dự án đã ủ chua được các phế phụ phẩm nông nghiệp như thân ngọn lá sắn, thân cây lạc, cây ngô,… khoảng 224m^3 (bình quân 10m^3/hộ gia trại và 3m^3/nông hộ); Tổng rơm rạ được ủ khoảng 112 tấn (bình quân 5 tấn/hộ gia trại và 1,5 tấn/nông hộ). Thức ăn được xử lý đảm bảo chất lượng tốt, có màu sắc, mùi vị thơm ngon, tăng tính hấp dẫn, tăng khả năng thèm ăn và tăng tỷ lệ tiêu hóa cho bò, thời gian bảo quản được lâu hơn nên đảm bảo chủ động được nguồn thức ăn thường xuyên cho bò đặc biệt là vào các mùa nắng hạn

Việc xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp đã giúp dự trữ được thức ăn cho bò vào mùa khan hiếm. Ảnh: Trần Quang Phú

Kiểm tra quá trình chăm sóc nuôi dưỡng đàn bò của các hộ dân. Ảnh: Trần Quang Phú

và mưa rét kéo dài (đặc trưng của tỉnh Quảng Trị). Thấy được hiệu quả từ việc ứng dụng kỹ thuật xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò của các hộ tham gia dự án (đàn bò sinh trưởng phát triển đều hơn, đẹp hơn, khả năng tăng trọng cao hơn,..) nên các hộ chăn nuôi trong địa phương cũng đã học hỏi kinh nghiệm và áp dụng vào việc chăn nuôi bò của gia đình mình, đây là một tín hiệu rất tốt cho việc nhân rộng mô hình trên địa bàn sau khi dự án kết thúc.

Kỹ thuật xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn cho bò là một trong những tính mới, tính khoa học của dự án, góp phần thay đổi tư duy, nhận thức của người chăn nuôi, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào chăn nuôi bò theo hình thức thâm canh, bán thâm canh thay cho mô hình nuôi bò truyền thống thả rông như trước đây, hứa hẹn sẽ mở ra hướng đi mới, một sinh kế mới cho bà con nông dân trong việc phát triển chăn nuôi một cách bền vững./.

T.Q.P

Chế phẩm vi sinh Pro - QTMIC dùng ủ xanh thức ăn do Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị sản xuất. Ảnh: Mậu Bình

Tuổi trẻ Quảng Trị với phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Trần Thị Như Quỳnh
Tỉnh Đoàn Quảng Trị

Khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong thanh niên là nội dung trọng tâm được các cấp bộ Đoàn chú trọng, đẩy mạnh triển khai. Thời gian qua, phong trào khởi nghiệp đã thực sự lan tỏa sâu rộng trong tuổi trẻ Quảng Trị, mang lại hiệu quả thiết thực, trong đó, vai trò đồng hành của tổ chức Đoàn với thanh niên trong "dựng nghề, khởi nghiệp" ngày càng được khẳng định rõ nét, góp phần xây dựng lớp thanh niên thời kỳ mới có ước mơ, hoài bão, có chí tiến thủ.

Hiện nay, khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã và đang là vấn đề rất được quan tâm của đất nước, đặc biệt là đối với thanh niên. Chính phủ đang triển khai những chính sách lớn để thúc đẩy phát triển khởi nghiệp. Tại Lễ phát động Chương trình *"Thanh niên khởi nghiệp"* giai đoạn 2016 - 2021 do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức, để truyền cảm hứng tinh thần khởi nghiệp kiến quốc cho thanh niên, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh: "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cùng tiến trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Đây chính là cơ hội để cho các ý tưởng khởi nghiệp của thanh niên trong nước và khởi nghiệp là mệnh lệnh của cuộc cách mạng này". Với tinh thần đó, từ những cơ chế, chính sách hỗ trợ của các cấp các ngành, sự vào cuộc đồng loạt của các địa phương và sự đồng hành của tổ chức Đoàn, phong trào thanh niên khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp sáng tạo của tuổi trẻ toàn tỉnh trong thời gian qua đã diễn ra sôi nổi, tạo hiệu ứng lan tỏa trong đoàn viên, thanh niên.

Phong trào đồng hành với thanh niên trong khởi nghiệp sôi nổi trong các cấp bộ Đoàn toàn tỉnh với nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, góp phần cổ vũ các bạn trẻ xây dựng ước mơ, hoài bão, hiện thực hóa niềm đam mê sáng tạo và khát vọng, làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê hương. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã chỉ đạo đẩy mạnh các

hoạt động tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách về khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua hệ thống Website, các trang mạng xã hội của các cấp bộ Đoàn, triển khai các App trực tuyến trên điện thoại quảng bá sản phẩm nông nghiệp do Trung ương Đoàn xây dựng; tổ chức các diễn đàn *"thanh niên khởi nghiệp", "hành trình đến với trường nghề, làng nghề", "hành trình đến với nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp"*... xây dựng các tiểu mục dữ liệu hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, nghề nghiệp việc làm, hướng dẫn nghiệp vụ về vốn vay phát triển kinh tế, thông tin về việc đào tạo nghề, thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và nước ngoài trên website của Đoàn thanh niên. Đồng thời, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng hệ thống tin bài và phóng sự, chuyên mục thanh niên nêu bật các gương điển hình trong tham gia khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tạo động lực cho đoàn viên, thanh niên học hỏi, phấn đấu, thực hiện ước mơ khởi nghiệp.

Với tinh thần quyết liệt trong công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện, bám sát, triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, trong năm 2018 - 2019, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các Đoàn trường Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức cuộc thi *"Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên"* từ tháng 5 - 10/2018 với 11 ý tưởng lọt vào vòng thi chung kết. Các ý tưởng tham gia cuộc thi khá đa dạng, tập trung vào hai lĩnh vực chính: Sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường như các dự án: *"xây dựng mô hình sản xuất dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGap trong nhà màng công nghệ Israel tại huyện Cam Lộ", "ứng dụng công nghệ Aquaponics vào*

Mô hình nuôi cá Lóc của anh Lê Ngọc Khánh ở Phường 5, Thành phố Đông Hà. Ảnh: Sỹ Tiến

việc xây dựng mô hình rau sạch tại tỉnh Quảng Trị", "nhà hàng thực phẩm sạch", "sản xuất phân bón hữu cơ từ bùn hoạt tính thải bỏ của nhà máy tinh bột sắn"; kinh doanh, dịch vụ như các dự án: *"a lô có"* về cung cấp dịch vụ ăn uống dựa trên internet; dịch vụ giáo dục để phát triển kỹ năng sống cho trẻ em như các dự án: *"phát triển kỹ năng sống"*, *"Greenchild"*. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã phối hợp với Sở Công thương tổ chức Diễn đàn *"thanh niên khởi nghiệp với thương mại điện tử";* chỉ đạo CLB Kiến tạo trẻ Quảng Trị tổ chức chương trình thực tập sinh mùa hè, Hội thảo *"Khi đam mê gặp nghề nghiệp"*, *"nghề nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0"*. Đồng thời, phối hợp tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tư vấn hướng nghiệp, du học và xuất khẩu lao động cho trên 50.000 đoàn viên, thanh niên; chỉ đạo các huyện, thị, thành Đoàn tổ chức 15 lớp tập huấn khởi sự doanh nghiệp, khuyến công, chuyển giao khoa học kỹ thuật; tổ chức 20 diễn đàn, hội nghị đối thoại, định hướng, tư vấn thanh niên khởi nghiệp quy mô cấp huyện,…

Trong hành trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, các cấp bộ Đoàn đặc biệt chú trọng việc tạo nguồn vốn cho thanh niên, chương trình cho thanh niên vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm đem lại những kết quả đáng khích lệ. Toàn tỉnh hiện có 180 tổ tiết kiệm vay vốn thanh niên, tính đến hết tháng 3/2020 tổng dư nợ vốn vay ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội qua Đoàn Thanh niên là 263,5 tỷ đồng, giúp 6.460 hộ thanh niên được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh; giải ngân nguồn vốn vay theo chương trình 120 kênh Trung ương Đoàn với tổng dư nợ 1,1 tỷ đồng với 18 dự án tham gia. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn cũng đã phối hợp với Trung tâm Phát triển Khoa học Công nghệ và Tài năng trẻ Trung ương

Tập huấn Kỹ năng hỗ trợ khởi nghiệp - Bệ phóng Việt Nam Digital 4.0.
Ảnh: Baoquangtri.vn

Đoàn hỗ trợ 03 mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh giúp đoàn viên, thanh niên triển khai thành công và mang lại hiệu quả, đồng thời nhân rộng thực hiện cho đông đảo đoàn viên, thanh niên trên địa bàn. Bên cạnh đó, tổ chức Đoàn đã đồng hành, tư vấn cho thanh niên các quy trình thành lập Tổ hợp tác, hợp tác xã, Câu lạc bộ thanh niên phát triển kinh tế giúp thanh niên tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về các thủ tục, vốn vay; huy động đoàn viên, thanh niên tham gia ngày công san lấp mặt bằng, vận chuyển vật liệu, xây dựng hàng rào, chuồng trại, nhà xưởng... Đến nay, toàn tỉnh đã hỗ trợ xây dựng và phát triển hơn 468 mô hình kinh tế trong thanh niên cho thu nhập trên 100 triệu đồng/năm, góp phần nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm cho thanh niên.

Với sự hỗ trợ, đồng hành của tổ chức Đoàn, bên cạnh những hướng đi truyền thống, thanh niên Quảng Trị cũng đã có nhiều mô hình khởi nghiệp mới, sáng tạo và có hiệu quả như: Mô hình Dịch vụ vệ sinh công nghiệp của đồng chí Lâm Hưng Thắng, xã Tân Liên (Hướng Hóa); mô hình trồng nấm sử dụng hệ thống phun sương tạo độ ẩm với quy mô 5.000 bịch nấm các loại như nấm sò, nấm nhĩ của đồng chí Trần Văn Phúc xã Gio Phong (Gio Linh); mô hình sản xuất tinh bột nghệ, ngũ cốc của đồng chí Trần Lan xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, mô hình trồng rau thủy canh của đồng chí Trần Anh Tuấn (Đông Hà)... Nhìn chung, các thanh niên trong quá trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã biết tận dụng các lợi thế về công nghệ thông tin, khả năng học hỏi, tiếp thu của tuổi trẻ để có những ý tưởng kinh doanh sáng tạo, nghiên cứu và phát triển những công nghệ mới trên các lĩnh vực mới, tiếp cận nhanh các thị trường, nhạy bén với thị hiếu khách hàng, các

Phong trào khởi nghiệp đang được thanh niên tích cực hưởng ứng. Ảnh: Baoquangtri.vn

mô hình này đã và đang giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho hàng ngàn đoàn viên, thanh niên địa phương. Bên cạnh đó, toàn Đoàn đã thành lập 23 câu lạc bộ thanh niên, khởi nghiệp, làm kinh tế giỏi, tổ hợp tác thanh niên phát triển kinh tế, qua đó tạo thêm môi trường để các đoàn viên, thanh niên học tập, chia sẻ kinh nghiệm, giúp nhau trong phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh về hàng hóa, sản phẩm, tạo sự liên kết bền vững trong triển khai các mô hình, dự án phát triển kinh tế tại các địa phương.

Có thể nói, chưa bao giờ phong trào thanh niên khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lại được các bạn trẻ quan tâm như giai đoạn hiện nay. Do đó, hơn bao giờ hết rất cần thiết phải có những chính sách hỗ trợ khởi nghiệp để kịp thời nâng đỡ, chắp cánh cho những đam mê, nhiệt huyết, ý tưởng sáng tạo của thanh niên. Để tổ chức Đoàn thực sự là người bạn đồng hành của thanh niên, hỗ trợ thanh niên trên con đường khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thời gian tới ban Thường vụ Tỉnh Đoàn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với từng đối tượng thanh niên. Trước hết là tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về *chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2025*; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị về *hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2021*... Tập trung tuyên truyền, cổ vũ, thúc đẩy niềm đam mê khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân nhất là thanh niên, bởi đây là đối tượng có sức trẻ, nắm bắt nhanh các công nghệ mới, có kiến thức nền cơ bản, có hoài bão để từ đó, tư vấn, hỗ trợ thanh niên trong chọn ngành, chọn nghề phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường lao động hiện nay, góp phần xây dựng nguồn lao động trẻ có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, của đất nước trong giai đoạn mới. Ưu tiên tổ chức các hoạt động hỗ trợ thông tin, kiến thức, kỹ năng cho thanh niên khởi nghiệp, phát huy hiệu quả nguồn vốn Quỹ Quốc gia về việc làm qua kênh Trung ương Đoàn, nguồn vốn vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ thanh niên vay vốn khởi nghiệp, khuyến khích các dự án khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Hỗ trợ và nhân rộng các mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi, trang trại trẻ, tổ hợp tác, hợp tác xã của thanh niên. Quan tâm, giúp đỡ các đối thanh niên chậm tiến, thanh niên yếu thế được học nghề, có việc làm ổn định để hòa nhập cộng đồng.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, tiến trình toàn cầu hóa được lan rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, cùng với sự đồng hành, sát cánh, hỗ trợ của tổ chức Đoàn sẽ là môi trường thuận lợi khuyến khích và tạo điều kiện để thanh niên phát huy năng lực sáng tạo, vững tinh thần khởi nghiệp trước thử thách trong tình hình mới hiện nay, xây dựng lớp thanh niên thành công, có kiến thức, vững kinh tế, góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh./.

T.T.N.Q

VAI TRÒ CỦA DÒNG HỌ TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG QUẢNG TRỊ

Cái Thị Vượng

Trung tâm Quản lý di tích và Bảo tàng Quảng Trị

Từ một số nghề thủ công truyền thống

Từ những năm đầu của thế kỷ XV - XVI, theo dòng di dân Nam tiến, bên cạnh những cư dân làm nông nghiệp, ngư nghiệp thì nhiều ngành nghề thủ công truyền thống đã ra đời và phát triển trên vùng đất Quảng Trị. Trải qua bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử, nhiều nghề thủ công truyền thống Quảng Trị vẫn bảo tồn và phát triển cho đến ngày nay. Đây là những ngành nghề thủ công truyền thống nổi tiếng, lâu đời, là nét văn hoá đặc sắc, là di sản văn hoá phi vật thể quý giá của người dân Quảng Trị. Với bí quyết nghề nghiệp, các nghề thủ công truyền thống đã tạo ra rất nhiều sản phẩm không chỉ đơn thuần là trao đổi, thương mại, mang đến thu nhập ổn định mà còn chứa đựng nhiều giá trị về văn hoá và lịch sử.

Từ năm 2011 đến 2018, thực hiện theo Thông tư số 04/2010/TT - BVHTTDL quy định việc nghiên cứu, kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; được sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Bảo tàng tỉnh Quảng Trị đã tiến hành tổ chức nhiều đợt tổng điều tra, kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tại địa bàn tỉnh; kết quả bước đầu đã lập phiếu kiểm kê cho 368 di sản văn hóa phi vật thể bao gồm đầy đủ 7 loại hình; trong đó, nghề thủ công truyền thống có 70 di sản.

Các nghề thủ công truyền thống ở Quảng Trị xuất hiện khá sớm và gắn liền với các vùng nông nghiệp, ngư nghiệp; người nông dân lại chính là nghệ nhân làm nghề, để giải quyết hợp lý sức lao động dư thừa theo đặc trưng thời vụ. Xuất phát từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và tranh thủ thời gian rãnh rỗi sau các vụ mùa để người dân làm ra các sản phẩm, lúc đầu chỉ nhằm đáp ứng

nhu cầu sinh hoạt của chính bản thân họ; về sau, sản phẩm được đem đi trao đổi, buôn bán, rồi dần dần phát triển và chuyên môn hóa cao hơn, đã tạo cho một số nghề thủ công có thu nhập ổn định, với những sản phẩm đặc trưng hiện diện trên địa bàn và các tỉnh thành lân cận. Có thể khẳng định, mỗi nghề thủ công đều gắn liền với một cộng đồng cư dân được cư trú ổn định trong quy mô từng dòng họ, làng xã.

Sản xuất nước mắm tại Thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh. Ảnh: vtv.vn

Trong khuôn khổ nội dung bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu những nghề thủ công truyền thống được bảo tồn và phát triển trên vùng đất Quảng Trị từ xa xưa cho đến ngày nay.

Các nghề thủ công truyền thống gắn với nông nghiệp. Nhìn vào những nghề thủ công và sản phẩm được tạo ra, chúng ta cũng nhận thấy gốc tích nông nghiệp như nguyên vật liệu, công cụ chế tác, giá trị sử dụng và đặc biệt là phản ánh được tính chuyên dụng và sinh hoạt cộng đồng của cư dân nông nghiệp trên các sản phẩm đó: Những sợi bún trắng tinh, thơm ngon của thôn Thượng Trạch, Cẩm Thạch; đến bánh ướt Phương Lang, Hiền Lương mỏng dính, dẻo dai; bánh dầy Đạo Đầu, bánh tráng Trung An thơm lừng mùi nếp mới hòa lẫn hương vị của đậu mè; rượu gạo ngọt nồng Kim Long từ xa xưa đã làm nên thương hiệu...

Nghề làm bánh ướt: Địa phương nổi tiếng hơn cả là làng Phương Lang (xã Hải Ba, huyện Hải Lăng). Ngoài ra còn có một số nơi như làng Hiền Lương (xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Linh)... Trước đây, bánh ướt được làm theo

lối thủ công truyền thống với các công đoạn: ngâm, xay, lọc và tráng. Sau này, người ta đã áp dụng máy móc vào sản xuất, vì thế quy trình làm bánh ướt thủ công không còn duy trì và thay vào đó là sản xuất bằng dây chuyền máy móc hiện đại, đã đem lại sản lượng cao và giảm thiểu sức lao động rất lớn. Sản phẩm bánh ướt làm ra được cung ứng cho thị trường nội tỉnh là chủ yếu với nhu cầu tiêu dùng rất cao. Đây là một nghề thủ công truyền thống hiện nay đang được duy trì và phát triển rất tốt, góp phần thiết thực trong việc giải quyết việc làm và đem lại nguồn thu nhập rất lớn cho các hộ gia đình.

Nghề làm bún: Nghề làm bún ở Quảng Trị xuất hiện ở khá nhiều nơi, trong đó có ba địa phương nổi tiếng hơn cả đó là làng Thượng Trạch, Linh Chiểu (xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong) và làng Cẩm Thạch (xã Cam An, huyện Cam Lộ). Quy trình làm bún lắm công phu, phải trải qua các công đoạn: ngâm - chà - xay - giã - nhồi - xáy - vặn. Làm ra bún thì dễ nhưng để có chất lượng thì không hề đơn giản chút nào. Bí quyết nghề nghiệp khá khắt khe, từ khâu chọn loại gạo thích hợp cho đến các công đoạn thực hiện rất phức tạp. Trước đây, thường dùng gạo tám thơm, nay có các loại gạo khang dân, Việt Nam mười… Nghề làm bún ở các địa phương nói trên hiện đang duy trì và phát triển rất tốt, nỗi tiếng trên thị trường tiêu thụ.

Nghề nấu rượu ở làng Kim Long. Ảnh: Tư liệu

Nghề nấu rượu Kim Long: Kim Long là một làng quê thuộc xã Hải Quế, huyện Hải Lăng, ngôi làng nổi tiếng xa gần với loại thức uống làm say đắm lòng người - đó là "*Mỹ tửu Kim Long*". Đây là một nghề thủ công truyền thống hình thành từ lâu đời, là nguồn thu nhập đáng kể của người dân. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 8 mục Thổ sản có nhận xét rằng "*rượu Kim Long ở Hải Lăng, Quảng Trị ngon hơn hết*"[1].

Các yếu tố tạo nên chất lượng rượu phải được kể đến chính là nguồn nước và men. Ở Kim Long nguồn nước tự nhiên được tinh lọc qua rất nhiều tầng đất cát nên rất sạch và trong, không phải nơi nào cũng có được. Đối với men, được chế biến theo công thức bí truyền riêng phù hợp với thời tiết địa phương nên có chất lượng rất đặc biệt. Bên cạnh đó, quá trình chưng cất phải đảm bảo lửa đều, sức nóng vào nồi đồng vừa đủ. Người Kim Long lựa chọn cây phi lao, loài cây mọc trên cát có thân chắc, cháy liu riu làm chất đốt nấu rượu. Một điều làm nên hương vị đặc biệt của rượu nơi đây chính là việc chọn nồi đồng để nấu. Nồi đồng có khả năng giữ nhiệt và om hơi, giúp rượu giữ vị nồng cay đặc trưng. Trải qua hàng trăm năm tồn tại và phát triển, đến nay rượu Kim Long đã đưa quy trình công nghệ vào sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm. Rượu Kim Long đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình ở thị trường trong nước và quốc tế.

Nghề làm mứt gừng: Là một nghề truyền thống của người dân làng Mỹ Chánh (xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng) xuất hiện từ xưa và trở thành đặc sản của Quảng Trị. Mứt gừng Mỹ Chánh nổi tiếng thơm ngon với vị cay nồng nhẹ, đặc trưng đã tạo được niềm tin trong lòng người sử dụng. Nghề làm mứt gừng ở đây không chỉ đơn thuần là kiếm thêm thu nhập mà còn gìn giữ, bảo tồn nghề truyền thống của tổ tiên đã dày công sáng tạo.

Nghề làm giá đỗ: Nguồn nguyên liệu để làm giá đỗ đó là hạt đỗ xanh được trồng tại địa phương hoặc mua thêm ở các chợ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trải qua quá trình phát triển, nghề làm giá đỗ đã gắn liền với cuộc sống của bà con làng Lam Thủy (xã Hải Vĩnh, huyện hải Lăng) và làng Nghĩa An (phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà) từ bao đời nay. Việc duy trì và phát triển làng nghề và liên kết phát triển sản xuất kinh doanh là nhu cầu cần thiết để góp phần nâng cao mức sống của người dân, đồng thời bảo tồn được nghề truyền thống của địa phương. Bên cạnh nghề nông, nghề làm giá đỗ cũng đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân nơi đây, góp phần nâng cao đời sống cho các hộ gia đình.

Các nghề thủ công truyền thống gắn với ngư nghiệp. Với các cư dân làm nghề biển và đánh bắt tôm cá dọc sông, suối, các sản phẩm thu được ngoài cung cấp cho thị trường tiêu thụ họ còn biết chế biến những mặt hàng thông dụng để phục vụ cho việc tiêu dùng, để rồi nghề làm muối, làm nước mắm, làm ruốc... đã có mặt hầu khắp các làng ven biển. Muối, nước mắm, ruốc của các làng nghề, một phần cung cấp cho nhu cầu chế biến, sinh hoạt của các hộ gia đình quanh vùng; sản phẩm còn lại cũng theo các lái thương ngược dòng Hiếu Giang lên các miền núi phía tây Quảng Trị và qua đến tận Ai Lao (Lào). Dần dần các sản phẩm đã khẳng định tên tuổi, nghề nghiệp của làng mình trên thương trường. Từ nhu cầu của nghề nghiệp, nhân dân ở nhiều làng còn hình thành nhiều nghề đan lát các dụng cụ đánh bắt, dệt lưới, nghề đóng thuyền... để cung cấp ngư yếu cụ cho các bạn thuyền đánh bắt trên sông, biển.

Nghề làm nước mắm: Trong văn hoá ẩm thực người Việt, nước mắm là sản phẩm truyền thống quen thuộc và trở thành một phần quan trọng không thể thiếu trong mỗi bữa ăn của gia đình. Từ rất xa xưa trong lịch sử, nhiều làng

quê miền biển ở Quảng Trị đã có nghề làm nước mắm và đây là một nghề thủ công truyền thống tồn tại, phát triển song hành với thời gian suốt bao đời nay. Quảng Trị có rất nhiều làng, xã ven biển làm nghề chế biến nước mắm. Huyện Triệu Phong: các làng Bình An (xã Triệu Vân), làng Gia Đẳng (xã Triệu Lăng), làng Hà Tây (xã Triệu An); huyện Hải Lăng có các làng Mỹ Thủy (xã Hải An), làng Thâm Khê (xã Hải Khê); huyện Gio Linh có làng Hà Lợi Tây (xã Gio Hải), làng Long Hà (thị trấn Cửa Việt), làng Xuân Khánh (xã Gio Việt); huyện Vĩnh Linh có các làng Thái Lai, Mạch Nước…(xã Vĩnh Thái), thị trấn Cửa Tùng… Phần lớn phụ nữ trong các làng trên đều thành thạo quy trình chế biến và chưng cất nước mắm theo cách làm truyền thống. Nước mắm là sản phẩm lên men từ các loại cá, theo kinh nghiệm của người làm nước mắm thì ngoại trừ cá nóc (vì có độc tố) còn lại tất cả các loại cá khác đều làm được nước mắm, trong đó cá cơm và cá nục cho thành phẩm ngon nhất.

Nghề làm ruốc: Là một nghề phụ không thường xuyên vì phải phụ thuộc vào thời vụ mới có nguyên liệu. Trước đây ở Quảng Trị có nhiều làng làm ruốc, nhưng nay do tác động từ nhiều yếu tố khác nhau nên nghề làm ruốc chỉ còn tồn tại ở một số làng như làng Hà Tây (xã Triệu An, huyện Triệu Phong), làng Thâm Khê (xã Hải Khê, huyện Hải Lăng), làng Xuân Khánh (xã Gio Việt, huyện Gio Linh), làng Thái Lai (xã Vĩnh Thái) và thị trấn Cửa Tùng (huyện Vĩnh Linh)… Nghề làm ruốc và sản phẩm ruốc của họ đã thực sự thoả mãn nhu cầu thẩm thực của người dân trong vùng, trở thành một thương hiệu quen thuộc và ưa chuộng của nhiều người tiêu dùng.

Các nghề thủ công truyền thống tận dụng từ nguyên liệu sẵn có ở địa phương. Bên cạnh các sản phẩm nghề thủ công được chế biến từ thành quả lao động của nông nghiệp và ngư nghiệp, những người thợ thủ công cũng đã biết tận dụng những nguyên liệu sẵn có ở địa phương để làm ra những mặt hàng thiết yếu cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và đời sống hàng ngày của người dân, ngoài ra còn bán buôn khắp vùng. Các sản phẩm đồ gia dụng đã ra đời như: Đồ gỗ mỹ nghệ Cát Sơn, chiếu Lâm Xuân, giấy Phổ Lại, các sản phẩm đan lát Lan Đình, nón lá Trà Lộc và Phú Liêu, áo tơi Việt Yên, quạt giấy Phương Ngạn... trước đây đều có tiếng cả khu vực. Tuy nhiên, hiện nay một số nghề đã mai một và đang đứng trước nguy cơ thất truyền.

Nghề làm nón: Nói đến nón lá Quảng Trị, người ta nghĩ ngay đến một số làng có nghề chằm nón nổi tiếng như: Văn Quỹ (xã Hải Tân, Hải Lăng), Trà Lộc (xã Hải Xuân, Hải Lăng), Bố Liêu (xã Triệu Hòa, Triệu Phong)... Đây là những làng nghề truyền thống xuất hiện lâu đời rồi dần dần trở thành nghề chính thứ hai của họ sau nghề làm ruộng.

Bước đầu khi hình thành làng nghề, bà con tranh thủ thời vụ nông nhàn chằm nón để đem trao đổi mua bán cho người dân quanh vùng nhằm kiếm thêm thu nhập. Đến nay, điều kiện phát triển của xã hội ngày càng cao về mọi mặt, giao thông đi lại thuận tiện, nhu cầu sử dụng nón lá vào các mục đích như dùng để đội đầu che nắng, làm quà biếu tặng, làm vật kỷ niệm… ngày càng nhiều, nhờ vậy việc sản xuất nón lá ngày càng được mở rộng. Đây là nguồn thu nhập quan trọng thứ hai sau sản xuất nông nghiệp ở nhiều làng.

Nghề làm chổi đót: Chổi đót là một

loại vật dụng phổ biến trong mọi gia đình vì vậy từ xa xưa nhiều người dân trong mỗi gia đình đã biết làm chổi đót để phục vụ nhu cầu của cuộc sống. Tuy nhiên, để làm chổi đót tập trung theo dạng làng nghề truyền thống với số lượng lớn và cung cấp hàng hoá bán ra thị trường thì hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chỉ có hai làng nghề đang hoạt động đó là làng Văn Phong (xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng) và làng Đâu Kênh (xã Triệu Long, huyện Triệu Phong).

Nghề làm chổi đót có nguyên liệu dễ kiếm, nguồn nhân công có sẵn tại các hộ gia đình, người già đến trẻ đều làm được, hàng hóa dễ tiêu thụ. Thị trường nội địa chủ yếu là các chợ trong tỉnh Quảng Trị, Bên cạnh đó, các hộ sản xuất chổi đót đã tìm kiếm và từng bước mở rộng thị trường ra các tỉnh phía Nam như: Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Đắc Lắc, Đà Nẵng… với số lượng tiêu thụ khá cao đã mang lại nguồn thu nhập tương đối ổn định góp phần cải thiện cuộc sống cho người dân.

Nghề đan lát: Nghề đan lát trước đây xuất hiện khá nhiều ở các làng quê và trở thành một nghề rất quen thuộc, gần gũi với người dân. Nhưng nỗi tiếng vẫn là làng Lan Đình (xã Gio Phong), Phước Thị (xã Gio Mỹ) của huyện Gio Linh; Thủy Trung (xã Vĩnh Trung), An Du Nam (xã Vĩnh Tân) của huyện Vĩnh Linh; Lam Thủy (xã Hải Vĩnh huyện Hải Lăng); Đâu Kênh (xã Triệu Long, huyện Triệu Phong)... Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cuộc sống, khi mà điều kiện xã hội đang ở trình độ thấp, chưa thể tiếp cận được với những dụng cụ lao động, đồ gia dụng hiện đại, nên người dân đã sáng tạo ra những vật dụng từ những nguồn sản vật có sẵn ở địa phương để

Nghề mây tre đan ở làng Lan Đình, xã Gio Phong, huyện Gio Linh. Ảnh:TTXVN

phục vụ cho quá trình sống, lao động và sinh hoạt của mình và buôn bán trao đổi ra bên ngoài nhằm kiếm thêm thu nhập. Từ đó, nghề đan lát trở thành một nghề chính của nhiều làng, tồn tại trong một thời gian rất dài và được lưu truyền qua rất nhiều thế hệ cho đến ngày nay.

Vai trò của dòng họ trong các nghề thủ công

Ổn định đời sống, phát triển kinh tế. Dòng họ đóng vai trò quan trọng đối với đời sống các gia đình có nghề thủ công truyền thống. Nó được thể hiện thông qua việc truyền nghề, hỗ trợ vốn phát triển sản xuất, nhân lực, cũng như định hướng vai trò của nghề trong tương lai. Mối quan hệ đó được gìn giữ thông qua các qui định của dòng họ; và mỗi gia đình trở thành một mắt xích thực hiện, kết nối truyền thống từ thời này qua thời khác.

Những người làm nghề thủ công truyền thống tại các làng quê Quảng Trị đều ghi nhận công lao của các bậc tiền nhân có công mở mang làng xóm, phát triển dòng họ. Việc chú trọng thứ bậc của những dòng họ khai khẩn, khai canh và thủy tổ các họ tộc được kế thừa và lưu giữ trong lớp lớp cháu con muôn đời. Mỗi nghề thủ công truyền thống luôn gắn liền với những dòng họ đang sản xuất và phát triển; và họ cũng chính là những dòng họ khai khẩn, khai canh, hay các họ tộc lập nên các nghề hiện nay. Đời sống kinh tế - xã hội tại các nghề thủ công truyền thống có những thay đổi nhất định chính là nhờ vào các dòng họ đã trao truyền nghề nghiệp, duy trì, phát triển nghề một cách bền vững. Có thể xem dòng họ chính là yếu tố không thể thiếu trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của các hộ gia đình tại các làng có nghề thủ công truyền thống Quảng Trị.

Ngoài ra, dòng họ cũng là nơi phổ biến kinh nghiệm sản xuất truyền thống và làm ăn buôn bán. Từ kinh nghiệm được chia sẻ, việc duy trì sản xuất, đầu tư trang thiết bị, tăng chất lượng mẫu mã phù hợp với nhu cầu của thị trường; nhất là phát triển thị trường tiêu thụ lớn hơn tạo cơ hội cho nghề phát triển bền vững, mang lại thu nhập ổn định cho kinh tế hộ gia đình và đứng vững trước những biến đổi của nền kinh tế thị trường như hiện nay. Đó là minh chứng vai trò, sức mạnh của dòng họ trong phát triển kinh tế.

Chuyển tải các giá trị văn hóa, tinh thần. Văn hóa dòng họ không những tác động đến đời sống văn hoá tinh thần của các gia đình mà còn tạo nên những hành vi của các cá nhân trong dòng họ, thông qua các hương ước và qui định riêng của dòng họ. Có thể khẳng định các dòng họ ở Quảng Trị tổ chức theo quan hệ huyết tộc, chi phối nhiều đến sinh hoạt của từng bộ phận dân cư trong cộng đồng.

Biểu hiện văn hoá tinh thần của các dòng họ chính là các hoạt động giỗ tổ, tang ma, cưới hỏi, tu sửa nhà thờ dòng tộc, sửa chữa mồ mả dòng họ tổ tiên, khuyến học. Các hoạt động này có sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong dòng tộc. Đặc thù của làng chính là nhiều dòng họ và có sự chi phối mạnh mẽ đến các thành viên. Việc tham gia lễ cúng hàng năm thể hiện mối quan hệ giữa các mô hình tổ chức xã hội: gia đình - dòng họ - làng - nước.

Trong mỗi làng, vai trò dòng họ thể hiện qua việc ghi nhận người có công khai khẩn lập nên hương hiệu của làng đến từng dòng họ cụ thể, tồn tại bằng văn bản hay sắc phong của nhà vua.

Dòng họ của người khai canh, khai khẩn, các chi tộc có công trong việc khai hoang, dựng làng, mở rộng cương vực luôn được thờ tự chu đáo và các dòng họ không thuộc đối tượng trên có nhiều đóng góp, con cái đỗ đạt, có quyền lực... thì được thờ tự riêng. Tâm thức này được người dân ở các làng nghề duy trì rất tốt và thường xuyên thể hiện qua các nghi lễ dòng họ đến các lễ hội của làng. Đa số các làng có nghề thủ công truyền thống thì tiền khai canh, khai khẩn cũng là người truyền dạy nghề cho các dòng họ, do vậy họ cũng xem là tổ nghề. Do đó các lễ tế, lễ hội đều xoay quanh các nhân vật đó. Những dòng họ khai canh, khai khẩn đầu tiên đều được xác thực, cụ thể, được các văn bản ghi lại. Họ được ghi nhớ, đề cao, nhớ ơn, thờ phụng trong đình hoặc miếu chung. Các lễ chạp mộ ngài khai canh, khai khẩn mọi người cùng nhau thực hiện mà không dừng lại ở mức độ dòng tộc. Quan hệ làng xã được gắn kết tạo lập niềm tin giữa các thành viên trong cùng một cộng đồng. Đó là tiền đề quan trọng để các thành viên dễ dàng giải quyết những vấn đề tập thể có liên quan tới lợi ích của cả cộng đồng, từng hộ kinh tế gia đình và các thành viên.

Dòng họ có sự ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các gia đình, dòng họ là nơi gặp gỡ, duy trì tình cảm anh em trong dòng tộc; tạo cho gia đình sự an tâm làm ăn sản xuất, đặc biệt là để con cháu biết nguồn cội, vị trí trong dòng họ. Đây còn là chỗ dựa, hỗ trợ tinh thần, động viên nhau vượt qua khó khăn. Việc tham gia đóng góp thể hiện cái tâm của người con trong dòng họ, trong làng với nhau, có thể thấy rõ thông qua các mối quan hệ huyết thống của mình.

Ngoài đặc trưng chung của làng là nơi cộng cảm, cộng cư trong các làng có nghề thủ công truyền thống còn là nơi cộng nghề. Họ liên kết lại, ngoài việc cùng chia sẻ các công việc liên quan đến nghề thì đó còn là một sự hợp lực quan trọng, cần thiết và hữu ích để tạo nên sức mạnh chung của nghề. Các tổ chức này cũng chính là nơi để giải quyết những mối bất hòa, xung đột trong quá trình cùng làm, cùng buôn bán. Việc hình thành các tổ chức như phường, hội cũng góp phần vào việc củng cố, ổn định các mối quan hệ làng xã góp phần vào việc tạo ra sức mạnh tập thể.

Có thể nói, nghề thủ công là nơi bảo lưu những nét tinh hoa cổ truyền, nơi để các nghệ nhân đua tài, khoe sắc; nơi giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong quá trình lao động sáng tạo; nơi cung cấp, buôn bán trao đổi hàng hoá giữa các vùng, miền trên địa bàn và trong cả nước. Với ước muốn nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trong cộng đồng làng, xã. Trên thực tế, muốn các làng có nghề thủ công truyền thống thực sự phát triển bền vững thì việc phát huy vai trò của các dòng họ là hết sức cần thiết; vì dòng họ trở thành hạt nhân quan trọng, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng. Bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dòng họ cũng chính là góp phần bồi đắp, xây dựng hạnh phúc của mọi cá nhân, cộng đồng và của toàn dân tộc./.

C.T.V

CHÚ THÍCH

(1) Lê Quý Đôn. *Phủ Biên tạp lục*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1997, tr. 81.

NHỮNG QUY ƯỚC TRUYỀN NGHỀ VÀ THỰC HÀNH LỄ NHẠC CỦA "LÀNG NHẠC" ĐIỀU NGAO Ở ĐÔNG HÀ (QUẢNG TRỊ)

Nguyễn Thị Tâm Hạnh[1] - Hoàng Ái Mỹ[2]
[1]Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế
[2]Trường Cao Đẳng Sư Phạm Quảng Trị

1. Về làng Điếu Ngao và quá trình hình thành một "làng nhạc"

Trong bối cảnh chung của quá trình hình thành làng xã vùng đất Quảng Trị nói riêng và cả miền Trung nói chung, trên bước đường đi về phương Nam của người Việt, làng Điếu Ngao ra đời vào khoảng thế kỷ XVI với tên gọi ban đầu là Hướng Ngao (thuộc huyện Vũ Xương, Châu Thuận)[1]; sau được đổi thành Điếu Ngao (thuộc huyện Võ Xương, phủ Triệu Phong). Đến thế kỷ XVIII, Điếu Ngao là một trong 22 xã thuộc tổng An Đôn, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá[2].

Là một làng nông, sinh kế chính dựa vào cây lúa, đội nhạc Điếu Ngao trong những buổi đầu mới hình thành chủ yếu đáp ứng nhu cầu lễ nhạc của người dân trong làng và một số vùng lân cận. Được hình thành khá muộn (khoảng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX), cụ Hoàng Văn Kết - người đã đi "tầm sư học... nhạc" ở làng Lưỡng Kim (Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị) - được cho là người có công đầu khởi truyền âm nhạc cho làng. Với năng khiếu bẩm sinh cùng sự đam mê bộ môn nghệ thuật này, sau một thời gian miệt mài học hỏi, cụ đã hết sức thạo nghề (đặc biệt là sanh tiền). Những ngón nghề đã được cụ mang về quê, dùng hết tâm huyết truyền lại cho con cháu và học trò. Nhờ đó, các bài bản vẫn được lưu truyền cho đến ngày nay. Ngoài ra, cụ cũng là người dụng công đào tạo nhiều lớp học trò đàn và hát dân ca Trị - Thiên. Tiếp nối sự nghiệp của thầy, những học trò xuất sắc, cũng là con cháu của cụ Kết, thuộc ***thế hệ thứ hai*** của làng nhạc Điếu Ngao là ông Hoàng Văn Kim (? - 1945), Hoàng Hữu Tri (1883 - 1919), Hoàng Hữu Lâm

(1876 - 1954). Những cố nghệ nhân này cũng đã đào tạo ra đội ngũ đông đảo ***thế hệ thứ ba*** nổi tiếng thạo nghề, như: cụ Hoàng Văn Thủy (1899 - 1947); Hoàng Ngọc (1906 - 1968); Nguyễn Công Quán (1911 - 1964); Hoàng Văn Ân (1920 - 2001); cụ Hoàng Hữu Cơ (? - 1954), Hoàng Hữu Liêm (1910 - 1953), Hoàng Văn Vĩnh (1911 - 1997), Hoàng Hữu Mỹ (1914 - 1996), Hoàng Hữu Em (1927 - 1999). Tiếp nối là những nhạc công ***thế hệ thứ tư*** như Hoàng Văn Tư (1954 -); Trần Dàn (1946 -), Hoàng Hữu Tâm (1952 -), Hoàng Tại (1949 -) và ***thứ năm***: Trần Văn Thảo, Trần Diễn, Trần Văn Trường, Nguyễn Văn Sang, .v.v.

Được truyền thừa liên tục qua nhiều thế hệ, với đội ngũ những nhạc công dân gian thạo nghề, đội nhạc làng Điếu Ngao đã tạo nên được "thương hiệu" khắp vùng Trị Thiên. Điếu Ngao không chỉ biết đến là một làng nông, mà còn là một làng nhạc nổi tiếng, chủ yếu phục vụ cho các sinh hoạt tế lễ, tang ma ở trong vùng. Do đó, các nhạc cụ thường dùng chủ yếu thiên về lễ nhạc, với đầy đủ các bộ gõ, bộ hơi và bộ dây. Cuốn phả nhạc bằng chữ Nôm hiện được những người thuộc thế hệ thứ 4 gìn giữ là tư liệu quý giá duy nhất mà các đời trước đã ghi chép cẩn thận để truyền dạy cho cháu con. Tuy nhiên, văn bản này chỉ có thể ví như một "thứ xương cốt" để các nhạc công dựa vào đó mà ứng tấu.

Biên chế tối thiểu của một đội trống quân (4 người đánh trống, 2 người thổi kèn, 1 người đánh bạt). Ảnh: Hoàng Ái Mỹ

Để có thể trở thành một nghệ nhân cổ nhạc thực thụ, người học phải dành toàn bộ tâm lực để nắm bắt trực tiếp mọi sắc thái tinh tế của tác phẩm qua người thầy, từ thang âm, phương thức vận hành giai điệu, phương pháp trang điểm

các chữ đàn cho đến bước đi của nhịp điệu. Dạy và học theo lối truyền nghề, vì thế, là phương thức chủ yếu ở Điếu Ngao. Bên cạnh đó, do chủ yếu phục vụ cho đời sống lễ nghi của cộng đồng; quan hệ giữa người dạy và người học là quan hệ thầy - trò lẫn gia đình máu mũ, nên việc truyền dạy không chỉ được chú trọng về kỹ thuật, nghệ thuật, mà yếu tố **LỄ** luôn được đặt lên hàng đầu. Những quy ước bất thành văn trong quá trình truyền nghề của làng nhạc Điếu Ngao, cũng như trong quá trình "đi nghề" cũng chính là thành tố quan trọng, góp phần tạo nên giá trị của thực hành lễ nhạc ở làng Điều Ngao.

2. Những quy ước trong truyền nghề và "đi nghề"

2.1. Quy ước trong truyền nghề

Như đã trình bày, vốn là một làng nông, sinh kế chính dựa vào cây lúa, nên "đánh thổi" vốn chỉ được xem là nghề phụ của người làng Điếu Ngao. Quá trình học nghề và truyền nghề của các thành viên trong đội nhạc, vì thế, chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình hay họ tộc, mang tính chất cha truyền con nối. Mỗi cá nhân đến với nghề nhạc bằng một cơ duyên khác nhau, nhưng bất cứ ai cũng phải bắt đầu bằng nghi lễ trình xin với tổ nghiệp. Sau khi thầy dạy nhạc đồng ý, người học nhạc được gia đình chuẩn bị một mâm cau trầu rượu, chọn ngày lành tháng tốt đến nhờ thầy xưng tên tuổi với tổ nghề và xin Ngài cho kết nạp làm đệ tử. Mỗi khi đã được thâu nhận, học trò phải xem thầy như phụ mẫu của mình. Trong sinh hoạt thường ngày hoặc những lúc *đi nghề*, phải giữ đúng chừng mực, phải đi sau thầy khi đi đứng, không được ăn trước ngồi trên... Ngay cả khi đã thành nghề, học trò vẫn tiếp túc thực thi lễ giáo với thầy trong các dịp lễ Tết, giỗ bái.

Tùy thuộc vào năng khiếu, sự nhạy bén và điều kiện riêng mà mỗi người, thời gian học nghề của mỗi người không giống nhau. Hơn thế, người dạy nhạc lẫn người học nhạc trước đây hằng ngày phải làm ruộng nên quá trình truyền nghề chủ yếu diễn ra vào ban đêm hoặc tranh thủ những lúc nông nhàn, nên để thành thục các bài bản, cần dàn trải ra một thời gian lâu dài. Dù dài hay ngắn thì các bước cơ bản mà người học nhạc phải trải qua là phải học thuộc bài bản trước khi bắt đầu học nhịp. Sau khoảng 1 năm, thầy cho đi theo trong các dịp tế lễ, cúng bái để đánh phách. Trong quá trình đi cùng thầy, học trò vừa nghe vừa quan sát thầy, thẩm thấu vào trong người và dần dần sử dụng thành thục các nhạc cụ cũng như các bài bản.

Đối với mỗi loại nhạc cụ, cần có những quy trình và quy cách luyện tập riêng:

Học đánh trống: Theo các nghệ nhân có kinh nghiệm của làng Điếu Ngao, điều quan trọng nhất trong học trống chính là phải luyện đôi bàn tay, từ ngón tay, cổ tay đến khuỷu tay. Các ngón tay phải giữ roi trống sao cho vừa chặt lại vừa lơi. Nghĩa là, nếu cầm không chặt, không thăng bằng cân đối thì roi trống có thể rơi ra bất cứ lúc nào. Ngược lại, nếu giữ quá chặt thì cử động của roi trống sẽ rất cứng. Vì thế, các ngón tay được "phân công" rất rõ ràng, ngón cái và ngón trỏ đảm nhận vai trò giữ roi trống, đồng thời cũng là những điểm tựa để các ngón còn lại thể hiện các thao tác luyến láy phức tạp khác. Không chỉ ngón tay, cổ tay cũng phải hết sức nhuần nhuyễn, có như vậy, mới có thể điều chỉnh các ngón tay một cách linh động để tiếng trống được chuẩn xác, không nặng quá cũng không nhẹ quá. Ngoài ra, trong quá trình đánh trống, lưng phải giữ thẳng, hai tay

trống không được đưa lên quá tai, hai vai phải cân bằng, đôi mắt cũng phải luôn luôn hướng theo roi trống. Đó không chỉ là những quy ước nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ mà còn tạo sự chỉnh chu, trang nghiêm cho đội nhạc.

Học *đánh trống quân* là một trong những nội dung khó nhất nhưng cũng quan trọng nhất của bất cứ ai là thành viên của các đội nhạc làng Điếu Ngao. Không phải ai cũng được truyền dạy cách đánh trống quân, nhưng mỗi khi đã được truyền dạy thì đệ tử đó đã được thầy lựa chọn bởi năng lực lẫn phẩm chất đạo đức. Đồng thời, cũng là người được thầy đặt niềm tin sẽ tiếp nối sự nghiệp của thầy. Là một bài trống thiêng, nên nhạc công không được để xảy ra bất cứ sai phạm nào. Người đánh trống quân phải hết sức thuần thục, quan trọng hơn, phải bình tĩnh, tập trung cao độ và không được thêm bớt bất cứ một roi trống nào.

Liên quan đến những quy định trong quy cách luyện tập, các đệ tử còn phải tuân theo một số quy định khác. Ví dụ, để tránh gây ảnh hưởng đến bà con lối xóm, người học phải lấy một cái thúng úp lại, rồi dùng hai chiếc đũa để tập đánh. Hoặc, nếu thầy cho đánh trên trống cũ thì cũng phải lấy một cái chăn cũ đậy lên để giữ thanh tịnh với mọi người.

Học thổi kèn: Sau khi học bài bản, các đệ tử sẽ bắt đầu được học lấy hơi. Để luyện tập hơi khỏe, thầy dạy nhạc cho mỗi đệ tử một tô nước, rồi lấy một ống hóp nhỏ, cho một đầu nhúng vào tô nước và bắt đầu thổi. Điều quan trọng là làm sao để bong bóng cứ sôi mãi và không được tắt. Nếu để gián đoạn, thầy có thể nghiêm khắt hơn, cho vào nước một ít ớt bột. Những ai không làm được sẽ bị "hóc" nhưng cũng nhờ đó mà càng cố công khổ luyện và nhanh chóng thành công.

Học đàn: Các loại đàn được sử dụng trong âm nhạc làng Điếu Ngao bao gồm *đàn nhị*, *đàn hồ*, *đàn bầu*, *đàn nguyệt*. Hầu hết các bài bản đều ký âm theo dạng ngũ âm của phương Đông, các note lại không được thể hiện trên nhạc cụ như của phương Tây nên như hầu hết các vùng khác, các đệ tử học nhạc ở Điếu Ngao chủ yếu học theo kiểu *đờn duồng,* nhìn và nghe thầy đàn nhiều lần, ăn sâu vào trí nhớ, rồi tự luyện tập dần dần bằng sự kiên trì, năng khiếu và sự nhạy bén của bản thân. Tương tự như trống, học đàn cần phải luyện đôi tay thật nhạy, đôi tai thật tinh để cảm nhận và thể hiện tốt tất cả các cung bậc, âm sắc.

Với lối dạy theo kiểu truyền nghề, các đệ tử thường được thầy dạy cho từng bài bản một, trong mỗi bài bản, thầy lại chỉ ra một vài điểm nhấn nhá, luyến láy đặc sắc mà thầy đã được thế hệ trước truyền dạy hay những kinh nghiệm do bản thân thầy đúc rút. Đó chính là cài mà người ta vẫn thường gọi là *truyền ngón*. Không phải ai cũng được thầy truyền cho các *ngón nghề* và không phải người nào cũng có được nhiều *ngón nghề* để truyền dạy. Riêng trong đàn tranh cũng có đến hơn chục *ngón nghề: ngón phi, ngón vê, ngón gõ, ngón bịt, ngón rung, ngón nhấn, ngón nhún, ngón vỗ, ngón chụp, ngón láy rền, ngón giật, ngón vuốt, ngón bật dây...* Biết được vài trong số các *ngón nghề* trên cũng đã đủ thể hiện tài hoa và cần rất nhiều sự khổ luyện.

Học ca: Cùng với sáo, nhị, trống, kèn, thành viên của các đội nhạc làng Điếu Ngao còn học ca Huế, với đủ các làn điệu như: Nam ai, Nam bình, Tứ đại cảnh, các điệu lý... và đặc biệt là hò đưa

linh. Vốn được xem là *một làn điệu giữ vai trò trung gian giữa dân ca và lễ ca ở miền Trung, trong đó, phần hơi Nam thì còn mang âm hưởng của Hò còn phần hơi Bắc thì đã mang âm hưởng của nhạc cúng, nhạc lễ, nhạc lên đồng*[3], hò đưa linh thường được các nghệ nhân làng nhạc Điếu Ngao diễn xướng trong các lễ giải oan bạt độ, trong các đám tang với ý nghĩa đưa các vong linh đến miền cực lạc, hay là một cuộc "đối thoại" giữa người sống và linh hồn của những người đã khuất. Hò đưa linh có thể được diễn xướng dựa trên những bài có sẵn, nhưng cũng có khi, các thành viên của đội nhạc ứng tác để phù hợp với từng hoàn cảnh.

Về cơ bản, các thế hệ nghệ nhân của đội nhạc phường Điếu Ngao truyền nghề theo lối "bắt tay chỉ việc", người học học bằng những cái nhìn thấy, nghe thấy, và biểu diễn bằng trí nhớ, bằng sự lặp đi lặp lại nhiều lần. Ngoài học thuộc bài, dày công khổ luyện, việc theo thầy *đi nghề* trong các dịp ma chay, tế tự chính là những dịp mà mỗi đệ tử tích lũy cho mình rất nhiều kiến thức. Cùng với các ngón nghề, kỹ thuật cá nhân, mỗi người còn có cơ hội để rèn luyện sự tinh nhạy trong khi hòa âm với các đạo hữu để tạo nên sự quyện hòa, uyển chuyển. Dĩ nhiên, người càng am hiểu nhiều loại nhạc cụ bao nhiêu thì khả năng phối hợp của họ càng tốt bấy nhiêu[4].

2.2. Quy ước trong "đi nghề"

Không chỉ kiến thức chuyên môn, những quy ước trong nghi thức trình diễn, *đi nghề* cũng là dịp để mỗi đệ tử học hỏi từ thầy của mình cách hành xử, đạo đức nghề nghiệp. Nếu như quy ước trong truyền nghề gắn với mối quan hệ giữa thầy dạy và trò học nhạc thì quy ước trong *đi nghề* gắn với mối quan hệ giữa đội nhạc và các gia chủ, đại diện các cộng đồng mà đội nhạc đến phục vụ. Khác với các loại hình diễn xướng khác, âm nhạc làng Điếu Ngao chủ yếu phục vụ trong các dịp lễ lạc tại nhà chùa, tế lễ thần linh tiên tổ hay ma chay, tống táng người qua đời. Do đó, trong quan niệm dân gian, họ không phải là *xướng ca vô loại* mà là *hàng đội* - những người đem âm nhạc để góp phần tạo nên sự liên thông giữa con người với các bậc thánh thần, vong linh. Việc thỉnh mời hàng đội đến với các dịp tế lễ, vì vậy, có những nghi thức riêng rất long trọng. Theo truyền thống, khi một gia đình có hiếu sự chẳng hạn, người nhà sẽ mang một mâm cau trầu rượu đến tận nhà của hàng đội để trình bày sự việc và *mời hàng đội*. Khi đội nhạc đồng ý và vừa đến nhà của tang chủ thì một mâm cau trầu rượu được bày ra để *mừng hàng đội*. Làm việc xong, gia chủ lại mang một một lễ cau trầu rượu kèm *tiền công đức* để *ơn hàng đội*. Đáp lại, hàng đội cũng quan niệm là mình vừa làm công nhưng cũng vừa làm đức (*công đức*) nên họ không bao giờ lấy hết tiền công đức mà luôn lưu lại một số tiền nhất định cho gia chủ. Số tiền có thể không đáng kể nhưng đó là tiền *lưu phước*, xem như là để thắp nhang cho người đã khuất, *công đức bất khả hưởng tận* chính là câu nói thể hiện ý nghĩa này.

Ngoài *tiền công đức, tiền lưu phước*, còn có *tiền thưởng*. Người xưa có câu *mười đồng tiền công không bằng một đồng tiền thưởng* để chỉ sự danh dự của người chơi nhạc khi nhận được tiền thưởng (tiền thưởng). Tiền thưởng có thể do gia chủ thưởng thêm ngoài tiền công đức, nhưng cũng có khi do một người đến dự đám tiệc thưởng sau khi yêu cầu các nhạc công chơi một số bài bản họ yêu thích. Điều đặc biệt là tiền

thường không bao giờ *lưu phước* như khi nhận *tiền công đức*.

Một điểm đặc biệt nhân văn khác trong quy cách làm ăn của đội nhạc là mọi người cùng hưởng thành quả lao động. Kể cả khi đệ tử còn học nghề nhưng được thầy cho cùng *đi nghề* thì vẫn được hưởng một phần trong số tiền công mà thầy nhận được. Do đặc trưng nghề nghiệp là cần phải có 3 người trở lên khi hòa âm, diễn tấu các bài bản nên không có chuyện đi làm ăn riêng lẻ. Khi một nghệ nhận trực tiếp nhận được lời mời thì người đó có quyền mời các nghệ nhân khác. Sau đó, tất cả các thành viên được chia đều thành quả lao động hoặc có chênh lệch cũng không đáng kể. Đáng lưu ý là sau mỗi chuyến đi nghề, bất cứ thù lao thu được nhiều hay ít, mọi người đều trích một phần tiền của mình để gây quỹ cho hội. Số tiền này được sử dụng để thăm viếng khi gia đình của các thành viên có người ốm đau, đám đình hoặc gặp những việc bất trắc khác. Các dịp hội họp, giỗ tổ của đội nhạc cũng sử dụng nguồn ngân quỹ này.

Trong mối quan hệ với xã, thôn, đội nhạc là một bộ phận không tách rời của cộng đồng cư dân làng Điếu Ngao, do đó, ngoài những chuẩn tắc trong phạm vi phường hội, mỗi thành viên đều phải tuân theo những quy tắc của cộng đồng. Điểm đặc biệt là, trước đây, đội nhạc được miễn làm các nghĩa vụ công dân thông thường (như làm đường xá, tạp dịch...). Thay vào đó, họ phải tham gia phục vụ trong các dịp lễ lạc của làng. Truyền thống ấy vẫn được duy trì cho đến ngày nay. Cho dù trong điều kiện mới, làng vẫn trích công quỹ cho đội nhạc nhưng đội nhạc thường cúng lại để "thắp nhang cho các ngài". Ngoài ra, từ xưa cho đến nay, khi trong làng có người qua đời, đội nhạc đến phục vụ hoàn toàn miễn phí như một cách trợ tang.

Riêng với *điệu trống quân*, vốn được xem là một bài bản đặc sắc và là biểu tượng linh thiêng đối với những người làm nhạc ở làng Điếu Ngao, nên bài nhạc này có những quy ước riêng. Xuất phát từ tính linh thiêng, trống quân không được tùy tiện sử dụng, nó chỉ được đánh trong các dịp lễ trọng hoặc trong các trai đàn chẩn tế. Khi đánh trống quân, các nhạc công quan niệm rằng, mình đang đứng trước các vị thánh hiền, do đó, họ phải giữ mình tinh tấn, sạch sẽ và quan trọng nhất là phải làm lễ cáo tổ từ trước đó. Người ta tin rằng, những sơ xuất trong quá trình đánh trống như roi trống bị gãy, hay các nhịp trống lạc nhịp nhau chính là những điềm chẳng lành được báo trước. Hoặc là người đánh trống hay những người liên quan trong buổi lễ vi phạm một số điều cấm kỵ, hoặc sẽ có một số tai họa sẽ xảy ra về sau.

3. Đội nhạc Điếu Ngao trong bối cảnh hiện nay

Trong điều kiện mới, tổ chức sinh hoạt của đội nhạc làng Điếu Ngao có những thay đổi nhất định. Đặc biệt là phương thức truyền nghề. Do các nghệ nhân ở làng Điếu Ngao là những "nghệ nhân dân gian", nên quá trình truyền nghề và học nghề không bị Tây hóa với những nhược điểm mà người ta thường bàn đến. Tuy nhiên, các nghệ nhân lại không có kiến thức về chữ Hán và chữ Nôm nên hầu như không còn ai có thể đọc lại những bài bản ký âm theo phương pháp cổ truyền, cho dù họ đang sở hữu một cuốn Nhạc phổ quý giá. Đây cũng là lý do khiến họ không hệ thống hóa được mà chỉ dạy nghề, học nghề và trình diễn các bài bản dựa trên kinh nghiệm và trí nhớ của một số người.

Tại làng Điếu Ngao hiện nay, đa số thanh niên theo nghề nhạc là con cháu của các nghệ nhân. Họ tự nguyện và tâm huyết với nghề có lẽ xuất phát từ truyền thống gia đình, từ những điều họ thẩm thấu từ cha ông khi còn tấm bé. Với nhu cầu của xã hội hiện nay, họ hoàn toàn có thể dùng âm nhạc làm kế sinh nhai mà không cần làm thêm bất cứ nghề phụ nào khác. Mặc dù vậy, nhìn một cách tổng thể, thế hệ trẻ tiếp nối nghề nhạc ở Điếu Ngao hiện nay không nhiều bởi xu hướng chung trong lựa chọn nghề nghiệp là thi vào các trường Đại học, cao đẳng nhằm kiếm một việc làm ổn định trong các công sở. Ngoài ra, định kiến của những người cùng trang lứa cũng là nguyên nhân khiến thanh niên ngần ngại lựa chọn nghề "đánh thổi".

Từ thực tế này, trong xu hướng xã hội hóa nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bên cạnh sự cần thiết phải có sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn thì việc phát huy vai trò của cá nhân tiên phong, gia đình, họ tộc có truyền thống nghề nghiệp/nghệ thuật là hết sức cần thiết. Thực tế, những ưu thế của phương thức dạy theo lối truyền nghề, đã được thừa nhận và triển khai ở nhiều loại hình nghệ thuật. Song, "lối truyền nghề" ở đây không đơn thuần là "truyền khẩu" hay "bắt tay chỉ việc" đối với từng loại kỹ thuật, nhạc cụ mà đằng sau đó còn là mối thâm giao giữa người dạy và người học - vốn không hề dễ xây đắp trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi mà giữa người nắm giữ di sản và người lĩnh hội nó dường như có một sự lệch pha nhất định về mục tiêu, ý hướng… Chú trọng đến yếu tố gia truyền, phường hội, vì thế, sẽ là một hướng đi cho công cuộc bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống nói chung, nghề nhạc của làng Điếu Ngao nói riêng.

N.T.T.H - H.A.M

CHÚ THÍCH

(1) Dương Văn An (1997), *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh phiên dịch, Huế: Nxb. Thuận Hoá, tr. 218, 41.

(2) Lê Quí Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Lê Xuân Giáo, tập II, quyển 4, 5 và 6 (trọn bộ), Tủ sách cổ văn, Uỷ ban dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản.

(3) Phạm Duy (1960), "Dân ca Việt Nam", trong Nguyệt san *Văn hữu*, số 3

(4)Các nghệ nhân kỳ cựu của làng nhạc Điếu Ngao đều có khả năng sử dụng cùng lúc nhiều thứ nhạc cụ khác nhau, nhưng mỗi người lại được biết đến với mỗi ưu thế riêng:

- Cụ Hoàng Văn Kết: giỏi nhất là sanh tiền; Cụ Hoàng Văn Kim: giỏi sử dụng các loại kèn; Cụ Hoàng Hữu Lân: giỏi nhất là đàn bầu; Cụ Hoàng Văn: nổi tiếng với kèn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Trọng Hiền, "Bảo tồn âm nhạc cung đình trong xã hội Việt Nam đương đại - thực trạng và giải pháp", trong Kỷ yếu hội thảo *Âm nhạc cung đình Huế*, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Âm nhạc Việt Nam, tr. 208 - 209.

Phạm Duy (1960), "Dân ca Việt Nam", trong *Nguyệt san Văn hữu*, số 3.

Nguyễn Bình Định (2002), "Hệ thống ký âm trong âm nhạc cung đình Việt Nam", trong Kỷ yếu hội thảo *Âm nhạc cung đình Huế*, Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Âm nhạc Việt Nam, tr. 108 - 117.

Viện nghiên cứu âm nhạc (1997), *Âm nhạc cổ truyền Quảng Trị*,

Lê Quí Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Lê Xuân Giáo, tập II, quyển 4, 5 và 6 (trọn bộ), Tủ sách cổ văn, Uỷ ban dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản.

Dương Văn An (1997), *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh phiên dịch, Huế: Nxb. Thuận Hoá.

TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trí Ánh
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị

Hiện nay, Việt Nam đang đứng trước những thuận lợi, thời cơ lớn nhưng đan xen nhiều khó khăn, thách thức, nguy cơ. Hơn bao giờ hết, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và chủ trương, quan điểm của Đảng ta về tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là rất cần thiết nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới.

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, năm 2020 Ban Bí thư Trung ương Đảng chọn chủ đề ***"Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh"*** để triển khai học tập trong toàn Đảng. Sở dĩ chọn chủ đề này bởi ít nhất có 3 lý do sau đây: *Thứ nhất*, năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 75 năm Ngày thành lập nước,130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; và là năm cuối của nhiệm kỳ; tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII tiến đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. *Thứ hai:* Về cục diện đất nước: Trong bối cảnh kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng nhanh[1]; Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; lạm phát được kiểm soát; Đầu tư xã hội, năng lực sản xuất kinh doanh tăng mạnh; Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường; Có lẽ chính vì vậy mà Ngân hàng Thế giới đưa ra nhận định: *"Mây đen phủ lên toàn cầu, nhưng mặt trời vẫn đang tỏa nắng ở Việt Nam"*. Cùng với đó, các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng, rõ nét; Sự nghiệp y tế, thể dục, thể thao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đổi mới căn bản và toàn

diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng con người; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển khoa học và công nghệ, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo… đạt được nhiều kết quả tích cực, rõ nét.

Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nhất là phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, tăng cường. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tiếp tục được triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, bài bản, đi vào chiều sâu, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đã tạo ra sức răn đe, cảnh tỉnh rất lớn.

Thứ ba: Năm 2020 là năm toàn Đảng sẽ tiến hành đại hội Đảng các cấp; Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, bất cập, yếu kém, những vấn đề tồn đọng kéo dài gây bức xúc mà cán bộ, đảng viên, nhân dân quan tâm. Tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; đồng thời, phải tỉnh táo, cảnh giác, chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với mọi âm mưu, thủ đoạn, hành động chống phá của các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội chính trị, bất mãn.

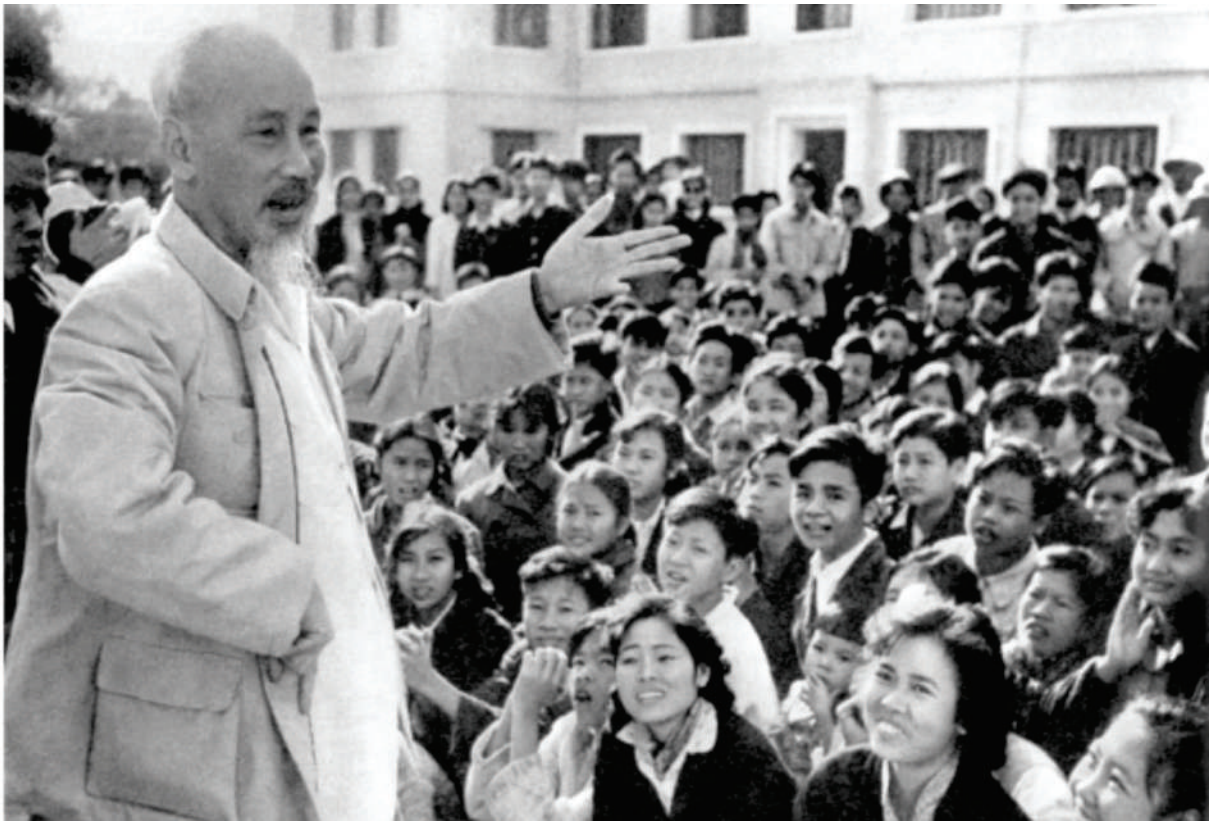

Hồ Chủ tịch luôn xem đại đoàn kết dân tộc là kim chỉ nam cho mọi hành động.
Ảnh: http://www.bienphong.com.vn

Đối với tỉnh ta, từ những kết quả quan trọng đã đạt được năm 2019, trên cơ sở phân tích và dự báo tình hình, BCH Đảng bộ đã xác định chủ đề năm 2020 là **"Hành động quyết liệt - Về đích toàn diện- Tạo đà bứt phá**" nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra. Đây là quyết tâm chính trị của Đảng bộ là kỳ vọng của Nhân dân Quảng Trị.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả quan trọng nói trên, đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình hiện nay đặt ra nhiều vấn đề cần tập trung giải quyết; đó là: Xuất hiện sự chênh lệch ngày càng lớn về mức thu nhập và hưởng thụ giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp nhân dân… Sự phân hóa giàu nghèo có chiều hướng gia tăng đã và đang ảnh hưởng lớn đến đại đoàn kết dân tộc. Cùng với đó, các thế lực thù địch đã và đang tiếp tục khai thác những thiếu sót, yếu kém của đất nước hòng phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, bên cạnh những thành tựu to lớn, cũng đã và đang bộc lộ những yếu kém, khuyết điểm: Năng lực dự báo, định hướng chính sách, thể chế hóa, cụ thể hóa để tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, còn khoảng cách với đòi hỏi của thực tiễn. Năng lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới. Công tác quản lý, giáo dục đảng viên chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả chưa cao. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất đạo đức, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa cao.

Hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay còn nhiều mặt yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn nhiều biểu hiện của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.

Trước tình hình đó, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình hiện nay cần tập trung một số nhiệm vụ giải pháp cơ bản sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu và của cả hệ thống chính trị trong lãnh đạo, củng cố, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Theo đó, các cấp ủy đảng và người đứng đầu tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc về công tác dân vận, công tác mặt trận và các đoàn thể. Đưa nội dung lãnh đạo các công tác này thành một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp; thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, lắng nghe ý kiến đóng góp của nhân

dân. Thực hiện triệt để Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư khóa XI về "Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp"; Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*". Cán bộ, đảng viên phải xung phong, gương mẫu học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhất là về đoàn kết và xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để nhân dân học và làm theo.

2. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tập trung vào các vấn đề: toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp; từng gia đình làm giàu cho mình, cho cộng đồng, cho đất nước, xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu hàng năm có thêm nhiều địa phương không còn hộ nghèo; tiếp tục thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và tích cực tham gia ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn, sự xuống cấp đạo đức trong xã hội. Tôn vinh người tốt, việc tốt; bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Lên án, phê phán, đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí,

Bác Hồ với đồng bào dân tộc thiểu số. Ảnh: http://tuyengiao.vn

những hành động coi thường kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. Phát huy quyền chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác vận động nhân dân phù hợp với đặc điểm từng giai tầng, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi, ngành nghề ở địa phương, cơ sở. Phát huy vai trò tư vấn của tổ chức tư vấn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt quy định về giám sát và phản biện xã hội, chủ động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Tăng cường công tác dân vận của chính quyền các cấp. Tích cực phối hợp giữa chính quyền các cấp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm công tác dân vận. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, các quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị -xã hội các cấp nhằm phát huy dân chủ, chăm lo đời sống nhân dân. Thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

5. Kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần tham gia tuyên truyền sâu rộng để mọi tầng lớp nhân dân nhận thức rõ âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Từ đó, tạo sự chuyển biến tốt trong nhận thức, nâng cao tinh thần cảnh giác, nhạy bén nhận diện và tích cực tham gia đấu tranh với những thông tin quan điểm sai trái, thù địch.

Từ những nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, có thể khẳng định rằng: Thực hiện tốt chủ đề ***"Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh theo tư tưởng Hồ Chí Minh"*** trong năm 2020 và các năm tiếp theo là cách làm thiết thực nhất, góp phần vào thành công của các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 2020; góp phần vào thành công của quá trình tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và bầu cử Quốc hội năm 2021; tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Đồng thời, đó cũng là cách để mỗi cán bộ, đảng viên và người dân phát huy tinh thần, ý thức, trách nhiệm của bản thân, đóng góp sức mình vào cuộc đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xây dựng đất nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

N.T.A

CHÚ THÍCH

[1] Đạt trên 7%, cao hơn mức kế hoạch (6,6 - 6,8%), thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới; Nâng quy mô nền kinh tế Việt Nam (GDP) lên khoảng 266 tỷ đô-la Mỹ;Thu nhập bình quân đầu người đạt gần 2.800 USD (dân số hơn 96 triệu người.

PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Địa chỉ: Số 01 Huyền Trân Công Chúa, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Năm 2019, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, lĩnh vực KH&CN của thành phố đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Thành phố đã đẩy mạnh việc chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nhân rộng các kết quả KH&CN trong sản xuất nông nghiệp giúp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, nhất là đối với các cây trồng, con nuôi có lợi thế của thành phố. Ngoài việc nhân rộng mô hình cánh đồng lớn với giống lúa mới chất lượng cao đã chú trọng phát triển vùng rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP; đã xây dựng được 9 nhà màng đưa vào sản xuất trong năm 2019 với các loại hoa như: Dạ yến thảo, hoa hồng ngoại, hoa Đồng tiền,… tại vùng sản xuất hoa chậu tập trung phường Đông Giang. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất được quan tâm. Năm 2019, đã hỗ trợ 8 dự án với kinh phí 355 triệu đồng (Ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất may công nghiệp, chế biến các loại dầu thực vật, sản xuất sữa bắp, sản xuất chế tạo mộc mỹ nghệ, cơ kim khí…); phối hợp với Thành Đoàn Đông Hà triển khai cuộc thi Sáng tạo trẻ nhằm phát huy những sáng kiến trong cuộc sống; Hội đồng KH&CN thành phố đã xét và nghiệm thu 01 đề tài cấp thành phố; triển khai xét và công nhận các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp công tác theo quy định. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng sản phẩm, nhãn mác hàng hóa, kiểm định các phương tiện đo,… thành phố đã phối hợp với các ngành chức năng để thực hiện công tác kiểm tra và xử lý vi phạm; sự phối hợp giữa thành phố với các phòng, chi cục thuộc Sở KH&CN nên hoạt động KH&CN ở thành phố Đông Hà trong năm 2019 đã đem lại hiệu quả thiết thực và có chất lượng.

Trong năm 2020, thành phố tiếp tục quán triệt Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn giai đoạn 2017-2025 theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị. Trong đó, chú trọng hướng dẫn và hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, cơ sở trong việc ứng dụng thiết bị, máy móc tiên tiến, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ cao, đưa giống cây trồng, con nuôi mới phù hợp với địa bàn vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát động phong trào lao động sáng tạo, triển khai áp dụng các sáng kiến được công nhận vào công tác, sản xuất; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước. Tăng cường quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhất là chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật.

Các mô hình trồng hoa và rau sạch

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG

THỊ TRẤN KRÔNG KLANG - HUYỆN ĐAKRÔNG - TỈNH QUẢNG TRỊ

Được sự lãnh đạo sâu sát, quyết liệt và tích cực của đội ngũ lãnh đạo huyện trong những năm trở lại đây, huyện Đakrông đã thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện đồng bộ, qua đó đã khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, bước đầu đã tổ chức lại sản xuất các loại cây trồng, con nuôi có lợi thế, xây dựng các mô hình kinh tế có liên doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm và hướng đến xây dựng thương hiệu theo tiêu chuẩn OCOP. Huyện chú trọng đưa giống cây trồng mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, hiệu quả trên đơn vị diện tích; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp năm 2020 ước đạt 347,862 tỷ đồng, tăng 150,434 tỷ đồng so với năm 2015. Chăn nuôi có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chăn nuôi có chuồng trại, chăn dắt, phòng chống dịch bệnh, sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2020 ước đạt 1.130 tấn, tăng 298 tấn so với năm 2015. Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2020 kế hoạch ước đạt 2,569 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thủy sản đạt 8,98%. Lĩnh vực Lâm nghiệp được chú trọng, thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng cho người dân sản xuất,... Trong 5 năm trồng mới khoảng 4.860 ha rừng tập trung và 250 vạn cây phân tán, nâng độ che phủ rừng từ 64,5% năm 2015 lên 65% năm 2020.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2016 - 2019 đã huy động nguồn vốn để xây dựng nông thôn mới là 705,582 triệu đồng. Qua đó, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục… được quan tâm đầu tư, nâng cấp, xây dựng theo quy chuẩn nông thôn mới; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, nhiều mô hình sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm bước đầu được hình thành, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được thực hiện hiệu quả hơn; công tác môi trường được quan tâm hơn… Dự kiến đến năm 2020 tổng số tiêu chí đạt được trong toàn huyện là 155 tiêu chí và tăng 68 tiêu chí so với năm 2015. Từ đó, đời sống vật chất và tinh thần của người dân từng bước được cải thiện đáng kể; an ninh, chính trị được giữ vững ổn định và ngày càng được củng cố.

Một số mô hình của Huyện

DÂY THÌA CANH

Dây thìa canh (Gymnema Sylvestre) có thành phần hóa học chính là hoạt chất Gymnema Sylvestre (GS4) và các thành phần khác như flavone, anthraquinone, hentri-acontane, pentatriacontane, α và β-chlorophylls, phytin, resins, d-quercitol, acid tartaric, acid formic, acid butyric, lupeol... có tác dụng giúp giảm đường huyết và điều trị bệnh đái tháo đường, chống béo phì, bảo vệ gan, kháng khuẩn và hạ huyết áp. Dây Thìa canh do PGS, TS Trần Văn Ơn (Trưởng bộ môn Thực vật học, Trường Đại học Dược Hà Nội) là nhà khoa học đầu tiên tiến hành nghiên cứu, đánh giá các hoạt chất quý và đưa vào sử dụng. Đến nay đã có khoảng 70 nghiên cứu cả trong và ngoài nước về Dây Thìa canh, trong đó có kết quả đề tài nghiên cứu được công bố trên tạp chí Dược học - Bộ Y tế số 391 tháng 11/2008.

Ở Quảng Trị Dây Thìa Canh được Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN du nhập, trồng thử nghiệm từ năm 2018, với điều kiện khí hậu đặc thù của vùng nắng gió, Dây Thìa Canh sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất cũng như giá trị dược liệu cao. Để phát triển Dây Thìa Canh thành một loại dược liệu ở Quảng Trị, vừa qua Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị đã củng cố, phát triển vùng nguyên liệu và chế biến thành 2 dạng sản phẩm **Dây Thìa Canh sấy khô** với nguyên liệu được thu hái, cắt, rửa sạch và sấy khô với công nghệ sây lạnh tiên tiến, bao gói chân không giữ được màu sắc, hương vị tự nhiên và giá trị dược liệu cao và **Dây Thìa Canh hòa tan** được chế biến ở dạng hòa tan, đặc biệt chiết suất bằng công nghệ cao với hệ thống chiết suất tuần hoàn chân không hiện đại ở nhiệt độ thấp để thu được sản phẩm đầy đủ các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học cao bảo vệ sức khỏe. Sản phẩm có mùi, vị đặc trưng, thơm ngon, dễ chịu. Sản phẩm dùng cho người bị bệnh tiểu đường tuýp 1, tuýp 2; người có đường huyết cao, tiền đái tháo đường. Sản phẩm hạn chế sử dụng với trẻ em dưới 6 tuổi, phụ nữ có thai hoặc trong thời kỳ cho con bú, người có huyết áp thấp.

Dây Thìa canh hòa tan

Dây Thìa canh sấy khô

Đơn vị sản xuất: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KH&CN QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị

Hotline: 0843 744 333; Email: QTSTAC@gmail.com; Website:sanphamquangtri.com

CÔNG TY TNHH THÀNH HƯNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nam Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0233.3850423

Lĩnh vực kinh doanh:

- ✓ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng,…
- ✓ Đặc biệt, Công ty TNHH Thành Hưng đã đầu tư vào sản xuất gạch không nung, tập lô có kích thước 15x20, 10x30, 10x17x27 chất lượng rất tốt, phù hợp xây móng nhà và các công trình tự hoại, các công trình kênh, mương, thủy lợi, có giá thành hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng sản xuất các loại gạch không nung loại trung bình có chất lượng đảm bảo. Hiện tại, Công ty đã tìm ra giải pháp để khắc phục việc nứt nẻ của gạch, tìm kiếm được phụ gia sợi da cường thủy tinh được trộn trong vữa dùng chống nứt nẻ của gạch sau khi công trình được hoàn thiện. Gần đây, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất bê tông thương phẩm tại khu công nghiệp Nam Đông Hà.

Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng

QMC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ

QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com